BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
****

NGUYỄN THỊ LINH HUYỀN

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

Chuyên ngành: Lý luận và PPDH bộ môn GDCT
Mã số: 9.14.01.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Thị Mai Phương

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả được nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Tác giả

Nguyễn Thị Linh Huyền

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin dành sự kính trọng và lời cảm ơn sâu sắc tới PGS.TS. Trần Thị Mai Phương – người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, động viên, khích lệ tôi trong suốt quá trình thực hiện Luận án.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới toàn thể Ban Lãnh đạo khoa, cùng các thầy cô giáo Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Hà Nội, tháng 10 năm 2018

Tác giả

Nguyễn Thị Linh Huyền

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Những chữ viết tắt	Quy định viết tắt
Chương trình	CT
Dạy học	DH
Đạo đức kinh doanh	ĐĐKD
Đối chứng	ĐC
Giáo dục công dân	GDCD
Giáo dục	GD
Giáo dục – Đào tạo	GD - ĐT
Giáo dục đạo đức kinh doanh	GDĐĐKD
Giáo viên	GV
Học sinh	HS
Hình thức tổ chức	HTTC
Kết quả học tập	KQHT
Kinh tế thị trường	KTTT
Kiểm tra đánh giá	KTĐG
Kỹ thuật dạy học	KTDH
Phương pháp	PP
Phương pháp dạy học	PPDH
Phương pháp thuyết trình	PPTT
Phương pháp thảo luận nhóm	PPTLN
Phương pháp dự án	PPDA
Phương pháp trực quan	PPTQ
Phương tiện	PT
Phương tiện dạy học	PTDH
Quá trình dạy học	QTDH
Sách giáo khoa	SGK
Thực nghiệm	TN
Thực nghiệm sư phạm	TNSP
Trung học phổ thông	THPT

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1

1. Tính cấp thiết của đề tài 1

2. Mục đích nghiên cứu.....3

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 3

4. Giả thuyết khoa học 3

5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu 3

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....4

7. Những luận điểm cần bảo vệ.....5

8. Những đóng góp mới của luận án 6

9. Cấu trúc của luận án.....6

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....7

1.1. Những công trình nghiên cứu về đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh 7

1.1.1. Những nghiên cứu về đạo đức kinh doanh.....7

1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh.....14

1.2. Những công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở THPT 20

1.3. Khái quát các kết quả nghiên cứu được kế thừa trong luận án và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu 28

Kết luận chương 1 29

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌCMÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY.....31

2.1. Cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT hiện nay.....31

2.1.1. Một số khái niệm 31

2.1.2. Một số vấn đề lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay 42
2.2. Cơ sở thực tiễn của việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay 55
2.2.1. Thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay 55
2.2.2. Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông hiện nay 69
2.2.3. Một số vấn đề đặt ra đối với việc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay 72
Kết luận chương 2 73
Chương 3. NGUYÊN TẮC VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY 75
3.1. Nguyên tắc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay 75
3.1.1. Giáo dục đạo đức kinh doanh phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học 75
3.1.2. Giáo dục đạo đức kinh doanh phải được thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lí luận với thực tiễn 77
3.1.3.Giáo dục đạo đức kinh doanh phải đảm bảo tính vừa sức và tính định hướng trong môn học 79
3.1.4. Phát huy tính tích cực, chủ động và vốn kinh nghiệm thực tế của HS 82
3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT hiện nay 83
3.2.1. Lựa chọn nội dung trong bài học GDCD để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho phù hợp 83
3.2.2. Sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT 92
3.2.3. Biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT 104

3.2.4. Sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh.....109
3.2.5. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.....110
Kết luận chương 3 112
Chương 4. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 114
4.1. Kế hoạch thực nghiệm sư phạm.....114
4.1.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm 114
4.1.2. Nguyên tắc tiến hành thực nghiệm sư phạm 114
4.1.3. Đối tượng thực nghiệm sư phạm.....114
4.1.4. Giáo viên thực nghiệm sư phạm.....115
4.1.5. Nội dung thực nghiệm sư phạm 116
4.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm và quá trình chuẩn bị.....118
4.2.1. Phương pháp thực nghiệm sư phạm 118
4.2.2. Quá trình chuẩn bị thực nghiệm sư phạm.....119
4.3. Tiến hành thực nghiệm sư phạm và đánh giá kết quả thực nghiệm.....122
4.3.1. Thực nghiệm lần 1.....122
4.3.2. Thực nghiệm lần 2.....133
4.3.3. Đánh giá của giáo viên và học sinh sau thực nghiệm 144
4.3.4. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm.....145
Kết luận chương 4 146
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 148
1. Kết luận 148
2. Kiến nghị.....149
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ 151
TÀI LIỆU THAM KHẢO 153
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Ý kiến GV về sự cần thiết của việc giáo dục ĐĐKD trong dạy học GDCD ở THPT 55
Bảng 2.2. Mức độ tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh của GV trong dạy học môn GDCD ở THPT 56
Bảng 2.3. Mức độ thực hiện giáo dục DĐKD trong DH các nội dung của môn GDCD ở THPT 56
Bảng 2.4. Nhận thức của HS về sự cần thiết giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD 57
Bảng 2.5. Nhận thức của HS về các chuẩn mực đạo đức kinh doanh 57
Bảng 2.6. Mức độ hứng thú của HS khi tiếp thu nội dung GD DĐKD 58
Bảng 2.7: Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục ĐĐKD trong dạy học môn GDCD (Khảo sát GV) 59
Bảng 2.8: Mức độ vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học khi GD ĐĐKD trong dạy học GDCD (Khảo sát GV) 60
Bảng 2.9: Mức độ sử dụng phương pháp, KTDH khi GD ĐĐKDtrong dạy học GDCD (Khảo sát HS) 61
Bảng 2.10. Mức độ sử dụng phương tiện và tư liệu dạy học khi GD ĐĐKD trong dạy học môn GDCD (Khảo sát GV) 63
Bảng 2.11: Mức độ thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS (Khảo sát GV) 65
Bảng 2.12: Mức độ sử dụng các loại bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS (Khảo sát GV) 66
Bảng 2.13: Mức độ sử dụng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS (Khảo sát GV) 67
Bảng 4.1: Tên trường, lớp GV dạy TNSP 115
Bảng 4.2. Nội dung dạy thực nghiệm 116
Bảng 4.3: Thang đánh giá mức độ nhận thức của HS khi tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT 120

Bảng 4.4: Phân phối tần số điểm đánh giá đầu vào của HS nhóm lớp ĐC và TN khi chưa có tác động sư phạm trong TN lần 1 123
Bảng 4.5. Mức độ nhận thức của HS hai nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm ..124
Bảng 4.6. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra đánh giá đầu vào của HS nhóm ĐC và HS nhóm TN 125
Bảng 4.7: Phân phối tần số điểm đánh giá mức độ nhận thức của HS nhóm lớp ĐC và TN qua bài kiểm tra số 1 trong TN lần 1.....126
Bảng 4.8: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm ĐC và TN qua kết quả bài kiểm tra số 1 trong TN lần 1 127
Bảng 4.9. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 1 trong TN lần 1.....128
Bảng 4.10: Phân phối tần số điểm đánh giá mức độ nhận thức HS qua bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1.....130
Bảng 4.11: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm qua kết quả bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1 131
Bảng 4.12. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1.....132
Bảng 4.13. Phân phối tần số điểm đánh giá đầu vào của HS nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm trong TN lần 2 134
Bảng 4.14: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm trong TN lần 2.....135
Bảng 4.15. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra đánh giá đầu vào của HS nhóm ĐC và HS nhóm TN trong TN lần 2.....136
Bảng 4.16: Phân phối tần số điểm đánh giá HS qua bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2 ..137
Bảng 4.17: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm ĐC và TN qua kết quả bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2.....138
Bảng 4.18. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2.....139
Bảng 4.19: Phân phối tần số điểm đánh giá mức độ nhận thức của HS qua bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2.....140
Bảng 4.20: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm qua kết quả bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2.....141
Bảng 4.21. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2.....143

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Hình 4.1: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra đầu vào của lớp TN và ĐC (TN lần 1).....124
Hình 4.2: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm (TN lần 1) 124
Hình 4.3: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 1 của lớp TN và ĐC 127
Hình 4.4: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 1 (TN lần 1) 127
Hình 4.5: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 2 của lớp TN và ĐC 130
Hình 4.6: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 2 (TN lần 1) 131
Hình 4.7: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra đầu vào của lớp TN và ĐC (TN lần 2).....135
Hình 4.8: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm (TN lần 2) 135
Hình 4.9: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 1 của lớp TN và ĐC trong TN lần 2 138
Hình 4.10: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 1 (TN lần 2) 138
Hình 4.11: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 2 của lớp TN và ĐC trong TN lần 2 141
Hình 4.12: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 2 (TN lần 2) 142

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh việc mang lại những chuyển biến tích cực cho sự phát triển, KTTT cũng chứa đựng nhiều tác động tiêu cực nhất là việc suy thoái về đạo đức trong đó có đạo đức kinh doanh. Những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh như: trốn thuế, kinh doanh trái phép, làm hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng quốc cấm, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.....đã gây ra những ảnh hưởng và tổn hại không nhỏ đến sức khoẻ của cộng đồng nói chung và người tiêu dùng nói riêng. Để đảm bảo cho nền KTTT phát triển bền vững, khắc phục những biểu hiện tiêu cực nêu trên cần quan tâm đúng mức tới vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh. Bên cạnh việc hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng các quy tắc ứng xử về đạo đức kinh doanh cần chú trọng công tác tuyên truyền và giáo dục cho tất cả các chủ thể tham gia vào nền KTTT đầy sôi động hiện nay.

Học sinh THPT là lực lượng lao động quan trọng chuẩn bị tham gia vào nền sản xuất xã hội cần được bồi dưỡng nhiều khía cạnh đạo đức, trong đó có đạo đức kinh doanh thông qua các môn học khác nhau. Giáo dục công dân là môn học hướng tới mục tiêu góp phần giáo dục toàn diện nhân cách học sinh với nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và pháp luật, đào tạo các em trở thành những người lao động mới, có phẩm chất tốt đẹp của người công dân Việt Nam. Trong tương lai, dù hoạt động ở ngành nghề nào, với trình độ nào, các em đều cần phải tuân theo những chuẩn mực và những giá trị, đạo đức của xã hội, trong đó có đạo đức kinh doanh. Việc lồng ghép nội dung giáo dục kinh doanh trong trong dạy học Giáo dục công dân hướng các em tới những chuẩn mực cơ bản như: tôn trọng con người, trung thực, khiêm tốn, dũng cảm và có trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh… Giúp các em nhận thức được ý nghĩa của việc tuân thủ đạo đức kinh doanh không chỉ làm gia tăng lợi ích cho mỗi doanh nghiệp, mỗi cá nhân mà còn góp phần phát triển bền vững nền kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội như nạn ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo quyền con người, bình đẳng giới…v.v.

Thực tế dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT nước ta hiện nay cho thấy vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS chưa thực sự được coi trọng thể hiện trên nhiều khía cạnh: 1) Chương trình hiện hành của môn học chưa có nội dung đề cập đến vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh. 2) Mặc dù trong chương trình GDCD có các mảng kiến thức về giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân về kinh tế... chứa đựng rất nhiều nội dung có thể lồng ghép giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS nhưng phần lớn giáo viên bộ môn chưa nhận thức được tầm quan trọng và từ đó chưa quan tâm đến việc thiết kế lồng ghép nội dung giáo dục này trong quá trình dạy học. 3) Một số giáo viên đã bước đầu thực hiện lồng ghép giáo dục đạo đức kinh doanh trong bài giảng GDCD song vẫn còn rất nhiều lúng túng trong việc lựa chọn nội dung cũng như phương pháp thực hiện sao cho hiệu quả...

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra dự thảo về chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD ở bậc trung học phổ thông với tên gọi là *Giáo dục kinh tế và pháp luật,* ở đó nội dung môn học hàm chứa các vấn đề liên quan đến giáo dục kinh doanh trong đó có bài giáo dục HS đạo đức và văn hoá trong sản xuất kinh doanh. Môn học giúp học sinh có được tình cảm, nhận thức, niềm tin và bản lĩnh phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật dựa trên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông về kinh tế và pháp luật; sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Thực trạng này đòi hỏi cần nhanh chóng tìm biện pháp đẩy mạnh giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT trong dạy học GDCD bởi điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu cấp thiết của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với việc nâng cao ý thức đạo đức kinh doanh cho mỗi công dân mà còn làm cho nội dung và phương pháp dạy học GDCD trở nên sống động gần gũi và thiết thực hơn, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục nhân cách công dân trong nền KTTT định hướng XHCN Việt Nam.

Với những lý do trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài: **"Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông**

hiện nay" để viết Luận án tiến sĩ Giáo dục học chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị.

2. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn, luận án đề xuất các biện pháp sư phạm thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD góp phần đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS cũng như đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học môn GDCD ở trường THPT nước ta hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu là quá trình giáo dục đạo đức kinh doanh thông qua dạy học môn GDCD ở các trường THPT.

- Đối tượng nghiên cứu là những nguyên tắc và biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở các trường THPT.

4. Giả thuyết khoa học

Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS là đòi hỏi bức thiết của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nước ta hiện nay. Con đường giáo dục có hiệu quả là dạy học tốt môn GDCD trong đó có việc chủ động lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh. Việc tổ chức dạy học, bao quát cả việc lựa chọn những đơn vị kiến thức có liên quan để lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh cũng như sử dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp kết hợp với đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá thì chất lượng dạy học môn GDCD sẽ được nâng cao đồng thời mục tiêu giáo dục đạo đức kinh doanh, hình thành nhân cách công dân cho HS THPT trong nền KTTT định hướng XHCN Việt Nam sẽ được đáp ứng.

5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

5.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Điều tra, đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Đề xuất những nguyên tắc và các biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

- Tổ chức TN sư phạm để đánh giá hiệu quả tác động của các biện pháp đã đề xuất trong luận án.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh được thực hiện thông qua một số bài môn GDCD ở trường THPT bao gồm: phần giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, công dân với kinh tế.

- Khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở các trường THPT trên địa bàn các tỉnh: Sơn La, Hà Nội, Bình Phước, Lâm Đồng, Hải Phòng, Bắc Giang, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và triển khai thực nghiệm tại một số trường THPT ở Hà Nội, Sơn La, Bình Phước, Lâm Đồng, Hải Phòng, Bắc Giang, Khánh Hòa.

- Thời gian điều tra và TN: tháng 11 năm 2015 đến tháng 05 năm 2017.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận: luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; quan điểm đường lối của Đảng, Nhà nước về đạo đức và giáo dục đạo đức kinh doanh ; lí luận dạy học hiện đại; lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục công dân.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp lô gic và lịch sử, phương pháp so sánh và hệ thống hóa, khái quát hóa lý thuyết nhằm làm sáng tỏ cơ sở lý luận của việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

6.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát: Dự giờ các tiết dạy của GV (lớp thực nghiệm và lớp đối chứng), quan sát mức độ hứng thú và tính tích cực trong học tập của HS và ý thức làm việc nhóm, thái độ xây dựng bài... trong dạy học môn GDCD về giáo dục

đạo đức kinh doanh. Trên cơ sở đó thực hiện soạn bài, lựa chọn PPDH cho phù hợp với nội dung bài học, đảm bảo và đáp ứng được các yêu cầu của khoa học giáo dục.

- Phương pháp điều tra: Sử dụng phiếu, bảng hỏi đối với GV, HS nhằm tìm hiểu việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

- Phương pháp thực nghiệm: Lựa chọn lớp TN và lớp ĐC có cùng trình độ nhận thức để tổ chức TNSP và phân tích, đánh giá, so sánh nhóm TN và nhóm ĐC thông qua tác động của TN nhằm kiểm định và chứng minh giả thuyết khoa học của luận án.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp bổ trợ khác như: PP xin ý kiến chuyên gia (về xây dựng đề cương và cơ sở lí luận, xây dựng phiếu khảo sát), PP nghiên cứu sản phẩm hoạt động (nghiên cứu giáo án), PP xử lý các số liệu thu được bằng toán thống kê và phần mềm SPSS.

7. Những luận điểm cần bảo vệ

- Giáo dục đạo đức kinh doanh có vai trò quan trọng trong hình thành và phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ Việt Nam. Có nhiều con đường để giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS, trong đó dạy học trong nhà trường, đặc biệt nhà trường THPT là con đường cơ bản nhất.

- Trong chương trình đào tạo ở trường THPT, GDCD là môn học có nhiều ưu thế đối với việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS.

- Việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản: đảm bảo mục tiêu dạy học môn học, đảm bảo tính thực tiễn, phát huy tính tích cực của người học.

- Để nâng cao hiệu quả dạy học môn GDCD và thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS các trường THPT trong dạy học môn học, cần tập trung thực hiện các biện pháp: lựa chọn nội dung dạy học GDCD có liên quan đến giáo dục đạo đức kinh doanh để tích hợp, sử dụng các phương pháp, hình thức tổ

chức dạy học đặc trưng phù hợp với việc giáo dục đạo đức kinh doanh, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm thúc đẩy giáo dục đạo đức kinh doanh...

8. Những đóng góp mới của luận án

- Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh và luận cứ được ưu thế của môn GDCD trong việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT.

- Đánh giá một cách toàn diện thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học GDCD ở các trường THPT nước ta hiện nay.

- Đề xuất được nguyên tắc, biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án được thể hiện ở 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT.

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

Chương 3: Nguyên tắc và biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

Chương 4: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Những công trình nghiên cứu về đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh

1.1.1. Những nghiên cứu về đạo đức kinh doanh

Trong lịch sử xã hội loài người, đạo đức kinh doanh là vấn đề được quan tâm từ rất sớm và được đề cập dưới nhiều hình thức ngay từ khi thương nghiệp xuất hiện cùng với sự phân công lao động, hoạt động kinh doanh hình thành và phát triển. Tuy nhiên, với tư cách là một khái niệm khoa học, đạo đức kinh doanh mới chỉ xuất hiện từ nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX.

Theo tác giả Simon Long Staff trong bài viết: "Cạnh tranh và vấn đề tự điều tiết trong nghề nghiệp" đã đặt vấn đề đó là chính sách cạnh tranh nên được áp dụng tới mức độ nào trong đạo đức nghề nghiệp. Trên cơ sở đưa ra các điều kiện hình thành và tồn tại một nghề, tác giả cho rằng: Một điều cần nhận rõ là hành động nhằm phục vụ cộng đồng ít nhất cũng hàm ý là một mưu cầu để thúc đẩy hoặc giữ gìn lợi ích công. "Một người hoạt động theo hướng phục vụ công cộng trong khi đó lại làm tổn hại đến lợi ích chung sẽ bị kết án là không trung thực" [76, tr.50]. Đề cập đến vấn đề: "Giáo dục và đào tạo rèn luyện đạo đức là gì", tác giả Simon Long Staff đã đưa ra nhận định rằng công chúng đang cho rằng tỉ lệ giữa "đạo đức và chân thật" đang tiếp tục bị giảm sút. Từ việc đưa ra việc rèn luyện và giáo dục đạo đức, tác giả cho rằng: "Khi con người lảng tránh trách nhiệm cá nhân, những điều kiện để có được tính chân thật đã bị xói mòn quá nhiều. Con người quan tâm tới những điều kiện làm chuẩn mực để có thể bảo vệ xã hội cho chính họ" [76, tr.84]. Trong bài: " Đạo đức và những hạn chế kỹ thuật", tác giả cũng khẳng định: "Ngày càng có nhiều người thừa nhận rằng thảo luận về kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp là công việc quan trọng" [76, tr85]. Do đó, việc trả lời cho vấn đề đạo đức trong kinh doanh và trong chuyên

môn là không đầy đủ trừ khi có sự quan tâm thích hợp cho quá trình cùng hoạt động và hiểu biết nhau.

Như vậy, từ khi có sản xuất hàng hoá cho đến nay là nền KTTT thì vấn đề kinh doanh có đạo đức đã được quan tâm trên nhiều phương diện khoa học khác nhau như: pháp lý, triết học, kinh tế, quản lý...Chúng được nghiên cứu với quan điểm thiết thực trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại trong thực tiễn quản lý hàng ngày. Những người quản lý doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và các chính phủ đang tìm cách xây dựng những chỉ dẫn cụ thể, có hệ thống để giúp các cá nhân và tổ chức ra các quyết định hợp lý về đạo đức.

Ở Việt Nam, từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, vấn đề đạo đức kinh doanh được quan tâm và chú ý nhiều hơn. Đã có một số giáo trình đạo đức kinh doanh được xuất bản và đưa vào giảng dạy ở các trường đại học thuộc khối ngành kinh tế. Trong cuốn: *"Đạo đức kinh doanh – Lý thuyết và thực hành"* của tác giả Mai Ngọc Cường đã nêu ra mục đích là: "Làm sáng tỏ những nguyên lý cơ bản của đạo đức kinh doanh, nêu lên vai trò, tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh, lịch sử các tư tưởng về đạo đức kinh doanh. Đồng thời làm rõ các chuẩn mực và nguyên tắc xác định hành vi kinh doanh" [22, tr6]. Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng cần phải biết: "Vận dụng những tư tưởng cơ bản của đạo đức kinh doanh vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu các tình huống và chiến lược nâng cao đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp" [22, tr6]. Như vậy, tác giả đã quan tâm và đề cập nhiều vấn đề của đạo đức kinh doanh trong điều kiện đất nước đổi mới để tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh, nền kinh tế ổn định và phát triển bền vững.

Giáo trình: "*Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty*" của tác giả Nguyễn Mạnh Quân đã đề cập đến những vấn đề cơ bản của đạo đức kinh doanh như: khái niệm về đạo đức kinh doanh, các nghĩa vụ cũng như trách nhiệm xã hội của công ty. Theo tác giả: "Đạo đức kinh doanh gồm những nguyên tắc và chuẩn mực có tác dụng hướng dẫn hành vi trong mối quan hệ kinh doanh; chúng được những người hữu quan (như người đầu tư, khách hàng, người quản lý, người lao động, đại diện cơ quan pháp lý, cộng đồng dân cư, đối tác, đối thủ…) sử dụng để phán xét hành

động cụ thể là đúng hay sai, hợp đạo đức hay phi đạo đức" [95,tr.14]. Tác giả cũng đưa ra các cách thức đánh giá và những tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh. Như vậy, đạo đức kinh doanh được hiểu là những quy tắc, nguyên tắc, các chuẩn mực được đưa ra nhằm ngăn chặn các hành vi trái với nguyên tắc đạo đức trong kinh doanh.

Trong giáo trình: *"Văn hoá kinh doanh*" của tác giả Dương Thị Liễu (chủ biên) đã đưa ra khái niệm về đạo đức kinh doanh: "Là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh" [82, tr.25]. Theo quan điểm của tác giả thì các doanh nghiệp cần tuân thủ các chuẩn mực trong kinh doanh như tôn trọng con người, có tính trung thực, tôn trọng bí mật của công ty, cần gắn kết lợi ích của người sản xuất với người tiêu dùng nói riêng của xã hội nói chung.

Giáo trình "*Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp*" của tác giả Bùi Xuân Phong xác định: "Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh, được vận dụng vào trong hoạt động kinh doanh" [90,tr.40].

Giáo trình "*Môi trường kinh doanh và đạo đức kinh doanh*" do tác giả Ngô Đình Giao (chủ biên) lại khẳng định: "chữ tín là chuẩn mực cao nhất của đạo đức kinh doanh, mọi nhà kinh doanh phải xây dựng chữ tín với khách hàng trong nước và nước ngoài [49, tr. 29]. Theo các tác giả: ở Việt Nam, với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì vấn đề cơ bản là xây dựng đạo đức kinh doanh XHCN và đưa ra yêu cầu "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là đạo đức kinh doanh của người Việt Nam [49, tr. 29].

Không chỉ nghiên cứu khái niệm và chuẩn mực đạo đức kinh doanh, nhiều tác giả còn tiếp cận đến các khía cạnh khác như vai trò của đạo đức kinh doanh cũng như những nhân tố tác động đến đạo đức kinh doanh trong nền KTTT. Có thể kể đến cuốn "*Triết lý kinh doanh với quản lý doanh nghiệp*" của tác giả Nguyễn Thị Doan, Đỗ Minh Cương. Các tác giả đã tập trung phân tích và nhấn mạnh vai trò không thể thiếu của triết lý kinh doanh trong hoạt động của doanh nghiệp để các chủ thể kinh doanh

lựa chọn cách thức kinh doanh phù hợp bởi triết lý kinh doanh không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với đạo đức kinh doanh. Kinh doanh có đạo đức là một bí quyết để nhà kinh doanh có thể tồn tại và phát triển một cách bền vững [25].

Cuốn "*Văn hoá doanh nhân – lý luận và thực tiễn*" do Lê Lựu (Chủ biên) tập hợp nhiều bài viết về doanh nhân Việt Nam trong lịch sử, nhận định: kinh doanh có đạo đức là nhân tố thành công trong sự nghiệp làm giàu của mỗi doanh nhân [83].

Trong hội thảo *"Đạo đức kinh doanh*" do Viện kinh tế đối ngoại - Bộ thương mại (nay là Bộ Công thương) phối hợp với The ST James Ethies Centre - Australia tổ chức năm 1995, đa số các bài tham luận đều bàn tới sự tác động của kinh tế thị trường tới đạo đức và vai trò của đạo đức trong kinh doanh hay sự cần thiết của việc kinh doanh có đạo đức. Tác giả Tô Xuân Dân với bài tham luận: "Một số ý kiến về giáo dục trong kinh doanh tại Việt Nam" đã đưa ra khái niệm đạo đức kinh doanh: "Đạo đức kinh doanh hiểu một cách đơn giản, là những quy tắc đạo đức được vận dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh, là những chuẩn mực chi phối hành vi của doanh nghiệp, là những giá trị mà người kinh doanh thừa nhận và noi theo [76, tr.28]. Từ đó, tác giả khẳng định: "Mục đích của các nhà kinh doanh nhằm đem lại hạnh phúc cho con người, không phải chỉ cho từng cá nhân mà cho cả xã hội. Mà hạnh phúc ở đây chính là bao gồm những giá trị đạo đức, những giá trị văn hoá của xã hội được thừa nhận và tôn trọng [76,tr.29]. Tham luận "Một số ý kiến về đạo đức kinh doanh" của tác giả Phạm Xuân Nam đã chỉ ra tiêu chuẩn hàng đầu về đạo đức của nhà doanh nghiệp là tính trung thực. Theo tác giả: "Triết lý kinh doanh của những người có lý tưởng, có đạo đức đều mang nội dung nhân bản sâu sắc, vì nó dựa trên một quan niệm đúng đắn về hạnh phúc cá nhân không thể tách rời mà gắn bó mật thiết với hạnh phúc của cộng đồng. Phải chăng đó là sự kết tinh những giá trị đạo đức trong kinh doanh [76,tr.46).

Tác giả Lương Xuân Quỳ với bài viết: "Quan điểm kinh tế học về cơ sở của thị trường có so sánh với lý luận kinh tế của Adam Smith" đã phân tích mối quan hệ biện chứng giữa thị trường và đạo đức kinh doanh. Từ đó, tác giả khẳng định: "Đạo

đức kinh doanh đòi hỏi các nhà kinh doanh phải hoạt động theo luật định, ngay từ đầu phải chú ý đến lợi ích xã hội, đời sống và hoạt động của những người có liên hệ tới hoạt động kinh doanh của mình. Đó chính là môi trường cho hoạt động của nhà kinh doanh để họ có thể tồn tại và phát triển" [76, tr12].

Trong bài: "Các biện pháp của chính phủ nhằm khuyến khích đạo đức trong kinh doanh tại Việt Nam" của tác giả Nguyễn Minh Trí đã cho rằng khái niệm đạo đức kinh doanh trong pháp luật khác với khái niệm đạo đức xã hội, đạo đức tôn giáo vì nó phải được thể hiện trong các văn bản pháp quy của Nhà nước. Theo tác giả: "Đạo đức trong kinh doanh được hiểu là các doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ luật pháp và đúng các quy định của pháp luật. Làm trái luật, gây phương hại cho Nhà nước, công dân và các doanh nghiệp khác bị coi là thiếu đạo đức trong kinh doanh" [76, tr13].

Tác giả Lê Đình Tường trong bài viết: "Vấn đề đạo đức trong kinh doanh ở Việt Nam" đã phân tích thực trạng về vi phạm đạo đức kinh doanh và ý thức về đạo đức kinh doanh của các doanh nghiệp, mối quan hệ cạnh tranh giữa các nhà doanh nghiệp. Từ đó, tác giả cho rằng phạm trù đạo đức kinh doanh có liên quan đến tất cả các thành viên của xã hội, việc giải quyết mối quan hệ về quyền lợi của các chủ thể điển hình trong xã hội sẽ quyết định sự cần thiết, tồn tại và nội dung của vấn đề đạo đức kinh doanh. Theo tác giả: "đạo đức kinh doanh đối với doanh nghiệp đó là: "hãy nghĩ đến người khác trước"[76, tr26]. Đây là những quan điểm rất có giá trị, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về đạo đức kinh doanh.

Trong thời gian gần đây, các bài báo nghiên cứu về đạo đức kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều trên các tạp chí ở nước ta. Tác giả Cao Thu Hằng với bài viết "Đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay" đăng trên Tạp chí Triết học, tháng 1 năm 2014 đã chỉ ra rằng: " Trong xã hội hiện nay, khi nền kinh tế thị trường đã phát triển sang giai đoạn toàn cầu hoá, người ta nhận thấy rằng, việc tuân thủ đạo đức kinh doanh không chỉ làm gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, mà còn góp phần giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường, chất lượng cuộc sống, quyền con người, bình đẳng giới..."[56 ,tr.24].

Trong bài: "Xây dựng đạo đức kinh doanh – cơ sở cho việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp" của tác giả Đỗ Thị Kim Hoa đăng trên *tạp chí Triết học số 10 – 2009* khẳng định: "…xây dựng đạo đức kinh doanh là một trong những vấn đề cấp thiết của nước ta hiện nay. Chỉ khi có đạo đức kinh doanh, doanh nghiệp mới thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình ở mức độ đạo đức và nhân đạo" [61, tr.30].

Tác giả Lê Hữu Ái, Lê Văn Thao với bài viết: "Vai trò của Nhà nước trong việc định hướng các giá trị đạo đức kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế" đã cho rằng đạo đức kinh doanh giữ vai trò quan trọng, nhất là trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường. Theo các tác giả: "Đạo đức kinh doanh, xét một cách tổng thể, là hệ thống chuẩn mực giá trị hướng tới các giá trị cộng đồng" [1,tr38]. Từ góc độ khái quát, tác giả đã chỉ ra những biểu hiện cụ thể như: "Với các doanh nghiệp, đó là việc *tuân thủ một cách tự nguyện luật pháp*, là cạnh tranh hợp pháp, tôn trọng các hợp đồng đã ký, bảo vệ môi trường,... Với các cá nhân, đó là kinh doanh phải *trung thực* dựa trên các nguyên tắc định sẵn, có triết lý kinh doanh riêng..."[1,tr38].

Tác giả Lê Thị Kim Tuyết với bài "Tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh trong xã hội hiện nay" đã nêu lên vai trò của đạo đức kinh doanh thể hiện trên các khía cạnh: "Đạo đức kinh doanh góp phần vào sự vững mạnh của nền kinh tế quốc dân"[100,tr48]; "Lợi nhuận tăng theo đạo đức; đạo đức kinh doanh góp phần điều chỉnh hành vi của doanh nhân; góp phần nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp; đạo đức kinh doanh góp phần vào sự cam kết tận tâm của nhân viên"[100,tr49] ; đạo đức kinh doanh làm tăng sự tin tưởng, thoả mãn của đối tác và khách hàng"[100, tr50]. Như vậy, tác giả đã cho thấy nếu kinh doanh có đạo đức sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp và nhiều chủ thể khác như khách hàng, nhân viên nhằm đưa nền kinh tế của một đất nước vững mạnh hơn. Tác giả kết luận: "Môi trường đạo đức của tổ chức vững mạnh sẽ đem lại niềm tin cho khách hàng và nhân viên, sự tận tâm của nhân viên và sự hài lòng của khách hàng mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp"[100, tr50].

Tác giả Nguyễn Thế Kiệt với bài viết: "Đạo đức kinh doanh và phẩm chất của doanh nhân Việt Nam hiện nay" đã quan niệm về đạo đức kinh doanh: "là một dạng đạo đức được áp dụng trong lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá hành vi của các chủ thể hoạt động kinh doanh trong điều kiện lịch sử nhất định"[75, tr6]. Từ đó tác giả đã phân tích mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, vai trò của đạo đức kinh doanh trong việc xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh, việc điều tiết các quan hệ lợi ích trong kinh tế thị trường. Theo tác giả, người kinh doanh phải có cả tài và đức, trong đó đức là gốc: "Cùng với tính trung thực, điều không thể thiếu trong đạo đức của các nhà doanh nghiệp là có quan điểm sống tích cực, biết tôn trọng cuộc sống, phẩm giá và quyền lợi chính đáng của những người cộng sự và những người dưới quyền" [75, tr10].

Như vậy, qua các công trình nghiên cứu về đạo đức kinh doanh với cách tiếp cận và giải quyết ở những khía cạnh khác nhau, nhưng các tác giả đều có điểm thống nhất là khẳng định tính tất yếu của sự tồn tại đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay. Nhiều công trình đã phân tích những biểu hiện của đạo đức kinh doanh, vai trò của đạo đức kinh doanh đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh nói riêng và đối với sự phát triển kinh tế đất nước nói chung. Do đó, quá trình xây dựng và phát triển đạo đức kinh doanh không chỉ là trách nhiệm của doanh nhân, mà còn là trách nhiệm quan trọng của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Điều này được thể hiện ở quan điểm đổi mới toàn diện đất nước trong giai đoạn cách mạng mới tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: "Đối với doanh nhân, tạo điều kiện phát huy tiềm năng,và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hóa Việt Nam" [37, tr119].

Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế đã thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng về vấn đề đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế nước ta hiện nay. Bên cạnh đánh giá tình hình về sự lớn mạnh và vai trò tích cực của

đội ngũ doanh nhân, Đảng cũng nhận định về một số hạn chế, bất cập đang tồn tại là một bộ phận doanh nhân còn thiếu văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội.... Trên cơ sở đó Đảng đề ra một trong những phương hướng, nhiệm vụ là: "Đề cao đạo đức, văn hoá kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, xây dựng quan hệ lao động hài hòa" [39].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thức XII tiếp tục khẳng định: "Xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về cả số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao"[40, tr162]. Với những quan điểm như trên của Đảng đã tạo động lực cho việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và tạo điều kiện cho cộng đồng doanh nhân ngày càng lớn mạnh, phát triển đạo đức kinh doanh, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thời đại.

1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh

Những công trình nghiên cứu về đạo đức kinh doanh đều đề cập đến khái niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, những biểu hiện và thực trạng của đạo đức kinh doanh trên thế giới cũng như ở Việt Nam, từ đó đặt ra vấn đề xây dựng các chuẩn mực đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh trong nền KTTT.

Tác giả Hoàng Văn Hoa (chủ biên) trong cuốn *Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2020,* Nxb Chính trị quốc gia, 2010 đã nêu lên một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển đội ngũ doanh nhân trong nền kinh tế thị trường hiện đại, cũng như kinh nghiệm xây dựng và phát triển doanh nhân ở một số nước và vùng lãnh thổ. Tác giả đã trình bày thực trạng phát triển của đội ngũ doanh nhân Việt Nam, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển, đặc điểm, đóng góp của doanh nhân đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 trong đó đề cao việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho đội ngũ các doanh nhân như: có nhận thức đúng về vai trò, vị thế của đội ngũ doanh nhân; đẩy mạnh đổi mới để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo môi trường kinh doanh thực sự

bình đẳng và thuận lợi để phát triển đội ngũ doanh nhân, tăng cường công tác giáo dục đạo đức kinh doanh [62].

Tại hội thảo "*Đạo đức trong kinh doanh*" tháng 12 năm 2012, do Viện triết học Việt Nam và Viện triết học Trung Quốc phối hợp tổ chức, tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn với tham luận "Lợi ích và đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay" đã phân tích và cảnh báo về thực trạng đạo đức trong kinh doanh thời gian qua. Theo tác giả, một số người vì lợi ích trước mắt, lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm tạo thành các đường dây móc ngoặc chằng chịt với nhau đang tác động rất tiêu cực đến sự phát triển bền vững của đất nước, môi trường tự nhiên bị tàn phá hết sức nặng nề; một số cá nhân, một số nhóm lợi ích giàu lên nhanh chóng một cách bất minh, phi pháp và vô đạo đức. Tác giả khẳng định: "Sự giàu có đó của họ được đánh đổi bằng sự thiệt thòi, sự mất nguồn sống và cả kế sinh nhai của không ít nông dân bị mất ruộng đất; bằng việc ép buộc người dân phải di dời khỏi quê cha đất tổ đi nơi khác (nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng sâu vùng xa) để cho các công ty, tập đoàn công nghiệp xây dựng thuỷ điện, xây dựng nhà máy, trồng cây công nghiệp... nhưng người dân không được bồi thường như luật pháp quy định trong khi môi trường tự nhiên bị phá hoại hết sức nghiêm trọng" [77,tr.89]. Tác giả Phạm Văn Đức trong tham luận "Đạo đức kinh doanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của Việt Nam" cũng khẳng định: "điều nổi cộm nhất của đạo đức kinh doanh trong xã hội Việt Nam là vấn đề thiếu chữ tín" [77, tr.114].

Tác giả Đinh Công Sơn trong luận án tiến sỹ triết học "*Xây dựng đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay*" đã đưa ra những quan điểm về đạo đức kinh doanh, từ đó đề ra một số yêu cầu cơ bản và giải pháp nhằm xây dựng đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay. Tác giả khẳng định: "Xây dựng và lựa chọn những nội dung cơ bản cho việc *giáo dục đạo đức kinh doanh* trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay là đặc biệt quan trọng, đòi hỏi phải có đội ngũ chuyên gia thuộc nhiều ngành có liên quan và có sự phối hợp giữa họ theo mục tiêu chung. Điều đó càng trở nên cần thiết khi quá trình quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, các hoạt động kinh doanh được phát triển trên quy mô quốc gia và liên quốc gia"[97,tr.140].

Công trình " *Những vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*" do tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) đã phân tích những biến động trong lĩnh vực đạo đức do sự tác động hai mặt của kinh tế thị trường. Các tác giả đã luận giải vai trò của đạo đức và đề xuất những giải pháp xây dựng đạo đức kinh doanh, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay [16].

Tại hội thảo *"Đạo đức trong kinh doanh*" do Viện kinh tế đối ngoại - Bộ thương mại (nay là Bộ Công thương) phối hợp với The ST Jame Ethies Centre Australia tổ chức năm 1995, với tham luận "Quản lý nhà nước với vấn đề đạo đức kinh doanh", tác giả Từ Điển có một vài ví dụ minh hoạ với ba nhóm giải pháp (Luật pháp, chính sách và giáo dục):

Về luật pháp: Nhà nước ban hành tiêu chuẩn và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Về chính sách: Thuế khoá, trợ giá. Những sản phẩm cần hạn chế thì đánh thuế cao, đối với những sản phẩm cần thiết thì giảm thuế, trợ giá để khuyến khích sản xuất…

Về giáo dục: Đẩy mạnh giáo dục đối với người tiêu dùng, người sản xuất và toàn xã hội. Người tiêu dùng phải có trình độ đọc nhãn, đọc thời hạn sử dụng, không tham rẻ…; Nguời kinh doanh phải có lương tâm; *giáo dục đạo đức kinh doanh từ nhỏ ở các trường tiểu học cho đến các trường kinh tế, các trường chuyên nghiệp...*[76, tr 33,34].

Tác giả Lê Nhật Thức với bài: "Đạo đức trong kinh doanh" đã nhận định về việc chuyển hướng sang nền kinh tế thị trường, có nhiều thành phần tham gia, đa phương hoá quan hệ, đa dạng hoá sản phẩm trong nền kinh tế mở, có hợp tác và có cạnh tranh. Vậy: "làm sao tiến tới được những gì là hữu cơ, tinh tế, phi bạo lực, tao nhã và cao đẹp, làm ăn chân chính; đừng để cho tác động mù quáng của thị trường chi phối làm ăn bất lương, gian trá, lừa bịp, đầu cơ, mưu tính, tham lam; làm sao cho một xã hội công bằng, văn minh, dân giàu, nước mạnh, đừng để lợi ích trước mắt cục bộ làm chệch hướng" [76, tr2]. Từ đó tác giả cho rằng: đạo đức trong kinh

doanh phải được tạo ra từ quan niệm đúng về giá trị nhân văn. Do đó, giáo dục đạo đức trong kinh doanh có vai trò, vị trí, ý nghĩa hết sức quan trọng.

Trong bài: "Những vấn đề đạo đức trong kinh doanh ở các doanh nghiệp" của tác giả Nguyễn Gia Hảo đã nhận định rằng trong tình hình hiện nay, chúng ta bàn về đạo đức kinh doanh là cần thiết. Đặc biệt, tác giả đã đề cập đến việc cần giáo dục đạo đức kinh doanh vì đạo đức kinh doanh không phải chỉ bắt đầu khi ta bắt tay vào kinh doanh, nó hình thành ngay trên nền đạo đức xã hội. Đạo đức kinh doanh bắt nguồn ngay từ khâu giáo dục đạo đức của gia đình và học đường, được nâng cao dần khi con người bước chân vào thương trường. Theo tác giả: "...các trường đại học cần có môn này với giáo trình được biên soạn cho phù hợp với ngành nghề nhất định. Mỗi nước có nền văn hoá riêng, văn hoá kinh doanh cũng phải được xây dựng trên nền tảng văn hoá chung và vẫn phản ánh nét đặc trưng của văn hoá dân tộc" [76, tr39].

Tác giả Tô Xuân Dân với bài: "Một số ý kiến về giáo dục trong kinh doanh ở Việt Nam" cho rằng nền kinh tế và xã hội ngày càng phát triển thì phạm trù đạo đức có nội dung ngày càng phong phú. Việc giáo dục đạo đức cho thiếu niên và thanh niên, trước hết cho học sinh, sinh viên là điều không phải bàn cãi, đúng như câu châm ngôn: "Tiên học lễ, hậu học văn". Tuy nhiên, tác giả cho rằng: "Việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho sinh viên nói chung, đặc biệt là sinh viên trong các trường kinh tế và kinh doanh ở Việt Nam hiện nay vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ" [76, tr28]. Dù trong một số giáo trình về quản trị kinh doanh dành cho cán bộ quản lý kinh tế có nêu lên tiêu chuẩn đạo đức và ý thức chấp hành luật pháp nhưng các nội dung đề cập còn rất chung, sơ lược và chưa phù hợp với đòi hỏi thực tiễn.

Tác giả Lê Thị Tuyết Ba với công trình nghiên cứu: "*Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*" đã phân tích sự vận động và biến đổi của ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường, chỉ ra nguyên nhân của sự vận động và biến đổi đó. Tác giả phân tích rõ vai trò của ý thức đạo đức trong điều kiện nền kinh tế thị trường có những mặt trái của nó như chạy theo lợi

nhuận, lối sống tôn sùng đồng tiền…Từ đó đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng nhằm xây dựng ý thức đạo đức, tạo ra nền tảng tinh thần xã hội vững chắc, góp phần phát triển nền kinh tế và phát triển xã hội một cách bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam. Bên cạnh những giải pháp mang tính chất vĩ mô như cơ chế thị trường và pháp, tác giả đã đề cập đến việc cần thiết phải giáo dục đạo đức để góp phần xây dựng ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường... [6].

Trong bài đăng trên tạp chí Triết học, tháng 3 năm 2013 "Vai trò của Nhà nước trong việc định hướng các giá trị đạo đức kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế" tác giả Lê Hữu Ái, Lê Văn Thao khẳng định: "nhà nước giữ vị trí chủ đạo nhằm định hướng các giá trị đạo đức trong kinh doanh vì lợi ích chung của cộng đồng" [1,tr.38], từ đó đề xuất giải pháp: Đưa các giá trị đạo đức kinh doanh vào hệ thống pháp luật của nhà nước; Đẩy mạnh công tác thanh tra kiểm sát để ngăn ngừa, phòng chống tệ nạn tham nhũng làm trong sạch bộ máy nhà nước; Hoàn thiện thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa – cơ sở kinh tế của đạo đức kinh doanh; *Giáo dục văn hoá đạo đức trong kinh doanh.* Theo tác giả, "cần tăng cường giáo dục đạo đức kinh doanh trong nhà trường, đặc biệt là các trường thuộc khối ngành kinh tế. Việc giáo dục đạo đức phải gắn liền với thực tiễn kinh doanh, để qua đó người học thấy được vai trò của đạo đức, thấy được hậu quả của những hành vi vi phạm đạo đức trong kinh doanh nhằm hình thành cho người học - những chủ thể kinh doanh của tương lai ý thức tự giác trong tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức trong kinh doanh" [1,tr.46]

Trong bài "Đạo đức kinh doanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam" của tác giả Phạm Văn Đức, đăng trên tạp chí Triết học, tháng 3 năm 2013 đã chỉ ra: " Có thể quy nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém trong đạo đức kinh doanh và trách nhiệm của doanh nghiệp vào ba nguyên nhân chính, đó là *nguyên nhân về nhận thức, nguyên nhân kinh tế, nguyên nhân pháp lý*. Do đó, để nâng cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm của doanh nghiệp, cần bám sát những nguyên nhân nói trên để đề ra những giải pháp phù hợp" [46, tr.36]. Bên cạnh việc Nhà nước cần có

một hành lang pháp lý nghiêm túc thì tuyên truyền, giáo dục đạo đức kinh doanh cho các doanh nghiệp là giải pháp bên trong và cần thiết. Từ đó, tác giả kết luận: "…việc hoàn thiện hành lang pháp lý, việc tuyên truyền, giáo dục và xây dựng các quy tắc ứng xử về đạo đức kinh doanh là những giải pháp quan trọng, cấp thiết để từng bước xây dựng đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay" [46, tr.37].

Tác giả Cao Thu Hằng trong bài "Đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Triết học, tháng 1 năm 2014 đã trình bày khái niệm, vai trò và các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh. Theo tác giả, để xây dựng đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay cần có sự tham gia, góp sức của Nhà nước, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và chính bản thân các doanh nghiệp qua việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội, xây dựng bộ quy tắc đạo đức kinh doanh…. Tác giả cho rằng "…đồng thời với việc nâng cao nhận thức về đạo đức kinh doanh, cần thiết phải nâng cao nhận thức về những quy tắc, chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Để làm được điều này, Nhà nước với sức mạnh của mình có thể tuyên truyền, phổ biến những tri thức chung về đạo đức và đạo đức kinh doanh qua hệ thống trường học, truyền thông, qua các tổ chức chính trị - xã hội khác" [56, tr.27]. Tác giả cũng đề xuất để phát huy trách nhiệm của bản thân các doanh nghiệp cần "Lồng ghép các chương trình đạo đức kinh doanh với các chương trình phát triển khác của doanh nghiệp như trách nhiệm xã hội và văn hoá doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu…"[56, tr.29].

Những công trình nghiên cứu trên đây đã đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về đạo đức kinh doanh và xây dựng, giáo dục đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Tuy nhiên, thực tiễn luôn vận động biến đổi. Các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều hơn trong xã hội. Điều đó đòi hỏi phải có những biện pháp thiết thực hơn nhằm ngăn chặn các hành vi trái pháp luật trong kinh doanh nhằm nâng cao đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

1.2. Những công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở THPT

Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS là rất cần thiết để góp phần hình thành nhân cách người lao động mới trong tương lai, quyết định đến thương hiệu và sự phát triển của đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Đây là vấn đề được quan tâm không chỉ thuộc về các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức kinh doanh mà còn cả đối với hệ thống giáo dục vì HS, SV chính là lực lượng lao động kế cận, chủ nhân tương lai của đất nước. Chính vì vậy, đã có nhiều nghiên cứu, nhiều cách tiếp cận đến vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS ở mức độ khái quát hoặc đề cập đến như một khía cạnh của đạo đức và pháp luật.

Với nghiên cứu: *"Xây dựng đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay*", tác giả Đinh Công Sơn đưa ra những yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả của việc xây dựng đạo đức kinh doanh. Tác giả cũng khẳng định "Việc giáo dục đạo đức nói chung và đạo đức kinh doanh nói riêng cho HS –SV… là một yêu cầu cần thiết để xây dựng và phát triển đạo đức kinh doanh bền vững" [97,tr.138].

Trong cuốn "Dạy và học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông- Những vấn đề lí luận và thực tiễn", Nguyễn Văn Cư - Nguyễn Duy Nhiên (đồng chủ biên) cùng các tác giả đã đề cập đến nhiều vấn đề trong dạy học môn GDCD cho HS THPT như đổi mới về nội dung, chương trình và vận dụng các phương pháp tích cực nhằm nâng cao hiệu quả dạy học GDCD trong đó có những khía cạnh liên quan đến việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS.

Tác giả Nguyễn Văn Cư trong bài "Phát triển năng lực thực hành cho HS THPT qua việc dạy học môn GDCD" đã đưa ra các biện pháp nhằm phát triển năng lực thực hành cho HS trong dạy học GDCD như làm mẫu, nêu gương, tập cho HS cách giải quyết vấn đề thực tiễn… Theo tác giả "…để thực hành đạo đức hay pháp luật, GV đưa ra mẫu chuẩn về đạo đức, mẫu thực hiện đúng pháp luật để HS tập theo mẫu đó. GV có thể lấy tấm gương danh nhân, tấm gương người tốt, việc tốt trong nhà trường và ngoài xã hội để HS làm theo tấm gương đó" [19, tr.16].

Trong bài "Bộ môn GDCD cần được quan tâm đúng mức" của tác giả Lê Văn Đoán đã nêu lên nhận định: Đối với một nước còn lạc hậu như nước ta, đang định hướng đi lên CNXH, việc phát triển kinh tế thị trường nếu không quan tâm đúng mức tới việc hình thành nhân cách, ý thức chấp hành pháp luật cũng như trách nhiệm đối với bản thân, với gia đình và xã hội cho mỗi công dân thì chắc chắn hậu quả sẽ khôn lường. Theo tác giả "Một xã hội văn minh, ổn định và phát triển là một xã hội trong đó có nhiều công dân tốt. Một người công dân tốt, trước hết phải là người có học, phải có nhân cách, có tính cộng đồng sâu sắc, phải tuân thủ pháp luật…" [19, tr.25].

Trong bài "Giáo dục ý thức về một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", tác giả Trần Đăng Sinh cho rằng chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hoá có nhiều biến đổi sâu sắc, tương lai của xã hội loài người phụ thuộc rất nhiều vào việc giáo dục ý thức công dân trong mỗi quốc gia, dân tộc ngay từ bây giờ. Giáo dục ý thức công dân cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ của cả xã hội, trước hết là hệ thống giáo dục, ở tất cả các cấp học, các môn học, trong đó có vai trò quan trọng của môn GDCD nhằm hướng tới xây dựng xã hội văn minh "…con người lao động có năng suất cao, có đời sống vật chất đầy đủ và đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, con người được tôn trọng, được tự do phát triển về tài năng và nhân cách" [19, tr.69].

Tác giả Nguyễn Thị Mai Hương trong bài "Xã hội hiện đại và những vấn đề đặt ra cho giới trẻ Việt Nam hiện nay" cho rằng cùng với quá trình chuyển mình của đất nước đạt được những thành tựu đáng kể nhưng mặt trái của xã hội hiện đại cũng có những tác động to lớn đến giới trẻ nước ta. Vì vậy, một trong những biện pháp để giúp các em hiểu biết và sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội là "…sử dụng phương pháp dạy học lồng ghép giữa các môn học với đạo đức, dạy pháp luật, giáo dục giới tính cho HS, giáo dục các em trở thành công dân có ích cho xã hội" [19, tr.90].

Trong bài "Nêu gương - Một hình thức giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ có hiệu quả cao", tác giả Nguyễn Thị Tuất khẳng định: Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ là một việc làm rất quan trọng đối với sự tồn vong của một dân tộc, bởi thế hệ trẻ là người chủ

tương lai của nước nhà. Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ có thể diễn ra dưới nhiều hình thức, trong đó việc sử dụng các tấm gương đạo đức được coi là một trong những hình thức có hiệu quả. Tác giả cho rằng "GV cần định hướng cho HS biết suy nghĩ, hành động theo những tấm gương người tốt, việc tốt, theo chuẩn mực đạo đức xã hội và luật pháp của Nhà nước, đồng thời giúp HS có thái độ đấu tranh quyết liệt, lên án mạnh mẽ với các hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật" [19, tr.104].

Trong bài "Bước đầu hình thành tâm lí, tập quán có tính xã hội phù hợp với sự phát triển kinh tế thị trường qua việc dạy và học môn GDCD lớp 11", tác giả Nguyễn Ngọc Trợ cho rằng: Nước ta bước vào thời kì quá độ đi lên CNXH từ nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu lại trải qua hơn 30 năm chiến tranh tàn phá nặng nề, những tàn dư về tâm lí, tập quán, thói quen của nền sản xuất nhỏ như tâm lí tự ti, ỷ lại, chờ đợi… do thời kì bao cấp để lại hoặc các tập quán như chưa quen làm giàu trong khuôn khổ pháp luật, với hoạt động mua bán theo cơ chế thị trường, còn mang nặng tâm lí bảo thủ, trì trệ, cam chịu khổ hạnh mà thiếu ý chí vươn lên. Muốn giàu có một cách chân chính, muốn phát triển kinh tế thì bản thân HS, gia đình, xã hội phải nỗ lực lao động sản xuất để có nhiều sản phẩm đem trao đổi, mua bán, phải chú ý đến chất lượng, mẫu mã của hàng hoá để cung cấp cho thị trường…Bộ môn GDCD với những ưu thế nổi bật có vai trò to lớn trong việc hình thành tâm lí, tập quán, thói quen của con người trong cơ chế thị trường. Tác giả nhận định "Để có những tâm lí, tập quán, thói quen trên, GV cần hình thành ở HS THPT những phẩm chất của người lao động, đó là biết trân trọng giá trị lao động, có thái độ đúng đắn, quý trọng lao động và người lao động, muốn giàu có thì phải lao động và lao động ở trình độ cao…"[19, tr.132]

Vấn đề liên quan đến giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục đạo đức kinh doanh nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu và giảng dạy môn GDCD quan tâm qua các tham luận tại Hội thảo Quốc gia về "*Giáo dục đạo đức – công dân trong giáo dục phổ thông Việt Nam"* do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức năm 2013 tại Hà Nội.

Tác giả Đỗ Ngọc Thống trong bài "Định hướng đổi mới chương trình và sách giáo dục phổ thông sau năm 2015 và môn đạo đức – GDCD" đã nêu lên sự cần thiết phải đổi mới chương trình và sách giáo khoa khoa giáo dục phổ thông, định

hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau 2015, vận dụng định hướng chương trình sau 2015 vào môn đạo đức – GDCD. Tác giả khẳng định tính đúng đắn của định hướng dạy học trong đề án Đổi mới căn bản toàn diện GD – ĐT là: "Đổi mới chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục công dân, chủ nghĩa Mác – Lênin theo hướng tập trung vào những giá trị cơ bản của đạo lý dân tộc, đạo đức xã hội, trách nhiệm cộng đồng…" [11,tr.24].

Trong tham luận: "Giáo dục đạo đức – công dân ở nhà trường phổ thông hiện nay - Thực trạng và giải pháp", tác giả Đào Đức Doãn đã đánh giá những thành tựu đạt được về chương trình, sách giáo khoa; về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; về công tác đào tạo, bồi dưỡng GV đã có những bước tiến đáng kể. Tuy nhiên vẫn có những hạn chế cần khắc phục như: "CT, SGK môn Đạo đức - GDCD hiện hành chưa khắc phục được tính hàn lâm, nặng tính giáo dục chính trị, nhẹ giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, coi trọng lý thuyết, coi nhẹ thực hành, chưa chú trọng đến việc hướng dẫn tự học, hướng dẫn rèn luyện kỹ năng mềm cho HS. Mục tiêu chương trình, nội dung SGK hiện hành đã có sự trang bị kỹ năng nhưng chưa hướng tới việc hình thành cho HS những phẩm chất và năng lực cần thiết của người công dân trong xã hội. Mục tiêu *dạy chữ* được chú trọng nhiều trong khi mục tiêu *dạy người* còn bị xem nhẹ…" [11, tr.28]. Qua đó tác giả đồng thuận với quan điểm: Đặc trưng của môn Đạo đức – GDCD trong nhà trường không phải là giáo dục nhân cách nói chung mà là giáo dục nhân cách người công dân Việt Nam trong thời đại mới.

Tác giả Nguyễn Dục Quang trong bài "Một góc nhìn về dạy và học GDCD hiện nay" đã nhận định: GDCD chính là hình thành và bồi dưỡng cho con người những phẩm chất nhân cách về các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Đó là những năng lực tinh thần phải được chú ý bồi dưỡng trong bối cảnh hiện nay khi mà nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc đã từng được xem là chuẩn mực trong đời sống cộng đồng đang bị đảo lộn, đang bị thị trường hoá, đang bị xem nhẹ một cách thiếu ý thức. Vì vậy, "Tăng cường GDCD tức là tăng cường các giá trị đã có cũng như những giá trị mới xuất hiện trong đời sống hiện nay là việc làm hết sức quan trọng, có ý nghĩa xã hội to lớn vì sự phát triển bền vững của đất nước" [11, tr.60].

Trong bài: "Người công dân toàn cầu - Nội dung giáo dục công dân trong nhà trường hiện nay" của tác giả Ngô Công Hoàn đã đưa ra 5 nguyên tắc lựa chọn các giá trị đưa vào GDCD:

- Lựa chọn các giá trị truyền thống người Việt Nam. Ví dụ: đạo đức, kính trên nhường dưới, yêu thương, bổn phận, trách nhiệm, tôn sư trọng đạo, hoà bình…

- Lựa chọn các giá trị theo nguyên tắc từ gia đình đến xã hội. Ví dụ: đạo đức, *trung thực*, khiêm tốn, *công bằng*, hoà bình…

- Lựa chọn các giá trị theo hướng từ cá nhân đến cộng đồng xã hội. Ví dụ: Tự tin, khiêm tốn, tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, hạnh phúc…

- Lựa chọn các giá trị có khả năng kích thích tiềm năng sáng tạo trong học tập và lao động khi có cơ hội. Ví dụ: tự tin, kiên trì, tổ chức, hợp tác, đoàn kết, tự do…

- Lựa chọn các giá trị mang tính toàn cầu, đảm bảo cho mọi người phát triển trong an toàn, bình yên và hạnh phúc, không phân biệt các nền văn hoá và sự khác biệt trong đa dạng. Ví dụ: hoà bình, đạo đức, khoan dung, đoàn kết, giản dị, *trách nhiệm xã hội*, hợp tác…

Từ đó, tác giả kết luận: "Các giá trị khi được hình thành, góp phần cùng với thái độ cá nhân biết lựa chọn các thông tin tích cực, biết cách tư duy và cảm xúc tích cực, biết tự kích hoạt bản thân theo hướng lạc quan, yêu đời để vượt qua những rủi ro, thách thức và có ý chí nghị lực vươn lên dành những thành công trong hoạt động để phát triển các nhân và cộng đồng xã hội trong xu thế toàn cầu" [11, tr.89].

Tác giả Hà Nhật Thăng cũng khẳng định sự cần thiết của giáo dục đạo đức trong dạy học GDCD qua bài viết: "Những việc cần làm để phát huy vai trò của môn GDCD đối với sự hình thành nhân cách HS phổ thông". Theo tác giả, môn GDCD vừa là một môn học nhưng lại là một bộ phận của quá trình giáo dục đạo đức, GDCD, giáo dục văn hoá người: "Cần phải hiểu mục tiêu môn GDCD không phải giải thích nội hàm khái niệm đạo đức, pháp luật là chủ yếu…mà là biểu hiện của hành vi, của hoạt động, chẳng hạn trung thực biểu hiện trong cuộc sống như thế nào? Ví dụ *trung thực* trong học tập, trong cuộc sống, trong lao động, *trong kinh doanh*…" [11, tr98].

Trong tham luận: "Đề xuất định hướng xây dựng chương trình và sách giáo khoa GDCD sau năm 2015", tác giả Nguyễn Thị Toan đã xác định những phẩm chất và năng lực cần thiết của công dân trong thời đại mới, trong đó có đề cập đến việc hình thành các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh cho HS qua dạy học môn GDCD như: trung thực, chăm chỉ, tiết kiệm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm về việc làm của mình, có trình độ khoa học, có kỷ luật lao động; Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; Sử dụng của cải vật chất tiết kiệm, hợp lý nhằm góp phần bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững. "Đó là những công dân có lý tưởng, có hoài bão chân chính, có ý thức tuân thủ pháp luật, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn giỏi, công dân Chân - Thiện - Mỹ, có thể tham gia toàn diện vào quá trình phát triển bền vững của dân tộc và nhân loại" [11,tr.121].

Tác giả Nguyễn Thị Thọ trong tham luận: "Đề xuất nội dung giáo dục đạo đức trong môn GDCD sau năm 2015" đã nhận định mục tiêu của giáo dục đạo đức là: "giúp cho mỗi cá nhân nhận thức đúng đắn các giá trị đạo đức, biết hành động theo lẽ phải, công bằng và nhân đạo, biết sống vì mọi người, vì gia đình, vì sự tiến bộ xã hội và sự phồn vinh của đất nước. Trong đó mục đích quan trọng nhất của giáo dục đạo đức là tạo lập những thói quen, hành vi đạo đức"[11, tr172]. Theo tác giả, "…giáo dục đạo đức có hai mục tiêu cơ bản: *Một là*, giáo dục nhân cách, bồi đắp tính người cho con người; *Hai là*, giáo dục ý thức công dân, giáo dục ý thức với bản thân, gia đình, cộng đồng, nhân loại và môi trường tự nhiên" [11, tr172].

Trong tham luận "Một số ý kiến về trang bị kiến thức kinh tế trong nội dung môn GDCD" tác giả Trần Thị Mai Phương đã trình bày về sự cần thiết phải trang bị những kiến thức kinh tế cho mỗi công dân. Tác giả đã phân tích các nội dung thiết thực cần trang bị cho HS trong dạy học môn GDCD như về các giá trị đạo đức là: tự hoàn thiện bản thân, công dân với cộng đồng và *đạo đức kinh doanh*. Theo tác giả, cần bổ sung đơn vị kiến thức này nhằm GDCD "có ý thức về việc phải là những người lao động chân chính, biết kiếm tiền một cách chính đáng bằng mồ hôi, công sức, trí tuệ của mình, nghiêm chỉnh chấp hành quy định của

Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước (đóng đủ thuế), không gây ô nhiễm môi trường, không làm hàng nhái, hàng giả, hàng kém phẩm chất...” [11, tr.325].

Tác giả Nguyễn Thị Tuyết Mai với bài viết “Giáo dục pháp luật trong GDCD ở trường phổ thông tại Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay” đã đưa ra quan điểm là cần phải chú trọng các nội dung gắn với cuộc sống hàng ngày của HS như an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm…. Theo tác giả “Cần dạy HS những giá trị đạo đức cơ bản của con người thay cho quá nhiều kiến thức triết học, hàn lâm, thiếu vắng những việc hình thành thói quen đạo đức và kỹ năng sống đúng đắn. Giáo dục đạo đức trong nhà trường cần giảm thiểu những vấn đề cao xa, lớn lao, thay vào đó cần kiên trì bồi đắp lòng nhân ái, tính trung thực, lòng tự trọng, nếp nghĩ và lối sống lành mạnh, trọng đạo lý, sống có kỷ luật” [11,tr.335].

Trong bài “Một số đề xuất về nội dung và phương pháp dạy học môn GDCD sau năm 2015”, tác giả Bùi Thị Thảo đã đề cập đến các nội dung cơ bản cần tập trung trong dạy học môn GDCD là: Giáo dục đạo đức xã hội; *Giáo dục đạo đức kinh tế*; Giáo dục đạo đức môi trường…Tác giả nhấn mạnh về nội dung giáo dục đạo đức kinh tế nhằm định hướng, điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người với nhau, với xã hội và trong các hoạt động kinh tế. Nó được biểu hiện thành đạo đức trong sản xuất – kinh doanh, đạo đức trong thương mại, đạo đức tiêu dùng, một công dân tương lai của đất nước cần hoàn toàn tự nguyện “nói không” với các vấn đề như vi phạm bản quyền, trốn thuế, làm hàng giả, hàng nhái, ăn cắp thương hiệu, lấy những thứ không phải của mình, buôn lậu, móc túi tiền của người tiêu dùng bằng những thủ đoạn phi đạo đức…Theo tác giả "trong nền kinh tế thị trường thì giáo dục đạo đức kinh tế cho HS đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ có tác dụng tuyên truyền nhằm hạn chế nhiều khuyết tật vốn có của KTTT, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội” [11, tr.518]. Từ đó, tác giả cho rằng môn GDCD hoàn toàn có khả năng giáo dục đạo đức kinh tế cho người học nếu như nội dung chương trình có sự tích hợp, lồng ghép những vấn đề kinh tế.

Trong nghiên cứu về: "Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học phần "Công dân với kinh tế" cho HS THPT ở Trung tâm giáo dục thường xuyên Sóc Sơn, Hà Nội" của tác giả Nguyễn Thị Thanh Tâm đã trình bày về khái niệm, vai trò và nội dung của giáo dục đạo đức kinh doanh; Phân tích thực trạng và sự cần thiết phải giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học phần "Công dân với kinh tế" ở Trung tâm giáo dục thường xuyên Sóc Sơn, Hà Nội. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất nguyên tắc và biện pháp dạy học theo hướng tăng cường giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học phần "Công dân với kinh tế" ở trung tâm giáo dục thường xuyên Sóc Sơn, Hà Nội. Theo tác giả, cần phải tăng cường nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học môn GDCD cùng với việc trang bị những khái niệm, những quy luật cơ bản của nền kinh tế. GV cần: "Biết vận dụng, lồng ghép những nội dung hay, có ý nghĩa thiết thực vào từng đơn vị kiến thức của môn học một cách đúng lúc, đúng chỗ sao cho những nội dung ấy được vận dụng trong đời sống thực tiễn, nhất là nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh" [98, tr25]. Từ đó, giúp HS có thể vận dụng vào thực tiễn cuộc sống khi các em trưởng thành và trở thành những chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường với những phẩm chất tốt đẹp của con người mới trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước [98].

Như vậy, vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh trung học phổ thông đã được các tác giả đề cập đến dưới nhiều góc độ khác nhau như: sự cần thiết phải giáo dục đạo đức kinh doanh cho thế hệ trẻ; các giá trị, chuẩn mực đạo đức cần giáo dục cho HS trong đó có những chuẩn mực về đạo đức kinh doanh; cần đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho hiệu quả. Cũng đã có công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh trong dạy học môn GDCD nhưng mới chỉ tập trung nghiên cứu vào phần công dân với kinh tế ở một trường cụ thể. Chính vì vậy, luận án nghiên cứu về vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay có ý nghĩa thiết thực, góp phần vào việc hình thành nhân cách người công dân Việt Nam trong thời đại mới.

1.3. Khái quát các kết quả nghiên cứu được kế thừa trong luận án và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Tổng quan cho thấy, việc nghiên cứu về đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh cho các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và cho HS THPT đã được nhiều nhà khoa học quan tâm. Các công trình trên đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải giáo dục đạo đức kinh doanh cho mọi chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường; đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng các chuẩn mực đạo đức kinh doanh mới trong nền kinh tế thị trường … Đặc biêt, một số công trình đã hướng đến sự cần thiết giáo dục đạo đức kinh doanh cho thế hệ tương lai của đất nước, đó là HS, SV và nhận định rằng vấn đề này chưa được nghiên cứu một cách nghiêm túc với các nội dung và yêu cầu thiết yếu của nó. Bên cạnh đó, các công trình cũng đề cập tới việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp môn GDCD nhằm hướng người học tập trung vào những giá trị cơ bản của đạo lý dân tộc, trong đó bao hàm những chuẩn mực của đạo đức kinh doanh nhằm hướng tới một xã hội phát triển bền vững.

Tác giả luận án trân trọng những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, kế thừa có chọn lọc những nội dung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án.

Tuy nhiên, các công trình kể trên mới chỉ đề cập đến vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT một cách khái quát, chưa cụ thể hoặc chỉ mới dừng lại ở các bài viết, bài báo khoa hoc. Cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu sâu, có hệ thống về nội dung và các biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT trong dạy học GDCD ở các trường THPT. Do vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề " Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT" là cần thiết, đảm bảo tính mới, vừa có ý nghĩa lí luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn, không trùng với các công trình trên.

Để giải quyết vấn đề, luận án đi sâu nghiên cứu những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD như: khái niệm đạo đức kinh doanh; các chuẩn mực của đạo đức kinh

doanh, vai trò của đạo đức kinh doanh; sự cần thiết của giáo dục đạo đức kinh doanh, con đường và cách thức giáo dục đạo đức kinh doanh; luận cứ được ưu thế của môn GDCD trong giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT; lựa chọn những nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh phù hợp với HS các trường THPT trong dạy học môn GDCD.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT nước ta hiện nay.

Thứ ba, đề xuất một số nguyên tắc và biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT.

Kết luận chương 1

Đất nước ta đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự quản lý, điều hành của nhà nước. Không thể phủ nhận những lợi ích mà nền kinh tế thị trường đem lại cho đất nước ta trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, việc chuyển sang xây dựng nền kinh tế thị trường đã dẫn đến những biến đổi trong đời sống xã hội. Hiện tượng vi phạm đạo đức trong kinh doanh xuất hiện ngày một nhiều với những mức độ khác nhau. Việc nghiên cứu lí luận đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh cho các chủ thể trong nền kinh tế thị trường là vấn đề cấp thiết được nhiều nhà khoa học trên thế giới và trong nước quan tâm. Đã có nhiều công trình khoa học đề cập đến vấn đề đạo đức kinh doanh như định nghĩa đạo đức kinh doanh, vai trò và chuẩn mực của đạo đức kinh doanh, thực trạng đạo đức kinh doanh và các giải pháp nhằm xây dựng đạo đức kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay...Nói chung, các công trình đó đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có đạo đức kinh doanh cho các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường. Tuy nhiên, do những mục đích nghiên cứu khác nhau và trong phạm vi cụ thể, các công trình nghiên cứu trong thời gian qua chưa thực sự bao quát, khai thác được hết những nội dung của vấn đề đạo đức kinh doanh, đặc biệt là vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS ở các

trường THPT. Một trong những giải pháp quan trọng là thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh không chỉ cho các doang nghiệp, doanh nhân mà cần hướng tới giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS các trường THPT - lực lượng lao động kế cận của đất nước nhưng chưa có công trình nào đề cập đến tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT trong dạy học môn GDCD. Chính vì vậy luận án cần đi sâu nghiên cứu vấn đề này, tìm ra cách thức giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS nhằm phát huy hiệu quả trong dạy học môn GDCD. Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS có thể thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, nhưng dạy học là con đường cơ bản và phù hợp nhất.

Những kết quả của các công trình kể trên là tiền đề, cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu luận án: "Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT".

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌCMÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

2.1. Cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT hiện nay

2.1.1. Một số khái niệm

Để xác lập nội hàm của khái niệm đạo đức kinh doanh, trước hết cần làm rõ khái niệm đạo đức và khái niệm kinh doanh.

2.1.1.1. Đạo đức

Đạo đức ra đời và tồn tại từ rất lâu đời trong lịch sử nhân loại, nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội. Đạo đức bao gồm những chuẩn mực, quy tắc ứng xử mang tính tự nguyện, ra đời và phát triển do trong cuộc sống hàng ngày của con người nảy sinh rất nhiều mối quan hệ cần phải giải quyết một cách hài hoà, thấu tình đạt lí. Sự phát sinh và phát triển của đạo đức do sự phát triển của phương thức sản xuất quyết định. Vì vậy, sự tiến bộ của ý thức đạo đức là một trong những tiêu chí căn bản để đánh giá sự tiến bộ chung của xã hội. Đây là một phạm trù đặc trưng của xã hội loài người, đề cập đến mối quan hệ và các quy tắc ứng xử trong tất cả các hoạt động của con người trong đó có hoạt động kinh doanh.

Tác giả Hoàng Phê trong *Từ điển tiếng Việt* giải thích đạo đức là: "1. Những tiêu chuẩn, yêu cầu được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội (nói tổng quát). 2. Phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có" [89; tr.290].

Theo quan điểm của đạo đức học, đạo đức là một hình thái ý thức đặc biệt của xã hội: "Đạo đức là hệ thống những quy tắc, chuẩn mực biểu hiện sự tự giác trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng xã hội, với tự nhiên và với cả bản thân mình" [18, tr6].

Như vậy, các quan hệ đạo đức trong xã hội thường được điều chỉnh bởi sức mạnh của dư luận xã hội. Đó là những ý kiến khen, chê của số đông người trong xã

hội đối với hành vi của một cá nhân hay một nhóm người. Dư luận xã hội có thể thúc đẩy hoặc ngăn cản hành vi của một cá nhân hoặc một nhóm người. Hành vi của mỗi con người cần phải tuân theo những chuẩn mực đạo đức của xã hội trong từng thời kì lịch sử. Sự điều chỉnh hành vi đạo đức xuất phát từ cá nhân, cho nên nó mang tính tự nguyện, tự giác hơn là ép buộc.

Từ việc nghiên cứu các khái niệm nêu trên, tác giả cho rằng *đạo đức là hệ thống những giá trị và các chuẩn mực xã hội mà con người dựa vào đó để tự giác điều chỉnh hành vi của bản thân sao cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng và xã hội.*

Đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách của cá nhân đã được xã hội hoá, được thể hiện qua hành vi đạo đức. Dù đứng ở góc độ tâm lí học hay xã hội học, giáo dục học, đạo đức học thì các giá trị đạo đức vẫn được coi là nền tảng của nhân cách, là nội lực phát triển nhân cách con người ở mọi thời đại.

2.1.1.2. Kinh doanh

Kinh doanh là lĩnh vực có liên quan mật thiết với đời sống hàng ngày, một dạng hoạt động cơ bản của con người. Hiểu theo nghĩa chung nhất, kinh doanh là hoạt động làm giàu của con người trên thương trường. Dưới góc độ kinh tế, kinh doanh là một phạm trù gắn với nền sản xuất hàng hóa, là tổng thể các hình thức, biện pháp tổ chức các hoạt động kinh tế, phản ánh mối quan hệ giữa con người với con trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng nhằm mục đích thu lại nhiều hơn số vốn bỏ ra ban đầu. Kinh doanh gồm ba lĩnh vực là sản xuất hàng hóa, buôn bán và dịch vụ.

Như vậy, kinh doanh có nội dung rất rộng, ở mức độ khái quát có thể hiểu ở những đặc trưng sau:

Thứ nhất, kinh doanh là hoạt động mang tính nghề nghiệp của chủ thể kinh doanh. Trong xã hội, có những người, nhóm người, tổ chức xã hội thực hiện hoạt động kinh doanh một cách lâu dài, ổn định. Đây là một nghề đặc biệt quan trọng trong xã hội, bởi nó góp phần tạo ra của cải vật chất để xã hội tồn tại, phát triển.

Thứ hai, kinh doanh là hành vi diễn ra trên thị trường. Hoạt động kinh doanh phản ánh mối quan hệ giữa các nhà kinh doanh với nhau, với xã hội nói chung thông qua các quan hệ trao đổi, mua bán, tiêu dùng,.... Đó là những quan hệ hàng hoá – tiền tệ

Thứ ba, chức năng cơ bản của hoạt động kinh doanh là tìm kiếm những nhu cầu của con người và tập trung nguồn lực để sản xuất, khai thác, chế biến, buôn bán hàng hóa, dịch vụ… đáp ứng những nhu cầu đó. Mục đích của kinh doanh là lợi nhuận.

Kinh doanh là yếu tố rất quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế, đem đến đời sống ấm no và xã hội văn minh cho con người.

2.1.1.3. Đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh là một phần rất quan trọng của xã hội, là đạo đức được vận dụng vào các hoạt động và quan hệ kinh doanh. Nếu coi đạo đức là cái chung thì đạo đức kinh doanh là cái đặc thù, biểu hiện riêng của đạo đức xã hội trong lĩnh vực kinh doanh.

Đạo đức đóng vai trò là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người nên bất cứ ngành nghề, lĩnh vực nào cũng đều có yếu tố đạo đức. Trong hoạt động kinh doanh, yếu tố đạo đức đóng vai trò quan trọng, biểu hiện thành đạo đức kinh doanh, hình thành cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Đối với các nước có nền kinh tế thị trường phát triển thì vấn đề đạo đức kinh doanh đã và đang được các doanh nhân coi như chiến lược phát triển, phương thức hoạt động kinh doanh của mình. Họ phải tìm hiểu và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội đặt ra trên cả hai phương diện đạo đức và luật pháp.

Có thể thấy, giữa kinh doanh và đạo đức luôn có sự mâu thuẫn giữa lợi ích của chủ thể kinh doanh với lợi ích của người lao động, người tiêu dùng và lợi ích cộng đồng. Trong hoạt động kinh doanh, các chủ thể kinh doanh luôn hướng tới mục đích thu được nhiều lợi nhuận nhất có thể. Muốn vậy, họ phải tìm cách giảm thiểu tối đa chi phí bỏ ra cho việc kinh doanh như: giảm tiền thuê nhân công, đầu tư nguyên liệu sản xuất, xử lý chất thải ra môi trường… Trong khi đó, người lao động

luôn muốn có lương cao, được hưởng nhiều phúc lợi từ doanh nghiệp, xã hội luôn đòi hỏi phải bảo vệ môi trường, người tiêu dùng luôn muốn có sản phẩm chất lượng tốt nhưng giá phải rẻ... Những xung đột lợi ích này là khởi nguồn cho sự xuất hiện vấn đề đạo đức kinh doanh trong xã hội thể hiện ở việc các doanh nhân luôn phải giải bài toán làm thế nào để dung hoà được lợi ích của cá nhân với lợi ích xã hội.

Ở Việt Nam, đạo đức kinh doanh đã sớm được nói đến trong văn hóa dân tộc, thể hiện trong các câu châm ngôn xưa mà dân gian vẫn còn lưu truyền đến ngày nay như "một lần bất tín, vạn lần bất tin", điều quan trọng nhất trong kinh doanh là chữ "tín", "mất trâu thì lại tậu trâu – những quân cướp nợ có giàu hơn ai", hay khuyên làm ăn phải chân chính, không được "treo đầu dê, bán thịt chó", "bán mướp đắng giả làm bầu", "bán mạt cưa giả làm cám"...

Tuy nhiên, đó mới chỉ dừng lại ở những kinh nghiệm dân gian chứ chưa được khái quát lên tầm lý luận. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, khái niệm đạo đức kinh doanh đã được bàn đến nhiều hơn trong các bài viết đăng trên các tạp chí, sách báo. Qua các kết quả nghiên cứu đã trình bày ở chương 1, có thể thấy:

Đạo đức kinh doanh là một hệ thống các nguyên tắc, chuẩn mực xã hội cơ bản có tác dụng đánh giá, hướng dẫn và điều chỉnh, kiểm soát hành vi của các chủ thể trong hoạt động kinh doanh một cách tự giác, tự nguyện, phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Đạo đức kinh doanh là đạo đức áp dụng vào hoạt động kinh doanh từ quá trình đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường. Từ đó sẽ có những quy tắc, chuẩn mực đạo đức cho toàn bộ hoạt động kinh doanh cùng những quy tắc, chuẩn mực đạo đức riêng, đặc thù của từng quá trình, từng doanh nghiệp hay doanh nhân. Các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh lúc đầu có thể xuất hiện dưới dạng những quy ước ngầm, thông qua các hành vi ứng xử. Sau đó, cùng với sự phát triển của xã hội, của ngành nghề kinh doanh, đạo đức kinh doanh xuất hiện dưới dạng thành văn, được công bố chính thức. Dù tồn tại dưới hình thức nào, có văn bản hay không có văn bản chính thức thì đạo đức kinh doanh cũng thể hiện

những đòi hỏi, mong muốn của xã hội và của chính bản thân những người làm trong nghề kinh doanh để sản phẩm của họ được sử dụng, công việc kinh doanh của chính bản thân họ ngày càng tốt hơn.

Đạo đức kinh doanh là một bộ phận của đạo đức xã hội. Nó có quan hệ mật thiết với các bộ phận đạo đức khác như đạo đức gia đình, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức học đường....

2.1.1.4. Giáo dục đạo đức kinh doanh

Giáo dục - hiểu theo nghĩa rộng - là quá trình trao đổi và chuyển giao tri thức, là sự đạt được những giá trị và hành vi theo một mục đích, yêu cầu định sẵn.

Hiểu theo nghĩa hẹp, giáo dục là một quá trình hình thành nhân cách con người dưới ảnh hưởng của các hoạt động có mục đích của nhà giáo dục trong hệ thống các cơ quan giáo dục và dạy học.

Theo tác giả Hà Thế Ngữ: "Giáo dục là quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho con người tham gia đời sống xã hội, tham gia lao động sản xuất, bằng cách tổ chức việc truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử – xã hội của loài người" [85, tr.11].

Về cơ bản, các giáo trình Giáo dục học ở Việt Nam đều trình bày "giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt, là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người…" [102;tr.9]. Về bản chất, "giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu cho đối tượng giáo dục, nhằm giúp họ nhận thức đúng, tạo lập tình cảm và thái độ đúng, hình thành những thói quen, hành vi văn minh trong cuộc sống, phù hợp với chuẩn mực xã hội" [102; tr.137].

Có thể hiểu, giáo dục đạo đức là quá trình tác động một cách tích cực đến đối tượng giáo dục để hình thành trong họ ý thức, tình cảm, niềm tin, lý tưởng... đạo đức và được thể hiện ở hành vi đạo đức.

Kinh doanh là lĩnh vực có liên quan mật thiết tới đời sống thường ngày của con người. Vì vậy GD ĐĐKD là một phần rất quan trọng của xã hội nói chung và của đạo đức xã hội nói riêng. Vì vậy có thể hiểu: *GD ĐĐKD là quá trình giáo dục đạo đức tác động đến các chủ thể trong nền kinh tế nhằm hình thành cho chủ thể kinh*

doanh ý thức, thái độ, nguyên tắc và hành vi đạo đức kinh doanh phù hợp với các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh của xã hội hiện nay.

Do đó, vấn đề GD ĐĐKD đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp xã hội. Việc GD ĐĐKD là một lĩnh vực thiết yếu trong đời sống xã hội để đảm bảo cho xã hội phát triển bền vững và ổn định.

- Sự cần thiết của giáo dục đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

Nền kinh tế xã hội ngày càng phát triển thì phạm trù đạo đức có nội dung ngày càng phong phú. Một con người muốn trở thành cá thể tốt trong xã hội thì cần phải am hiểu và được trang bị tốt về những quy tắc đạo đức, bởi đó là chuẩn mực cho những hành vi của mỗi người trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, nếu chỉ am hiểu về quy tắc đạo đức thì chưa chắc đã trở thành người có đạo đức. Điều quan trọng là phải thực hành những quy tắc đạo đức đó trong đời sống như thế nào và được dư luận đánh giá ra sao. Chính trong quá trình thực hành này sẽ nảy sinh vô vàn những trường hợp khác nhau, đòi hỏi phải có cách ứng xử phù hợp và mềm dẻo, sao cho vừa bảo toàn được các quy tắc đạo đức chung, lại vừa thích ứng được với những yêu cầu thực tế. Chính vì vậy, việc giáo dục đạo đức nói chung và đạo đức kinh doanh nói riêng cho học sinh, sinh viên là một yêu cầu cần thiết để xây dựng và phát triển đạo đức kinh doanh bền vững. Tuy nhiên, vấn đề này ở nước ta hiện nay vẫn chưa được quan tâm nhiều.

Chúng ta cần thấy rằng, việc thực hiện hành vi đạo đức, nói chung là tự nguyện, tự giác. Nhưng trong hoạt động kinh doanh, hành vi đạo đức tự nguyện, tự giác ấy phải luôn đạt tới "chuẩn mực thép": tiêu chuẩn chất lượng (quốc gia và quốc tế), tuân thủ luật pháp, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhà nước, ...

Thành công của các nhà kinh doanh thế giới và Việt Nam đã cho phép chúng ta khẳng định: kinh doanh theo đúng chuẩn mực đạo đức là yếu tố quyết định sự thành công và sự bền vững của doanh nghiệp, của hoạt động kinh doanh. Sự hình thành phạm trù đạo đức kinh doanh là một đòi hỏi khách quan của cuộc sống, của cơ chế thị trường. Ngoài những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội có sự chi phối các quan hệ giữa người với người, trong kinh doanh có những chuẩn mực hoặc có

những đặc trưng riêng về đạo đức của nó. Trong đó, những chuẩn mực về tính trung thực, khiêm tốn, tôn trọng con người, gắn lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội, tôn trọng bí mật thương mại,... là những chuẩn mực có sức chi phối mạnh mẽ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực tế đời sống xã hội không cho phép mọi người kinh doanh chỉ hành động một cách vụ lợi, bất chấp những giá trị đạo đức hay vô cảm với các hiện tượng vi phạm đạo đức nói chung và đạo đức kinh doanh nói riêng. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh đang diễn ra với quy mô ngày càng lớn, nội dung của nó ngày càng phong phú và đa dạng. Kinh doanh chỉ là một phương tiện chứ không phải là mục đích. Mục đích của nhà kinh doanh không nằm ngoài mục đích đem lại hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội. Hạnh phúc ở đây bao gồm những giá trị đạo đức, văn hóa, kinh tế... được xã hội thừa nhận và tôn trọng.

Chính vì vậy, cần phải có sự nghiên cứu nghiêm túc vấn đề GD đạo đức kinh doanh. Những nội dung GD đạo đức kinh doanh cần được phổ cập đến mọi người, đặc biệt là những nhà kinh doanh, những HS, SV và người lao động trong doanh nghiệp.

- Nội dung cơ bản của giáo dục đạo đức kinh doanh

Việc GD ĐĐKD nhằm hướng con người đạt tới các chuẩn mực sau:

Một là, Tuân thủ luật pháp của Nhà nước

Tuân thủ pháp luật, sống, làm việc, học tập theo Hiến pháp, pháp luật là yêu cầu đặt ra cho mọi người dân Việt Nam. Những quy định cụ thể trong các ngành luật như: Luật kinh tế, luật lao động, luật bảo vệ môi trường...v.v có vai trò điều chỉnh, hướng dẫn các chủ thể trong nền kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp phải tuân theo các quy phạm pháp luật. Pháp luật Việt Nam cũng đưa ra các chế tài nghiêm minh nhằm xử lý những vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, chống những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, trái với pháp luật.

Thông qua hệ thống pháp luật, các doanh nghiệp cần đảm bảo môi trường làm việc an toàn, bình đẳng cho người lao động, trả công xứng đáng với giá trị sức lao động của họ, việc kí kết các hợp đồng lao động cần căn cứ vào các điều khoản

cụ thể trong luật. Đối với các sản phẩm bán trên thị trường, luật pháp quy định các chủ thể kinh doanh phải trung thực khi công bố các thông tin về sản phẩm như: thành phần, nơi sản xuất, hạn sử dụng, giấy phép kinh doanh... để bảo vệ lợi ích và sức khoẻ cho người tiêu dùng. Đối với người lao động, luật pháp đảm bảo quyền cho họ nhưng cũng yêu cầu các nghĩa vụ pháp lý trong hợp đồng lao động.

Ngoài ra, pháp luật còn yêu cầu các doanh nghiệp phải tuân theo các quy định khác về hoạt động kinh doanh như: các nghĩa vụ pháp lý về đăng ký kinh doanh, đóng thuế, bảo hiểm. Những hành vi trốn hay nợ bảo hiểm đều vi phạm pháp luật và phải chịu hình phạt trước pháp luật. Việc tuân thủ luật pháp của Nhà nước trong kinh doanh không chỉ giúp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh được thuận lợi hơn mà còn góp phần xây dựng một xã hội tiến bộ.

Hai là, Khiêm tốn, dũng cảm, nhân ái

Khiêm tốn là một thái độ sống tích cực, thể hiện qua từng lời nói, hành động và cử chỉ một cách thật tâm đối với mọi người. Khiêm tốn đòi hỏi mỗi người cần trung thực, không khoác lác, tự kiêu, tự mãn về những gì mình biết, mình có, biết ghi nhận và trân trọng những cống hiến, thành tích của người khác. …Trong cuộc sống hàng ngày, nhất là trong hoạt động kinh doanh, đức tính khiêm tốn rất cần thiết. Người kinh doanh biết khiêm tốn sẽ dễ gần gũi và tiếp xúc được với nhiều người, tạo cho người khác thiện cảm, đồng thời cũng luôn sửa chữa được những sai lầm của mình và biết trân trọng những thành tích, cống hiến của cộng sự và những đối thủ cạnh tranh. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của họ sẽ thu nhiều thuận lợi.

Lòng dũng cảm là một trong những đức tính vô cùng cần thiết và đáng quý trọng ở mỗi con người. Dù ở nơi đâu, khi làm bất cứ một việc gì, con người đều cần có lòng dũng cảm. Lòng dũng cảm thể hiện ở việc dám đối mặt với sự thật, không trốn tránh dù cho có khó khăn để thực hiện cho được mục đích đề ra; tinh thần luôn lạc quan để vượt qua bao sóng gió của cuộc sống; làm những việc mà người khác không dám làm; dám đối diện với chính mình. Lòng dũng cảm của người kinh doanh thể hiện ở việc dám đương đầu với gian nan, thử thách, có nghị lực và khí phách, không ngại khó, không ngại khổ, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, gian

khổ, dám tiên phong thử nghiệm những điều mới mẻ trong kinh doanh để vươn lên làm giàu.

Ngoài ra, trong hoạt động kinh doanh cũng cần có lòng nhân ái. Nhân là người, ái là thương yêu, lòng nhân ái là tình thương yêu giữa con người với con người trong cộng đồng. Một doanh nhân nhân ái sẽ tạo cho các nhân viên, các đối tác hay khách hàng cái nhìn thiện cảm về họ, rút ngắn khoảng cách giữa người và người, tạo nên sự gần gũi thân thiện. Và cũng bởi thế mà lôi kéo được nhiều khách hàng, hoạt động kinh doanh tất nhiên sẽ thêm thuận lợi. Đó những giá trị nhân bản, sẽ tạo nên tính thiện trong đời sống.

Ba là, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội

Trách nhiệm xã hội thể hiện là điều mà chủ thể hành động (có thể là một người, một nhóm người hoặc cả cộng đồng) phải làm, phải gánh vác, không thể thoái thác nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng. Mỗi doanh nghiệp cần điều hành hoạt động kinh doanh của mình sao cho đảm bảo được việc tiết kiệm năng lượng, bảo vệ tự nhiên, bảo vệ môi trường sống của chính con người, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình xử lý chất thải ra môi trường. Đối với người lao động, các doanh nghiệp cần quan tâm và có chế độ khen thưởng, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ và tạo điều kiện để nhân viên nâng cao trình độ... nhằm khuyến khích sự nhiệt tình, tận tâm của người lao động nhằm phát huy hết khả năng sáng tạo của họ trong công việc. Họ sẽ yên tâm và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp nếu có việc làm phù hợp với khả năng và có thu nhập ổn định. Người kinh doanh cần có trách nhiệm với những khách hàng tiêu thụ sản phẩm của họ. Khách hàng là đối tượng cần được quan tâm đặc biệt, bởi lợi nhuận của họ có được phụ thuộc phần lớn vào sự lựa chọn tin cậy từ phía khách hàng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần thể hiện trách nhiệm xã hội như quan tâm, hỗ trợ những người không thể và không còn khả năng lao động như: người tàn tật, người già neo đơn, trẻ em lang thang không nơi nương tựa, những người đang bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt... Việc đóng góp một phần từ lợi nhuận của doanh nghiệp, công ty không chỉ có ý nghĩa nhân văn, nhân đạo mà còn có ý nghĩa quảng bá thương hiệu cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện trách nhiệm với xã hội.

Bốn là, trung thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Trung thực là một trong những phẩm chất quan trọng tạo nên giá trị của một con người chân chính, là một đức tính tốt của con người mà ở đó sự phản ánh đúng sự thật đã và đang diễn ra. Trung thực là luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lí, lẽ phải, sống ngay thẳng, thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm. . Trong những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người, đặc biệt là những người kinh doanh thì không thể không nhắc đến tính trung thực. Trong kinh doanh, các doanh nhân phải lấy chữ tín làm chuẩn mực cơ bản cho mình. Bởi thiếu đi tính trung thực con người sẽ trở thành những kẻ lừa dối, gây thiệt hại cho chính bản thân và những người khác trong xã hội.

Ngày nay, cơ chế vận hành của KTTT đang có những tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có ảnh hưởng không nhỏ đến các giá trị, các quy phạm đạo đức và lối sống của con người. Nhiều nhà kinh tế, nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng: trong điều kiện KTTT, xã hội phát triển không đơn giản chỉ là sự tăng trưởng kinh tế mà còn mang tính chính trị, xã hội, nhân văn và môi trường cũng như văn hóa. Nếu quan niệm phát triển là phải ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế hoặc chỉ nhằm vào mục đích lợi nhuận thì kết quả thu được sẽ rất khập khiễng, mất cân đối, lợi nhuận sẽ chi phối các mối quan hệ xã hội, thậm chí tàn phá các giá trị tinh thần và làm biến dạng, lệch chuẩn nhân cách con người. Chẳng hạn, ở Nhật Bản việc coi trọng các giá trị đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, sự trung thực đã trở thành truyền thống, đó là một trong những nguyên nhân khiến Nhật Bản phát triển "thần kỳ" từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Do vậy, tìm kiếm lợi nhuận chính đáng là hoạt động hợp đạo lý song phải đảm bảo cho xã hội phát triển. Suy cho cùng mọi hoạt động trong xã hội đều là do con người và vì con người.

Nói đến KTTT là nói đến cạnh tranh nhưng không phải để loại trừ nhau mà để con người tự thích nghi và bộc lộ khả năng một cách tốt nhất khẳng định các giá trị bản thân về tri thức và đạo đức của cá nhân cũng như của cộng đồng. Sự phát triển của KTTT không chỉ đòi hỏi tính năng động, sáng tạo, khả năng thích ứng của các chủ thể mà còn đòi hỏi ý thức rõ ràng, minh bạch trong quan niệm về

các chuẩn mực đạo đức kinh doanh. KTTT luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho mỗi người làm giàu nhưng không khuyến khích con người làm giàu bằng bất cứ giá nào. Do đó việc GD ĐĐKD nhằm hướng tới các giá trị nhân văn vì sự tiến bộ chung để mỗi chủ thể kinh tế nhận thức được rằng: ngoài tài năng, trí tuệ nếu tôn trọng các chuẩn mực của ĐĐKD họ sẽ có chỗ đứng vững vàng và lâu bền trong cơ chế thị trường. Ngược lại, nếu thiếu lương tâm, không có trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh họ không chỉ bị dư luận lên án mà còn phải gánh chịu tránh nhiệm trước pháp luật.

- Các hình thức giáo dục đạo đức kinh doanh

Sự hình thành các giá trị đạo đức kinh doanh với tính chất một nét văn hóa trong kinh doanh là một quá trình lâu dài. Để quá trình này diễn ra nhanh hơn thì giáo dục được coi là yếu tố hết sức quan trọng. Việc giáo dục đạo đức kinh doanh có thể thực hiện bằng nhiều phương thức, hình thức, phương tiện khác nhau:

Thứ nhất: Giáo dục đạo đức kinh doanh trong nhà trường, không chỉ ở các khối ngành kinh tế mà cần giáo dục cho cả HS ở các bậc học. Việc GD ĐĐKD phải gắn liền với thực tiễn, để qua đó người học thấy được vai trò của đạo đức kinh doanh, thấy được hậu quả của những hành vi vi phạm đạo đức trong kinh doanh nhằm hình thành cho người học – những chủ thể kinh doanh của tương lai ý thức tự giác tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức trong kinh doanh.

Thứ hai: GD ĐĐKD thông qua các phương tiện thông tin đại chúng sẽ là một công cụ hữu hiệu để cung cấp cho các chủ thể kinh doanh trong hiện tại hay tương lai những tri thức về đạo đức kinh doanh, từ đó hình thành nên tình cảm, lý tưởng đạo đức thúc đẩy các chủ thể tự giác tuân theo những quy tắc và chuẩn mực đạo đức được xã hội thừa nhận. Như vậy, đồng thời với việc nâng cao nhận thức về đạo đức kinh doanh, cần thiết phải nâng cao nhận thức về những quy tắc, chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Để làm được điều này, Nhà nước với sức mạnh của mình có thể tuyên truyền, phổ biến những tri thức chung về đạo đức và đạo đức kinh doanh thông qua hệ thống trường học, truyền thông, qua các tổ chức chính trị - xã hội khác như công đoàn, nghiệp đoàn...

Thứ ba: GD ĐĐKD thông qua các tấm gương điển hình về kinh doanh có đạo đức. Nhà nước cần có những chính sách nhằm động viên, khuyến khích những hành vi đạo đức trong kinh doanh như trao các giải thưởng tôn vinh các chủ thể kinh doanh tiêu biểu về đạo đức kinh doanh, đưa ĐĐKD vào tiêu chí xếp loại các doanh nghiệp.

2.1.2. Một số vấn đề lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay

2.1.2.1. Ưu thế của dạy học môn GDCD đối với việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS ở trường THPT

- *Dạy học là con đường cơ bản để giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS*

Có nhiều con đường, cách thức để thực hiện GD ĐĐKD cho các chủ thể trong nền KTTT. Mỗi con đường giáo dục đều có những thế mạnh nhất định, tuy nhiên, dạy học luôn được xác định là con đường cơ bản nhất để GD ĐĐKD cho các công dân tương lai trong nền KTTT bởi giáo dục là hoạt động tạo nên sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Các hoạt động giáo dục của nhà trường là đa dạng và đều hướng đến mục tiêu hình thành, phát triển nhân cách cho HS. Trong các hoạt động đó, dạy học bao giờ cũng được xác định là hoạt động giáo dục cơ bản. Khẳng định như vậy bởi mọi hoạt động giáo dục của nhà trường đều diễn ra xung quanh trục của hoạt động dạy học. Dạy học là hoạt động xương sống của trường học. Nói cách khác, giáo dục HS được thực hiện cơ bản trong dạy học cho dù đó là dạy học trên lớp hay ngoài lớp học.

Không những thế, hoạt động dạy học có ưu thế là giúp cho HS trong một thời gian ngắn nhất có thể chiếm lĩnh được khối lượng kinh nghiệm xã hội nhiều nhất. Đây là điều mà các con đường giáo dục khác không thể có được.

Có được ưu thế trên bởi nội dung dạy học được thực hiện trong chương trình nhà trường đã được xử lí từ kinh nghiệm xã hội bởi các PP khoa học sư phạm, tránh cho HS phải mò mẫm một cách thiếu định hướng.

Mặt khác, hoạt động dạy học trong nhà trường được thực hiện chủ yếu trong lớp học, nhưng cũng có thể được thực hiện ngoài lớp học, với hình thức chính khóa

và ngoại khóa. Điều này cho thấy, môi trường của dạy học là đa dạng. Chính sự đa dạng này cho phép hoạt động dạy học khai thác và tích hợp được các con đường giáo dục khác trong quá trình triển khai dạy học.

Thêm vào đó, hoạt động dạy học trong nhà trường thực hiện đồng thời hai mục tiêu là giáo dưỡng và giáo dục. Mục tiêu giáo dưỡng giúp HS có được nội dung học vấn theo chương trình đào tạo. Khi đạt được học vấn này, tất yếu kéo theo những thay đổi về tình cảm, thái độ của HS. Mục tiêu giáo dục được xác định nhằm khai thác ưu thế của môn học để tác động đến những khía cạnh khác nhau trong cấu trúc nhân cách của HS. Đó có thể là mục tiêu giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục lao động hay giáo dục ý thức công dân.... Từ những yêu cầu trên cho thấy môn GDCD là một môn học có những ưu thế và đặc điểm có thể đáp ứng mục tiêu của GD ĐĐKD cho thế hệ tương lai của đất nước ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc giáo dục đạo đức kinh doanh phải gắn liền với việc giáo dục đạo đức, lối sống truyền thống của dân tộc. Đặc biệt cần chú trọng việc dạy và học trong các môn khoa học xã hội nói chung và môn GDCD nói riêng để từng bước hình thành cho các em ý thức tự giác, chuẩn bị cho một bản lĩnh chính trị đúng đắn, lòng trung thành với lý tưởng XHCN, có ý thức công dân trước pháp luật và có trách nhiệm xã hội.

ĐĐKD là một biểu hiện đặc thù trong phạm trù đạo đức; là thước đo về năng lực, phẩm chất của con người trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; là cơ sở để đánh giá sự tiến bộ, văn minh của mỗi con người, mỗi quốc gia trong xu thế hội nhập. Do đó, để phát triển nền KTTT một cách bền vững phải đặc biệt coi trọng giáo dục ĐĐKD. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới việc giáo dục ĐĐKD cho các công dân tương lai ngay từ khi các em còn ngồi trên ghế nhà trường, vì xây dựng ĐĐKD không chỉ là trách nhiệm riêng của từng doanh nghiệp, mà còn là trách nhiệm của nhà nước, cộng đồng và toàn xã hội. Một trong những biện pháp quan trọng đang được hướng tới là việc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh thông qua nội dung các môn học, các hoạt động nội, ngoại khoá cho HS trong đó có môn GDCD bởi môn học này có những ưu thế sau đây:

- Nội dung dạy học môn GDCD ở THPT hàm chứa nhiều nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh

Xuất phát từ vị trí, mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn GDCD ở THPT được cấu trúc thành năm phần, bao gồm: (1) *Công dân với việc hình thành thế giới quan, PP luận khoa học;* (2) *Công dân với đạo đức;* (3) *Công dân với kinh tế;* (4) *Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội* và (5)*Công dân với pháp luật*. Những nội dung này chứa đựng các giá trị đạo đức cơ bản như sống yêu thương (tôn trọng và quan tâm đến người khác, nhân ái, khoan dung, yêu thương gia đình, yêu quê hương, yêu Tổ quốc, yêu đồng loại, yêu thiên nhiên...); sống tự chủ (trung thực, tự trọng, chăm chỉ vượt khó, tự hoàn thiện,...) và sống trách nhiệm (sống có trách nhiệm với bản thân, sống có trách nhiệm với gia đình, quê hương và Tổ quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật,...).

Đặc biệt, trong nội dung chương trình Giáo dục công dân THPT có 3 phần chứa đựng nhiều nội dung có thể kết hợp giáo dục đạo đức kinh doanh, đó là: phần Công dân với đạo đức, Công dân với kinh tế và công dân với pháp luật.

Phần *Công dân với đạo đức* giúp HS nắm vững một số phạm trù cơ bản của đạo đức học và các yêu cầu cơ bản về đạo đức của người công dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như: lương tâm, nhân phẩm và danh dự; công dân với cộng đồng, tự hoàn thiện bản thân.... Qua bài học, các em có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề đạo đức trong đời sống hàng ngày, biết tôn trọng các giá trị đạo đức, biết tự điều chỉnh, hoàn thiện bản thân theo các yêu cầu đạo đức xã hội.

Phần *Công dân với kinh tế* là phần chứa đựng những nội dung kiến thức về kinh tế chính trị, cung cấp và trang bị những kiến thức cơ bản cho HS về sự hình thành, phát triển kinh tế hàng hóa, các khái niệm, quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế hàng hóa như: hàng hóa, tiền tệ, thị trường, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu..., chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN, quá trình CNH, HĐH đất nước. Đây là những nội dung cung cấp những kiến thức cơ bản góp phần hình thành kiến thức, kỹ năng và đạo đức kinh doanh cho HS THPT.

Phần *Công dân với pháp luật* cung cấp những hiểu biết cơ bản về bản chất, vai trò và nội dung của pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội như: thực hiện pháp luật, quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội, công dân với các quyền tự do cơ bản, pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước, pháp luật với hòa bình và sự phát triển của nhân loại...Những nội dung này giúp HS có thể chủ động, tự giác điều chỉnh hành vi cá nhân và đánh giá được hành vi của người khác theo quyền và nghĩa vụ của công dân trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Đây cũng là phần có chứa đựng một số nội dung có thể tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS như: bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, bình đẳng trong kinh doanh, quyền tự do kinh doanh của công dân và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Đối với môn GDCD, mục tiêu không chỉ là "dạy chữ" mà còn hướng tới mục tiêu quan trọng nữa là " dạy người" nhằm hình thành và định hướng những giá trị tốt đẹp cho nhân cách người công dân trong xã hội. Do đó, thông qua mỗi bài dạy, tiết học người GV GDCD phải tích cực giáo dục, bồi dưỡng để giúp cho mỗi HS hình thành được cho mình lẽ sống, lí tưởng và niềm tin lành mạnh. Giáo dục để các em trở thành những công dân có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Trở thành những con người phát triển cao về trí tuệ, trong sáng về đạo đức và có đời sống tinh thần phong phú. Thông qua các bài học GDCD, người GV bộ môn phải giúp các em trở thành những con người sống có nghĩa tình, có tinh thần tập thể, có ý thức tổ chức kỉ luật, có lòng nhân ái khoan dung, biết yêu quê hương đất nước, yêu CNXH, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên CNXH, luôn có ý thức trách nhiệm trước tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước, dân tộc... Để thực hiện nhiệm vụ này, người GV GDCD phải biến những tri thức, khô khan, trừu tượng, khó hiểu của môn học thành tình cảm, lẽ sống, lí tưởng, niềm tin ở HS, thôi thúc các em hành động theo lẽ phải và không ngừng nỗ lực phấn đấu để tự hoàn thiện bản thân, vươn tới chân – thiện –mĩ.

Đây cũng là một trong những điểm đặc thù và cũng là thế mạnh tạo nên ưu thế của môn GDCD trong việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT` ở trường phổ thông so với các môn học khác.

- Giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh trung học phổ thông là quan trọng, cần thiết, phù hợp với mục tiêu môn học

Trong quá trình đổi mới, đất nước ta đang "hình thành hệ giá trị và chuẩn mực của xã hội phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại". Những nét cơ bản về phương hướng giáo dục tư tưởng đạo đức được Đại hội Đảng lần thứ XI xác định là: "Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi, sống có văn hoá, nghĩa tình"[38, tr.40].

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII tiếp tục khẳng định: "Tạo điều kiện để xây dựng con người Việt Nam đẹp về nhân cách, đạo đức, tâm hồn; cao về trí tuệ, năng lực, kỹ năng sáng tạo; khoẻ về thể chất; nâng cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật"[40, tr.29].

Ngoài những nét cơ bản nói trên, con người mới thích ứng với thời đại hiện nay phải là những con người không cam chịu đói nghèo, thiếu thốn, có ý chí vươn lên làm giàu bằng sức lao động của mình, làm theo pháp luật. Đó là những con người siêng năng lao động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, không thụ động, có hiểu biết và kỹ năng về nhiều lĩnh vực, con người đa năng, có khả năng di chuyển nghề nghiệp, cơ động trong cơ chế thị trường luôn biến động và đặc biệt phải có đạo đức kinh doanh.

Để thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh, bên cạnh việc hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng các quy tắc ứng xử về đạo đức kinh doanh cần chú trọng việc tuyên truyền và giáo dục đạo đức kinh doanh cho tất cả các chủ thể tham gia vào nền KTTT đầy sôi động hiện nay.

Thông qua hệ thống tri thức cơ bản về giá trị đạo đức nhân văn, đường lối, chính sách lớn của Đảng, nhà nước và pháp luật, môn GDCD giúp HS có cái nhìn đúng đắn về thế giới và thời đại, về con người và cộng đồng, về các hiện tượng khác nhau đang diễn ra trong đời sống. Các em biết phân tích, đánh giá các hiện tượng xã hội theo quan điểm khoa học, tiến bộ, biết đấu tranh để bảo vệ và ủng hộ cái mới, cái tích cực và chống lại những cái tiêu cực, lạc hậu, lỗi thời.

Việc giáo dục DĐKD trong dạy học GDCD mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực thể hiện qua một vài khía cạnh sau:

Thứ nhất, GD ĐĐKD *góp phần bồi đắp cho HS những giá trị mới cho đạo đức truyền thống*

Kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, ĐĐKD dựa trên các chuẩn mực mới trong doanh nghiệp, đó là tinh thần tự giác tuân thủ pháp luật, cạnh tranh một cách hợp pháp, tôn trọng hợp đồng đã kí kết, bảo vệ môi trường, tham gia cứu trợ xã hội. Với cá nhân, đó là tính trung thực, khiêm tốn, nhận thức đúng các nguyên tắc kinh doanh; xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ, nhận thức đúng vị trí và vai trò của mình trong công việc, gia đình và trong xã hội. Từ đó, giúp các em biết đúng , sai khi nhìn nhận và giải quyết các vấn đề cho phù hợp để tôn trọng chính mình và tôn trọng người khác, có khả năng hợp tác, hoà nhập, thương yêu mọi người, có ước mơ và mục đích sống cao đẹp.

Ví dụ: Trong bài 10 - GDCD lớp 10 khi phân tích cho HS hiểu về vai trò của đạo đức trong sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội, GV cần nhấn mạnh: tính trung thực là một quy tắc, một chuẩn mực đạo đức để hoàn thiện nhân cách con người. Trong kinh doanh cũng như trong các hoạt động khác nếu thiếu trung thực thì mọi phẩm chất, năng lực khác sẽ không còn ý nghĩa. Hay khi giảng về phạm trù nghĩa vụ, lương tâm trong bài 11 – GDCD lớp 10, GV cần khẳng định: khiêm tốn là thể hiện tính thiện, người khiêm tốn là người có nhân cách, lương tâm, các em cần phải nỗ lực không ngừng trong học tập và rèn luyện để trở thành người lương thiện, sống có đạo đức.

Thứ hai, giáo dục cho HS tinh thần đấu tranh phòng chống các hiện tượng tiêu cực của nền kinh tế thị trường

Giúp HS nhận thức khi có ĐĐKD các chủ thể không chấp nhận hay thoả hiệp với các hành vi đi ngược lại các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng. Giáo dục ĐĐKD giúp HS biết vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các hiện tượng, các sự kiện trong thực tiễn nền kinh tế thị trường. Giáo dục ĐĐKD còn giúp HS biết bảo vệ cái tốt, cái đúng và đấu tranh, phê phán các hiện tượng tiêu cực của thực tiễn nền kinh tế thị trường phù hợp với khả năng của

các em. Cùng với đó là sự hình thành thái độ đúng đắn, biết lên án các hành vi vi phạm pháp luật như: làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, ăn cắp bản quyền, gây ô nhiễm môi trường, thiếu trách nhiệm và đối xử bất công với người lao động…. Qua đó, góp phần quan trọng làm trong sạch bộ máy nhà nước, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh; đồng thời hình thành cho HS tinh thần đấu tranh phòng chống tệ tham nhũng, quan liêu sau này.

Ví dụ: trong bài 4 – GDCD lớp 11 khi giảng về tính hai mặt của cạnh tranh, GV chỉ rõ cho HS nhận thấy có nhiều cách để làm giàu nhưng về cơ bản có hai cách: Thứ nhất, làm giàu bằng trí tuệ, bằng khả năng thực sự, bằng cái tâm, bằng cả mồ hôi và nước mắt của mình. Đây là cách làm giàu được cả xã hội ghi nhận, đồng tình. Thứ hai, làm giàu bằng sự lừa đảo, gian lận hay những hành vi xảo quyệt khác thì chắc chắn không duy trì được lâu dài, không bền vững vì sẽ bị dư luận xã hội lên án hoặc chịu sự trừng phạt của pháp luật.

Thứ ba, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Giáo dục ĐĐKD trong dạy học GDCD góp phần vào việc hình thành ý thức tổ chức, kỷ luật cho HS, giúp các em có thái độ đúng đắn trong việc nhận thức và chấp hành pháp luật. Giúp HS thấy rõ tầm quan trọng của việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh vì nó sẽ giúp các chủ thể tự điều chỉnh hoạt động của mình sao cho phù hợp với những chuẩn mực pháp luật, chuẩn mực đạo đức, hướng tới "chân, thiện, mĩ". Từ đó, giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn, điều này, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững, hài hoà trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể. Trong sự phát triển hiện nay, thị trường sẽ không thừa nhận những doanh nghiệp không tôn trọng lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

Ví dụ: Trong bài 9 – GDCD lớp 12, khi phân tích một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế, GV cần giúp HS nhận thức rõ về trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các hoạt động kinh doanh như: kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh và những ngành, nghề mà pháp

luật không cấm, có nghĩa vụ nộp thuế, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng...

Thứ tư, GDĐĐKD góp phần thúc đẩy nền KTTT phát triển theo định hướng XHCN

Giúp HS hiểu được việc xây dựng ĐĐKD là "liều thuốc" quan trọng nhằm tăng sức đề kháng của các chủ thể kinh doanh trước những cám dỗ của nền KTTT. Giáo dục ĐĐKD trong dạy học GDCD giúp HS hiểu được các giá trị, các chuẩn mực đạo đức kinh doanh cũng như các quy chuẩn pháp luật trong kinh doanh. Giúp các em hiểu được trách nhiệm của công dân trong nền KTTT hiện nay, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, tôn trọng các chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định chung của cộng đồng. Cùng với việc hoàn thiện cơ chế thị trường, xây dựng đạo đức mới trong kinh doanh là điều kiện cơ bản nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững, lành mạnh của nền kinh tế, khắc phục tình trạng phát triển chỉ vì lợi ích kinh tế mà lệch chuẩn về đạo đức. Một nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường được xây dựng và phát triển với những chuẩn mực của ĐĐKD sẽ là sự thống nhất cao giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội. Đây chính là yếu tố cơ bản thúc đẩy nền KTTT phát triển theo định hướng XHCN.

Ví dụ: Trong bài 14 – GDCD lớp 10, khi giảng về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam, GV nêu rõ cho HS hiểu một trong những biểu hiện của lòng yêu nước là sự cần cù, sáng tạo trong lao động để xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, khẳng định thương hiệu hàng hoá và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. HS cần dũng cảm phê phán, đấu tranh với những hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

2.1.2.2. Tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD là phù hợp với xu hướng của dạy học hiện đại

Tích hợp là một trong những quan điểm giáo dục đã trở thành xu thế trong xây dựng chương trình môn học ở nhiều nước trên thế giới. Thực hiện dạy học tích hợp giúp tránh những kiến thức, kĩ năng, nội dung trùng lặp khi nghiên cứu riêng rẽ từng môn học, nhưng lại có những nội dung, kĩ năng mà nếu theo môn học riêng rẽ sẽ không có được. Do đó, vừa tiết kiệm thời gian, vừa có thể phát triển kĩ năng/năng lực

chuyên môn cho học sinh thông qua giải quyết các vấn đề phức hợp. Dạy học tích hợp có tác dụng đối với quá trình học tập không bị cô lập với cuộc sống hàng ngày, các kiến thức gắn liền với kinh nghiệm sống của HS và được liên hệ với tình huống cụ thể, có ý nghĩa thiết thực đối với các em để trở thành người lao động tốt, công dân tốt. Dạy học tích hợp là một trong những quan điểm giáo dục nhằm nâng cao năng lực của người học, giúp người học có đầy đủ phẩm chất và năng lực để giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện đại. Có 3 hình thức tích hợp chủ yếu sau:

- *Tích hợp toàn phần:* ở hình thức này một phần nội dung của các môn học khác nhau được kết hợp thành nội dung, chương trình của một môn học. Ở đây nội dung giáo dục có thể là một chủ đề hay một số bài học trọn vẹn.

- *Hình thức lồng ghép*: ở hình thức này một số kiến thức của môn học cũng chính là kiến thức giáo dục được đưa vào chương trình và sách giáo khoa theo các mức độ khác nhau, có thể chiếm một mục, một đoạn hay một vài câu trong bài học.

- *Hình thức liên hệ*: ở hình thức này các kiến thức về nội dung tích hợp không được nêu rõ trong sách giáo khoa, giáo trình môn học, nhưng dựa vào nội dung bài học và đơn vị kiến thức GV có thể bổ sung bằng cách liên hệ các kiến thức muốn tích hợp vào bài giảng sao cho phù hợp. Trong quá trình soạn giáo án và dạy học trên lớp, GV cần có ý thức tích hợp, chuẩn bị những vấn đề gợi mở, liên hệ nội dung bài học với thực tế nhằm giáo dục người học hiểu, khắc sâu hơn về kiến thức đã có. Tích hợp cần thực hiện một cách tự nhiên, hài hoà, bám sát mục tiêu môn học và nội dung bài học.

Như vậy, việc đưa nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh vào quá trình dạy học môn GDCD chính là hình thức tích hợp lồng ghép, liên hệ bởi trong chương trình GDCD hiện nay không có bài học về đạo đức kinh doanh.

Với hình thức tích hợp lồng ghép trong giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học môn GDCD, giáo viên có thể lựa chọn các tình huống vi phạm đạo đức kinh doanh hoặc kinh doanh có đạo đức qua các hình ảnh, video hay các câu chuyện dẫn dắt HS suy nghĩ, thảo luận, đánh giá về những hành vi của các chủ thể trong tình huống.

Với hình thức tích hợp liên hệ trong giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học môn GDCD, giáo viên có thể yêu cầu HS tìm các ví dụ về vi phạm đạo đức trong kinh doanh mà các em biết, hoặc đưa ra các tình huống nếu biết người thân trong gia đình hay những cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm các chuẩn mực đạo đức kinh doanh thì các em sẽ làm gì để ngăn chặn các hành vi kinh doanh thiếu đạo đức. Qua đó, giáo viên không chỉ giúp HS có nhận thức về đạo đức kinh doanh mà còn giúp các em có kĩ năng ứng xử và thái độ, hành vi đúng đắn trong thực tiễn cuộc sống.

Tích hợp đạo đức kinh doanh trong quá trình dạy học GDCD có nhiều ưu điểm, tuy nhiên việc thực hiện tích hợp phải tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định như: phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học; phải thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lý luận với thực tiễn; đảm bảo tính vừa sức và tính định hướng trong môn học; phát huy tính tích cực, chủ động và vốn kinh nghiệm thực tế của HS.

Để đạt được hiệu quả tối ưu khi tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT, GV cần thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu dạy học để thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh. Tích hợp GD ĐĐKD hướng tới mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ cho HS thông qua nội dung bài học, là phương thức hình thành và phát triển năng lực HS.

Bước 2: Lựa chọn chủ đề, tình huống tích hợp trong nội dung mỗi bài học. GV cần lựa chọn chủ đề, tình huống về đạo đức kinh doanh để tích hợp cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhận thức của HS.

Bước 3: Xác định phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học, phương tiện và thiết bị dạy học. GV cần có hiểu biết về cách xây dựng một bài học tích hợp, một chủ đề tích hợp; nắm được các nguyên tắc, phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, các mức độ tích hợp trong dạy học nhằm kích thích hứng thú cho HS, phù hợp và vừa sức với HS đồng thời phân hóa được HS.

Bước 4: Xác định các hình thức tổ chức hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD như: hướng dẫn HS tìm hiểu về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tìm hiểu về thị trường, hoạt động trải nghiệm, tham quan, dã ngoại.

Bước 5: Xác định biện pháp kiểm tra, đánh giá như: kết hợp đánh giá hoạt động của cá nhân với đánh giá hoạt động của nhóm; kết hợp đánh giá bằng chođiểm và nhận xét...

2.1.2.3 Nhân tố ảnh hưởng đến việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của việc GD ĐĐKD trong dạy học môn GDCD ở trường THPT, có thể chia thành hai nhóm là những nhân tố khách quan và những nhân tố chủ quan.

- *Nhóm nhân tố chủ quan*

Một là, về phía GV

GV bộ môn có vai trò quyết định chính trong việc nâng cao chất lượng dạy học môn GDCD nói chung và hiệu quả GD ĐĐKD nói riêng bởi GV bộ môn là chủ thể thực hiện quá trình giáo dục. Một số GV giảng dạy môn học này còn có tư tưởng coi đây là môn phụ nên chưa thực sự quan tâm đến việc trau dồi kiến thức, chưa đổi mới phương pháp dạy học hoặc chưa có sự đầu tư, nghiên cứu kĩ về các phương pháp dạy học mới, chưa nhiệt huyết với công tác giảng dạy, ít có thời gian tìm hiểu HS trên lớp. Điều này gây ra sự nhàm chán, chưa hứng thú cho cả HS và chính GV vì quá trình dạy học theo lối mòn.

Vì vậy, để GD ĐĐKD thành công, đòi hỏi các GV GDCD phải nhận thức được sự cần thiết của việc giáo dục DĐKD cho HS, chủ động thực hiện nội dung giáo dục này trong quá trình dạy học thể hiện qua một số việc làm cụ thể như: lựa chọn nội dung để tích hợp GD ĐĐKD cho phù hợp với bài học; không ngừng bồi dưỡng, cập nhật thông tin để trang bị kiến thức cho bản thân giúp cho bài học sinh động, phong phú hơn. Bên cạnh đó, GV cần hiểu rõ bản chất, ưu và nhược điểm, quy trình... để rèn luyện kỹ năng thực hiện từng phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD. Có như vậy mới khiến HS hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, đồng thời phát triển các năng lực của HS.

Hai là, về phía HS

HS THPT còn được gọi là tuổi vị thành niên, thể hiện tính chất phức tạp nhiều mặt của các em về tâm lý và sinh lí. Chính vì vậy, các nhà tâm lý học cho

rằng: khi nghiên cứu tuổi thanh niên cần phải kết hợp quan điểm của tâm lý học xã hội với các quy luật bên trong của sự phát triển lứa tuổi. Ở lứa tuổi này các hứng thú và khuynh hướng học tập của HS đã trở nên xác định và được thể hiện rõ ràng hơn. Các em thường bắt đầu có hứng thú ổn định đặc trưng đối với một khoa học, một lĩnh vực tri thức hay một hoạt động nào đó, kích thích nguyện vọng muốn mở rộng và đào sâu các tri thức trong lĩnh vực tương ứng. HS THPT được sinh ra trong một môi trường xã hội có nhiều thuận lợi nhưng ở các em cũng có những ưu, nhược điểm mà trong công tác giáo dục cần lưu ý:

- Một số HS tình cảm cách mạng và ý chí phấn đấu còn yếu, trình độ giác ngộ về xã hội còn thấp, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chính là học tập, chưa trải qua thực tiễn lao động sản xuất, chiến đấu nên còn thiếu vốn sống, sự trải nghiệm cuộc đời như: bồng bột, chủ quan, dễ hoang mang, dao động khi gặp khó khăn, tiếp thu thông tin ít chọn lọc, hướng tới các giá trị mới hiện đại nhưng chóng quên quá khứ, truyền thống...

-Trong điều kiện KTTT hiện nay, có nhiều cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, cùng với sự đa dạng các hình thức cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh đang tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các em. Hơn nữa, sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, một số HS học tiếp cao đẳng, đại học, một số sẽ tham gia trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh. Với đối tượng này, việc giáo dục đạo đức kinh doanh là đặc biệt cần thiết.

Rõ ràng, HS lứa tuổi này rất cần có sự định hướng đúng đắn từ môi trường giáo dục của gia đình và nhà trường vì đây là thời kì đặc biệt quan trọng đối với một đời người, là thời kì lứa tuổi phát triển một cách hài hòa, cân đối, thời kì có sự biến đổi lớn về chất trong toàn bộ nhân cách để các em bước vào cuộc sống tự lập. Điều này đòi hỏi GV phải nhận thức đầy đủ đặc điểm lứa tuổi này để có nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thích hợp để có hiệu quả tối ưu trong hoạt động sư phạm.

**Nhóm nhân tố khách quan*

Một là, nội dung tích hợp GD ĐĐKD trong môn học GDCD

GD ĐĐKD bao gồm nhiều nội dung như giáo dục đức tính trung thực,

khiêm tốn, dũng cảm, nhân ái trong kinh doanh, ý thức bảo vệ môi trường, tôn trọng khách hàng và người lao động, ý thức chấp hành pháp luật...

Nếu GV bộ môn không lựa chọn nội dung phù hợp để tích hợp sẽ dẫn đến sự lan man, rườm rà, khó làm nổi bật những vấn đề trọng tâm trong bài học. GV biết khéo léo lồng ghép kiến thức về GD ĐĐKD một cách khoa học để luận giải và vận dụng vào thực tế sẽ khiến bài học vừa đảm bảo tính khoa học vừa nhẹ nhàng, tự nhiên để HS cảm thấy không bị gượng ép, có hứng thú tìm hiểu và xây dựng bài học tốt hơn.

Hai là, không gian lớp học

Bên cạnh những yếu tố kể trên, việc GD ĐĐKD trong dạy học GDCD sẽ thuận lợi nếu có một không gian lớp học yên tĩnh và rộng rãi để GV có điều kiện thuận lợi vận dụng các PPDH, kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy.

Chẳng hạn, khi vận dụng PP thảo luận nhóm, rất cần những phòng học rộng để GV có thể linh hoạt sắp xếp bàn ghế, phân công chỗ ngồi của các nhóm giúp các em tương tác với nhau và dễ di chuyển. Nhưng khi thảo luận cũng sẽ gây ồn ào, ảnh hưởng đến các lớp học bên cạnh. Nếu không gian lớp học không đảm bảo các điều kiện như phòng học nhỏ trong khi sĩ số HS trong lớp quá đông sẽ khiến GV ngại sử dụng phương pháp thảo luận.

Ba là, cơ sở vật chất và các phương tiện dạy học hiện đại cũng góp phần nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD

Để GD ĐĐKD phát huy hiệu quả, khi sử dụng các PPDH và KTDH cần phải được trang bị đầy đủ các các điều kiện vật chất như: hệ thống ánh sáng, âm thanh (loa, mic), máy tính, máy chiếu, các tài liệu môn học.....

Chẳng hạn, khi sử dụng phương pháp nêu gương trong GD ĐĐKD nếu có đủ các phương tiện dạy học hiện đại, GV sẽ trình chiếu về những tấm gương kinh doanh có đạo đức đã được thông tin trên truyền hình, hoặc GV có thể trình chiếu những phóng sự ngắn về các hiện tượng buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả... để dẫn dắt HS vào vấn đề có hiệu quả và giúp các em hứng thú, chú ý hơn trong học tập. Điều đó giúp HS có một môi trường tương tác thuận lợi trong hoạt động giáo dục.

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay

2.2.1. Thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay

Để đánh giá thực trạng GDĐĐKD trong dạy học môn GDCD ở trường THPT, tác giả đã khảo sát nội dung môn học trong CT, SGK GDCD THPT hiện hành; các hướng dẫn, chỉ đạo DH môn GDCD ở trường THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian vừa qua; trưng cầu ý kiến của 52 GV giảng dạy môn GDCD ở một số trường THPT trên địa bàn các tỉnh Sơn La, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Phước và 568 HS lớp 10, 11, 12 của một số trường THPT trên địa bàn các tỉnh trên. Thời gian tiến hành khảo sát: từ năm 2015 đến năm 2017. Ngoài ra, tác giả còn tranh thủ tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia thông qua các buổi phỏng vấn, trao đổi về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến đề tài. Dưới đây là kết quả khảo sát được phân tích dưới một số khía cạnh sau:

2.2.1.1. Nhận thức của GV bộ môn về sự cần thiết và mức độ thực hiện

Khi tiến hành khảo sát với câu hỏi: ý kiến của thầy (cô) về sự cần thiết của việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học môn GDCD ở trường THPT, đa số GV nhận định là rất quan trọng và cần thiết, thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.1: Ý kiến GV về sự cần thiết của việc giáo dục ĐĐKD trong dạy học GDCD ở THPT

Mức độ	Số lượng	%
Rất cần thiết	33	63,46
Cần thiết	15	28,85
Có cũng được, không có cũng được	2	3,85
Không cần thiết	1	1,92
Không ý kiến	1	1,92
Tổng	52	100

Nhìn vào bảng 2.1 cho thấy có 63,46 % GV đều cho rằng việc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT là rất cần thiết, 28,85 % GV nhận định là cần thiết. Chỉ có 3,85 % GV cho rằng là có cũng được, không có cũng được, 1.92 % GV cho rằng không cần thiết. Qua đó cho thấy tất cả GV đã nhận thức

được sự cần thiết phải thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD. Việc đưa nội dung này càng có ý nghĩa đối với các em học sinh ở THPT vì các em sẽ là những đối tượng sẽ sớm tham gia vào các hoạt động hay quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra tại địa phương và xã hội.

Bảng 2.2. Mức độ tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh của GV trong dạy học môn GDCD ở THPT

STT	Mức độ tích hợp	Số lượng	%
1	Thường xuyên	6	11,54
2	Thỉnh thoảng	28	53,85
3	Hiếm khi	17	32,69
4	Chưa bao giờ	1	1,92

Nhìn vào mức độ tích hợp nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh của GV trong dạy học môn GDCD cho thấy trong quá trình dạy học để chuyển tải và bổ sung những kiến thức về kinh tế cũng như giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS, chỉ có 11,54 % giáo viên thực hiện nội dung này ở mức độ thường xuyên, 53,85% GV thực hiện ở mức độ thỉnh thoảng và có 32,69% GV cho rằng hiếm khi thực hiện nội dung này, 1,92 % GV chưa bao giờ thực hiện. Do đây là vấn đề không thể hiện trực tiếp trong nội dung bài học ở nội dung chương trình, sách giáo khoa môn học nên việc thực hiện phụ thuộc vào sự tích cực và chủ động của GV bộ môn.

Bảng 2.3. Mức độ thực hiện giáo dục DĐKD trong DH các nội dung của môn GDCD ở THPT

STT	Nội dung	Số lượng	%
1	Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học	02	3,85
2	Công dân với đạo đức	37	71,15
3	Công dân với kinh tế	50	96,15
4	Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội	16	30,77
5	Công dân với pháp luật	46	88,46

Qua bảng điều tra cho thấy đa số các GV đã thực hiện việc giáo dục đạo đức kinh doanh khi dạy học phần công dân với đạo đức là 71,15%, phần công dân với kinh tế 96,15% và phần công dân với pháp luật 88,46%.

2.2.1.2 Nhận thức của HS về sự cần thiết và chuẩn mực ĐĐKD

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của 568 HS lớp 10, 11 và 12 của các trường THPT Xuân Đỉnh, Hà Nội; Trường THPT Minh Khai, Hà Nội; Trường THPT Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Trường THPT chuyên Sơn La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng; Trường THPT Lý Thường Kiệt, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Trường THPT Nguyễn Chí Thanh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Trường THPT chuyên Bình Long, tỉnh Bình Phước; Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa, thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung sau:

Bảng 2.4. Nhận thức của HS về sự cần thiết giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD

STT	Mức độ nhận thức	Số HS	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	127	22,36
2	Cần thiết	405	71,30
3	Ít cần thiết	24	4,23
4	Không cần thiết	12	2,11

Từ thực tiễn nhận thức của học sinh về mức độ cần thiết của việc lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn học GDCD, đa số học sinh đồng ý rằng việc lồng ghép nội dung này là cần thiết (71,30 %). Có tới 22,36% cho rằng nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh là rất cần thiết. Còn lại 4,23% HS cho rằng đây là nội dung ít cần thiết và không cần thiết (2,11%).

Bảng 2.5. Nhận thức của HS về các chuẩn mực đạo đức kinh doanh

STT	Chuẩn mực đạo đức kinh doanh	Số lượng	%
1	Tuân thủ luật pháp của Nhà nước	420	73,94
2	Khiêm tốn, dũng cảm, nhân ái	369	64,96
3	Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội	375	66,02
4	Trung thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh	422	74,29
5	Tôn trọng con người	316	55,63
6	Tôn trọng bí mật thương mại	318	55,98

Như vậy, phần lớn HS nhận thức được các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh và đánh giá cao nhất chuẩn mực trung thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh (74,29%); Hành vi tuân thủ luật pháp của Nhà nước (73,94%); Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội là 66,02% và khiêm tốn, dũng cảm, nhân ái là 64,96%. Tuy nhiên, chuẩn mực tôn trọng con người và tôn trọng bí mật thương mại cũng đã được các em biết đến nhưng tỷ lệ chưa cao.

Bảng 2.6. Mức độ hứng thú của HS khi tiếp thu nội dung GD DĐKD

STT	Mức độ hứng thú	Số HS	Tỷ lệ %
1	Rất hứng thú	129	22.71
2	Hứng thú	407	71,65
3	Ít hứng thú	21	3,70
4	Không hứng thú	11	1,93

Qua khảo sát thái độ học tập của HS khi GV thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD, hầu hết HS đều có thái độ hứng thú với nội dung này (71,65%). Số HS cảm thấy rất hứng thú chiếm 22.71%, còn lại 3,70% là ít hứng thú và 1,93% cảm thấy không hứng thú với nội dung này. Từ đó cho thấy, việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD là cần thiết và phù hợp, tác động tích cực và có ý nghĩa thiết thực đối với người học.

2.2.1.3. Về hình thức và phương pháp giáo dục

- *Về hình thức tổ chức dạy học*

Để HS dễ hiểu và tiếp thu các nội dung môn GDCD nói chung và giáo dục đạo đức kinh doanh nói riêng được tốt hơn thì việc sử dụng các hình thức và PP truyền tải đóng vai trò quan trọng. Để có đánh giá xác thực chúng tôi thực hiện khảo sát hình thức tổ chức dạy học bộ môn. Kết quả khảo sát thu được qua bảng 2.7 cho thấy:

Bảng 2.7: Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục ĐĐKD trong dạy học môn GDCD (Khảo sát GV)

TT	Hình thức tổ chức dạy học	Mức độ sử dụng (%)			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa sử dụng
1	Học trên lớp	100	0	0	0
2	Tự học	11,53	32,69	42,31	13,46
3	Thảo luận	15,38	34,62	46,15	3,85
4	Luyện tập, thực hành	17,31	40,38	36,53	5,76
5	Kiểm tra	80,77	19,23	0	0
6	Tham quan thực tế (hoạt động trải nghiệm)	3,85	9,62	51,92	34,61
7	Khác	11,53	26,92	38,46	23,08

Hình thức dạy học được GV thường xuyên thực hiện là học trên lớp (100%) và kiểm tra (80,77%). Các hình thức còn lại chưa được quan tâm nhiều là tự học (11,53% thường xuyên, 32,69% thỉnh thoảng sử dụng); thảo luận (có 15,38% thường xuyên, 34,62% thỉnh thoảng sử dụng) và luyện tập, thực hành (17,31% thường xuyên, 40,38% thỉnh thoảng sử dụng); tham quan thực tế (hoạt động trải nghiệm) có nhưng còn ít thực hiện (3,85% thường xuyên, 9,62% thỉnh thoảng sử dụng). Điều này cho thấy, GV vẫn chủ yếu tổ chức dạy học theo cách truyền thống và chưa có nhiều đổi mới tổ chức dạy học để phát huy tính tích cực học tập của HS.

- *Nhận thức của GV về mức độ sử dụng các phương pháp, KTDH* trong thực tiễn dạy học .

Kết quả khảo sát của việc sử dụng các PPDH khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD thu được thể hiện trong bảng 2.8.

Việc sử dụng PPTT (59,62% thường xuyên, 32,69% thỉnh thoảng, 7,69% rất ít khi sử dụng), phương pháp GV ít sử dụng như PP TLN (có 25% thường xuyên, 38,46% thỉnh thoảng, 36,54% rất ít khi), PPDA (có 9,62% thường xuyên, 30,76%

thỉnh thoảng, 50% rất ít khi, 9,62% không sử dụng), PP nêu vấn đề (có 23.08% thường xuyên, 44,23% thỉnh thoảng, 32,69% rất ít sử dụng); PPTQ có (32,69% thường xuyên, 40,38% thỉnh thoảng và 26,92% ít được sử dụng; giải quyết tình huống (có 28,85% thường xuyên, 30,76% thỉnh thoảng, 38,46% ít được sử dụng và 1,92% chưa sử dụng); PP đóng vai (có 11,53% thường xuyên, 23,08% thỉnh thoảng, 32,69% rất ít khi và 32,69% chưa sử dụng); PP nêu gương có 19,23% thường xuyên, 28,85% thỉnh thoảng, 51,92% rất ít khi và PP nghiên cứu trường hợp điển hình có 21,51% thường xuyên, 32,69% thỉnh thoảng, 42,30% rất ít khi, 3,85% chưa sử dụng

Bảng 2.8: Mức độ vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học khi GD ĐĐKD trong dạy học GDCD (Khảo sát GV)

TT	PPDH/KTDH	Mức độ vận dụng (%)			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa sử dụng
1	PP Thuyết trình	59,62	32,69	7,69	0
2	PP Thảo luận nhóm	25,00	38,46	36,54	0
3	PP dự án	9,62	30,76	53,84	9,62
4	PP nêu vấn đề	23,08	44,23	32,69	0
5	PP trực quan	32,69	40,38	26,92	0
6	PPDH tình huống	28,85	30,76	38,46	1,92
7	Dạy học trải nghiệm	3,85	9.62	51,92	34,61
8	PP đóng vai	11,53	23,08	32,69	32,69
9	PP nêu gương	19,23	28,85	51,92	0
10	PP nghiên cứu trường hợp điển hình	21,15	32,69	42,30	3,85
11	Sơ đồ tư duy	13,46	15.38	21,15	50,00
12	Các PP, KTDH khác	7,69	21,15	30,77	40,38

Về *các KTDH* được GV đánh giá như sau: Sơ đồ tư duy (có 13,46% thường xuyên, 15.38% thỉnh thoảng, 21,15% rất ít khi và 50% chưa sử dụng); Các PPDH/KTDH khác có 7,69% thường xuyên, 21,15% thỉnh thoảng, 30,77% rất ít khi, 40,38% chưa sử dụng.

Qua khảo sát phương pháp/KTDH được GV sử dụng khá đa dạng khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD, tuy nhiên phương pháp truyền thống vẫn được đa số GV ưu tiên sử dụng, vì vậy việc đổi mới PPDH theo hướng đề cao NL thảo luận và luyện tập, thực hành sát với thực tiễn trong dạy học bộ môn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập. Bên cạnh đó trong quá trình tiếp xúc, trao đổi với GV dạy GDCD cho rằng sử dụng các phương pháp/KTDH chuẩn bị mất nhiều thời gian, công sức.

- *Đánh giá của HS về mức độ GV sử dụng phương pháp, KTDH khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD* thu được kết quả như sau:

Bảng 2.9: Mức độ sử dụng phương pháp, KTDH khi GD ĐĐKD trong dạy học GDCD (Khảo sát HS)

TT	PPDH/KTDH	Mức độ sử dụng (%)			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa sử dụng
1	PP Thuyết trình	60,74	31,69	7,57	0
2	PP Thảo luận nhóm	21.13	36,79	41,72	0,35
3	PP dự án	9,85	31,34	50,18	8,63
4	PP nêu vấn đề	23,77	45, 25	30,98	0
5	PP trực quan	31,51	41,55	26,94	0
6	PPDH tình huống	27,99	30,81	37,85	3,35
7	Dạy học trải nghiệm	3,70	9.15	50,53	36,62
8	PP đóng vai	10,74	22,71	31,87	34,68
9	PP nêu gương	19,89	29,23	50,88	0
10	PP nghiên cứu trường hợp điển hình	20,95	31,16	41,73	6,16
11	Sơ đồ tư duy	13,03	15.67	22,01	49,29
12	Các PP, KTDH khác	8,63	21,83	29,75	39,79

Đánh giá của HS về việc GV sử dụng PPDH trong đó PP thuyết trình được thường xuyên sử dụng, tuy nhiên việc đổi mới PP thuyết trình theo hướng tích cực hóa nhận thức người học chưa thường xuyên (có 60,74% thường xuyên, 31,69% thỉnh thoảng), ở mức thường xuyên sử dụng: PPTLN có 21,13%, PP nêu vấn đề có 23,77%, PPTQ có 31,51%, PPDH tình huống 27,99%, dạy học trải nghiệm 3,70%, PP đóng vai có 10,74%, PP nêu gương 19,89%, PP nghiên cứu trường hợp điển hình 20,95%, sơ đồ tư duy 13,03% và các PP,KTDH khác là 8,63%. Với kết quả thu được cho thấy, GV ít sử dụng các PPDH tích cực nên chưa phát huy khả năng học tập của HS, chưa tạo hứng thú trong bài giảng.

Trong các PP, KTDH nêu trên, HS đánh giá GV ở mức độ hiếm khi sử dụng chiếm tỷ lệ cao, cụ thể: PPTLN có 41,72%, PPDA 50,18%, PP nêu vấn đề 30,98%, PPTQ là 26,94%, PP dạy học tình huống 37,85%, dạy học trải nghiệm 50,35%, PP đóng vai 31,87%, PP nêu gương 50,88%, PP nghiên cứu trường hợp điển hình là 41,73%, sơ đồ tư duy là 22,01%. Ở mức chưa sử dụng: PP thảo luận nhóm là 0,35%, PPDA là 8,63%, dạy học tình huống là 3,35%, dạy học trải nghiệm 36,62%, PP đóng vai là 34,68%, PP nghiên cứu trường hợp điển hình là 6,16%, sơ đồ tư duy 49,29% . Thực trạng trên phản ánh việc dạy học bộ môn còn chưa tương xứng với yêu cầu đổi mới PPDH môn GDCD, góp phần thay đổi tư duy, nâng cao nhận thức, thiếu vắng tính thực tiễn, bài giảng GDCD chưa sinh động và chưa thực sự tạo hứng thú cho HS. Thực tế cho thấy, PP dạy tác động rất lớn đến việc học của HS, một PP dạy tốt khi tạo được không khí học tập sôi nổi, truyền hứng thú, động lực để HS thể hiện được thế mạnh, khả năng của mình.

- *Về phương tiện và tư liệu được sử dụng:* Kết quả khảo sát của việc sử dụng các phương tiện và tư liệu khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD thu được thể hiện trong bảng 2.10.

Bảng 2.10. Mức độ sử dụng phương tiện và tư liệu dạy học khi GD ĐĐKD trong dạy học môn GDCD (Khảo sát GV)

TT	Phương tiện và tư liệu được sử dụng để dạy học	Mức độ sử dụng			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa sử dụng
1	Sách giáo khoa	36 69,23%	11 21,15%	5 9,62%	00 00,00%
2	Sách tham khảo dùng cho môn GDCD ở THPT	24 46,15%	6 11,53%	3 5,77%	19 36,54%
3	Truyện kể	25 48,08%	15 32,69%	10 19,23%	00 0,00%
4	Thông tin, sự kiện được khai thác từ sách, báo, đài, internet,...	22 42,30%	12 23,08%	11 21,15%	7 13,46%
5	Hình vẽ trên bảng	8 15,38%	16 30,77%	22 42,31%	6 11,54%
6	Phiếu học tập	21 40,38%	13 25%	10 19,23%	8 15,38%
7	Bảng số liệu	00 0,00%	9 17,31%	31 59,61%	12 23,08%
8	Sơ đồ	4 7,69%	7 13,46%	25 48,08%	16 30,77%
9	Tranh, ảnh	14 26,92%	17 32,69%	15 28,85%	6 11,54%
10	Phim, video,...	5 9,62%	8 15,38%	18 34,62%	21 40,38%
11	Giáo án điện tử	9 17,31%	15 28,85%	23 44,23%	5 9,62%
12	Giáo án thường	44 84,61%	8 15,38%	00 0,00%	00 0,00%
13	Các loại phương tiện, tư liệu khác	10 19,23%	12 23,08%	14 26,92%	16 30,77%

Để nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở THPT, kết quả khảo sát cho thấy các phương tiện, tư liệu được GV sử dụng nhiều nhất là giáo án thường (84,61% thường xuyên, 15,38% thỉnh thoảng sử dụng), SGK (69,23% thường xuyên và 21,15% thỉnh thoảng sử dụng), truyện kể (48,08% thường xuyên và 32,69% thỉnh thoảng sử dụng), sách tham khảo (46,15% thường xuyên và 11,53% thỉnh thoảng sử dụng), thông tin, sự kiện được khai thác từ sách, báo, đài, internet,...(42,30% thường xuyên và 23,08% thỉnh thoảng sử dụng), phiếu học tập (40,38% thường xuyên và 25% thỉnh thoảng sử dụng), tranh, ảnh (26,92% thường xuyên và 32,69% thỉnh thoảng sử dụng). Các phương tiện, tư liệu ít được GV lựa chọn sử dụng như bảng số liệu (0,00% thường xuyên và 17,31% thỉnh thoảng sử dụng), sơ đồ (7,69% thường xuyên và 13,46% thỉnh thoảng sử dụng), phim, video, clip,... (9,62% thường xuyên và 15,38% thỉnh thoảng sử dụng). Bên cạnh đó, có 19,23% GV thường xuyên và 23,08% thỉnh thoảng sử dụng các phương tiện, tư liệu DH khác. Qua khảo sát cho thấy đánh giá của HS cũng gần với đánh giá của GV. Theo đánh giá của HS thì những phương tiện, tư liệu được GV sử dụng thường xuyên là giáo án thường (87,85% (499 HS), SGK GDCD (71,30% (405HS), truyện kể (43,66% - 248 HS), phiếu học tập (41,20% -234HS),... Qua khảo sát cả GV và HS cho thấy, các phương tiện, tư liệu được GV sử dụng để GD ĐĐKD trong môn GDCD ở THPT khá phong phú, đa dạng. Một bộ phận GV đã tích cực tìm tòi, sưu tầm, thiết kế các phương tiện, tư liệu để sử dụng trong QTDH. Tuy nhiên, các phương tiện như tranh, ảnh, phim, video, clip,...chưa được nhiều GV sử dụng thường xuyên. Qua những tiết dự giờ chúng tôi nhận thấy, nhiều GV bộ môn chưa biết cách sử dụng cũng như khai thác hết những công dụng của SGK như là một trong những học liệu quan trọng; tranh, ảnh, phim, sơ đồ,...được sử dụng chủ yếu để minh họa cho nội dung thuyết trình của GV. Phần mềm MS.PowerPoint được khai thác, sử dụng chủ yếu để trình chiếu nội dung thay cho viết bảng, nhiều GV chưa khai thác được những tiện ích do khả năng tích hợp đa phương tiện của phần mềm DH này trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS;.. Do vậy, để phát huy hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS cần nâng cao chất lượng và *đổi mới PP dạy học* ; sử dụng những *mẩu chuyện về tấm*

gương tiêu biểu, điển hình về làm kinh tế giỏi và có đạo đức kinh doanh để kích thích tính tích cực, tự giác của HS, làm cho quá trình dạy học đạt hiệu quả cao.

Cùng với cách thức đổi mới PP thì việc *ứng dụng CNTT vào dạy học môn GDCD* để giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS cũng rất quan trọng khi sử dụng các phương tiện kỹ thuật như: loa, micro, video… sẽ làm tăng hiệu quả truyền đạt tư liệu tĩnh, đỡ mất thời gian thực hiện thao tác viết bảng, thời gian diễn giảng của GV. GV có thể thiết kế giáo án điện tử, sử dụng một số hình ảnh hoặc sơ đồ minh hoạ, những đoạn video clip liên quan đến những tấm gương làm giàu từ hai bàn tay trắng hoặc những doanh nhân thành công trên thế giới... Bên cạnh đó, GV cũng đưa ra những hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, những doanh nghiệp làm ăn phi pháp phải gánh chịu trách nhiệm pháp lí làm cho hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh được nâng cao, tạo sự sinh động, hấp dẫn, thu hút được hứng thú của HS.

2.2.1.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong giáo dục đạo đức kinh doanh ở trường THPT

Về nội dung kiểm tra, đánh giá: Kết quả khảo sát mức độ lựa chọn các nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS được thể hiện trong bảng 2.11 như sau:

Bảng 2.11: Mức độ thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS (Khảo sát GV)

TT	**Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ thực hiện**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Kiến thức	39 75%	12 23,08%	01 1,92%	00 0,00%
2	Kỹ năng	11 21,15%	19 36,53%	13 25%	9 17,31%
3	Thái độ, tình cảm	02 3,85%	14 26,92%	18 34,61%	18 34,61%
4	Khả năng vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn	5 9,62%	13 25%	19 36,53%	15 28,85%
5	Nội dung khác	7 13,46%	16 30,76%	17 32,69%	12 23,08%

Kết quả khảo sát GV cho thấy việc kiểm tra, đánh giá KQHT của HS trong GD ĐĐKD ở THPT của GV hiện nay là 75% GV cho biết vẫn thường xuyên chú trọng đánh giá kiến thức. Chỉ có 21,15% GV thường xuyên kiểm tra, đánh giá kĩ năng của HS. Khảo sát HS cũng cho những đánh giá tương tự. 81,51% (463 HS) cho rằng GV thường xuyên căn cứ vào kiến thức để đánh giá HS, chỉ có 8.63% (49 HS) cho rằng GV bộ môn thường xuyên đánh giá căn cứ vào kĩ năng. Có 45,25% (257 HS) cho rằng GV chưa thực hiện đánh giá thái độ, tình cảm của HS, 30.81% (175 HS) cho rằng GV chưa từng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn của HS,...

Như vậy, kết quả khảo sát cả GV và HS cho thấy việc kiểm tra, đánh giá trong GDĐ ĐKD mới chỉ được một số ít GV lựa chọn sử dụng và chưa được thực hiện một cách thường xuyên. 9,62% GV cho biết thường xuyên và 25% thỉnh thoảng kiểm tra, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn. Việc đánh giá thái độ của HS cũng chưa được GV chú trọng đúng mức, mới chỉ có 3,85% GV thường xuyên và 26,92% GV thỉnh thoảng kiểm tra, đánh giá thái độ, tình cảm của HS.

Về loại bài kiểm tra, đánh giá:

Bảng 2.12: Mức độ sử dụng các loại bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS (Khảo sát GV)

TT	**Hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Đánh giá bằng bài kiểm tra trước khi bắt đầu dạy các bài học	01 1,92%	03 5,77%	40 76,92%	8 15,38%
2	Đánh giá qua kiểm tra miệng đầu giờ và kiểm tra 15 phút.	48 92,31%	04 7.69%	00 0,00%	00 0,00%
3	Đánh giá qua kiểm tra 1 tiết giữa học kỳ và kiểm tra cuối học kỳ.	52 100%	00 0,00%	00 0,00%	00 0,00%
4	Đánh giá qua khả năng HS tham gia giải quyết nhiệm vụ, bài tập, tình huống trong giờ học	08 15,38%	18 34,62%	21 40,38%	05 9,62%

Việc đánh giá KQHT nội dung bài học trong môn GDCD ở THPT hiện nay vẫn chủ yếu được thực hiện thông qua các bài kiểm tra thường xuyên (kiểm tra miệng đầu giờ, kiểm tra 15 phút): 92,31% GV thường xuyên thực hiện, và các bài kiểm tra định kỳ (kiểm tra giữa học kỳ và kiểm tra cuối học kỳ): 100% GV thường xuyên thực hiện. Việc kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực vẫn chưa thực sự được chú trọng, chỉ có 1,92% GV thường xuyên đánh giá năng lực đầu vào của HS trước khi bắt đầu dạy học, 15,38% GV thường xuyên và 34,62% GV thỉnh thoảng đánh giá HS qua việc các em tham gia giải quyết nhiệm vụ, bài tập, tình huống trong giờ học.

Về hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Bảng 2.13: Mức độ sử dụng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS (Khảo sát GV)

TT	**Phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Vấn đáp	45 86,53%	06 11,53%	01 1,92%	00 0,00%
2	Viết	49 94,23%	03 5,77%	00 0,00%	00 0,00%
3	Trắc nghiệm tự luận	43 82,69%	07 13,46%	02 3,85%	00 0,00%
4	Trắc nghiệm khách quan	12 23,08%	14 26,92%	17 32,69%	09 17,31%
5	Kết hợp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan	11 21,15%	15 28,85%	14 26,92%	12 23,08%
6	Đánh giá bằng điểm số	48 92,31%	04 7,69%	01 1,92%	00 0,00%
7	Đánh giá bằng nhận xét	6 11,54%	12 23,07%	16 30,76%	18 34,62%

8	Kết hợp giữa cho điểm và nhận xét	10 19,23%	22 42,30%	12 23,08%	08 15,38%
9	Tự đánh giá	01 1,92%	13 25%	20 38,46%	18 34,62%
10	Đánh giá đồng đẳng (HS đánh giá lẫn nhau)	02 3,85%	10 19,23%	21 40,38%	19 36,54%
11	Đánh giá của phụ huynh	00 0,00%	00 0,00%	01 1,92%	51 98,08%
12	Đánh giá thông qua các hoạt động khác	06 11,53%	08 15,38%	18 34,62%	20 38,46%

Nhìn chung, GV bộ môn đã sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá trong quá trình GDĐĐKD ở THPT, trong đó kiểm tra viết được 94,23% GV thường xuyên sử dụng, kiểm tra vấn đáp được 86,53% GV thường xuyên sử dụng. Đa số GV lựa chọn sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm tự luận để kiểm tra (82,69% thường xuyên sử dụng). Chỉ có 23,08% GV cho biết thường xuyên sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và 21,15% thường xuyên sử dụng kết hợp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan. Kết quả khảo sát cũng cho thấy 92,31% GV thường xuyên đánh giá HS bằng điểm số, 11,54% GV thường xuyên đưa ra nhận xét khi đánh giá HS và 19,23% thường xuyên kết hợp giữa cho điểm và nhận xét khi đánh giá HS. Đa số GV chưa khuyến khích HS tự đánh giá (1,92% GV thường xuyên và 25% thỉnh thoảng sử dụng) và đánh giá lẫn nhau (3,85% GV thường xuyên và 19,23% thỉnh thoảng sử dụng). 98,08% GV chưa từng tham khảo đánh giá của phụ huynh và 11,53% thường xuyên đánh giá thông qua các hoạt động khác. Khảo sát HS cho thấy những kết quả đánh giá tương tự. Theo đánh giá của HS, kiểm tra viết được 87,85% - 499HS cho rằng GV thường xuyên sử dụng, kiểm tra vấn đáp là 54,75% (311HS), trắc nghiệm tự luận là 84,68% (481 HS), trắc nghiệm khách quan là 16.75% (95 HS), kết hợp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan 21,30% (121 HS), đánh giá bằng điểm số 86,09% (489 HS), kết hợp giữa cho điểm số và nhận xét 17,78% (101 HS), cho HS tự đánh giá 4,05% (23HS) và cho HS đánh giá lẫn nhau là 4,92% (28 HS).

Tóm lại, kết quả khảo sát cả GV và HS về thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong GDĐĐKD ở THPT cho thấy đội ngũ GV GDCD đã có nhiều nỗ lực đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học và phương thức kiểm tra, đánh giá trong GDĐĐKD ở THPT. Tuy nhiên, đa số GV bộ môn vẫn chủ yếu kiểm tra, đánh giá HS trên cơ sở bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng, chưa chú trọng kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả, nhận thức, thái độ cũng như phương pháp học tập các nội dung trong môn GDCD ở THPT của HS.

2.2.2. Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông hiện nay

2.2.2.1. Đánh giá kết quả điều tra thực trạng

Qua kết quả điều tra thực trạng GDĐĐKD trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay cho thấy một số kết quả đạt được và hạn chế sau đây:

Những kết quả đạt được: Đa số GV và HS đều nhận thức đúng đắn về vai trò, sự cần thiết của nội dung tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở THPT đối với quá trình rèn luyện, phát triển nhân cách, đạo đức, lối sống của HS. Phần lớn GV đã chủ động, tích cực tiếp cận các nguồn tài liệu, cập nhật các thông tin liên quan đến nghiệp vụ sư phạm và liên quan đến nội dung bài học. Đa số GV đã thực hiện đầy đủ các bước trong QTDH; tích cực đổi mới hình thức, PP /KTDH; tích cực tìm tòi, sưu tầm, thiết kế các PTDH; đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá KQHT của HS;... Qua đó, giúp cho HS đạt được một số kết quả tích cực, được thể hiện qua nhận thức và hành động của các em. Việc chuyển hướng từ truyền thụ kiến thức sang rèn luyện kỹ năng bước đầu được coi trọng. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời đối với việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; cách thức kiểm tra, đánh giá kết qủa học tập của HS.

Những hạn chế, tồn tại: Bên cạnh những thành tựu đạt được, kết quả điều tra thực trạng cũng cho thấy nhiều hạn chế còn tồn tại trong GDĐĐKD ở THPT như: kiến thức lồng ghép trong môn GDCD mới chỉ thuần túy là sự kết hợp mà chưa phải là sự tích hợp kiến thức của các môn khoa học, nhiều GV giảng dạy còn nặng về lý

thuyết, chưa giúp HS có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đa số GV chưa xác định được nội dung và địa chỉ tích hợp GDĐĐKD cũng như các năng lực đặc thù cần hình thành, phát triển cho HS trong DH môn GDCD ở THPT, điều này dẫn đến những lúng túng trong quá trình lựa chọn hình thức, PP/KTDH và kiểm tra, đánh giá KQHTcủa HS;.... để nâng cao hiệu quả GDĐĐKD cho HS THPT. Nhiều HS chưa tìm thấy niềm vui, hứng thú và ý nghĩa trong các bài học GDCD. Tâm lý học đối phó cho qua vẫn còn phổ biến ở một bộ phận không nhỏ HS THPT. Còn một bộ phận không nhỏ HS chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của môn GDCD và cho rằng đây là môn học phụ nên ít quan tâm, đầu tư thích đáng cho việc học. Chính vì vậy, vẫn còn thái độ thờ ơ, thiếu nghiêm túc của một số HS đối với môn học GDCD cũng như việc GD ĐĐKD.

2.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

Việc GDĐĐKD nói riêng và GDĐĐ nói chung trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay có những hạn chế như trên là do những nguyên nhân cơ bản như sau:

Thứ nhất, là do chương trình, SGK môn GDCD hiện hành còn dàn trải, chưa cô đọng, chưa khắc phục được tính hàn lâm, các khái niệm còn khô khan khó phù hợp với khả năng nhận thức của HS. Môn học vẫn coi trọng lý thuyết, coi nhẹ thực hành, chưa chú trọng đến việc hướng dẫn tự học, hướng dẫn rèn luyện kỹ năng mềm cho HS. Nội dung môn GDCD có nhiều kiến thức để tích hợp các chủ đề nhưng vẫn chưa có nội dung cụ thể về GDĐĐKD để hướng dẫn và chỉ đạo GV bộ môn thực hiện đồng đều. Vì thế việc tích hợp GDĐĐKD tuy đã được các GV nhận thức là cần thiết nhưng mức độ và khả năng tích hợp lại do mỗi GV thực hiện khác nhau. Mục tiêu chương trình, nội dung SGK hiện hành còn thiên về *dạy chữ*, chưa chú trọng đến việc *dạy người,* thời lượng môn học còn ít so với tính chất và nội dung của môn GDCD. Nhiều bài học kiến thức khô khan, chưa gắn với đời sống tuổi trẻ, chưa hướng tới việc hình thành cho HS những phẩm chất và năng lực cần thiết của người công dân trong xã hội. Các bài tập tình huống trong SGK còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào đánh giá nhận thức của HS, chưa đa dạng các hình thức và nội dung bài tập để đánh giá khả năng liên hệ, vận dụng vào

thực tế của HS. Thời lượng giảng dạy trong chương trình quá ít, không đủ để GV truyền tải nội dung kiến thức trừu tượng, khô khan của môn học.

Thứ hai, việc đổi mới PPDH, KTĐG chưa thực sự chuyển biến, nhiều khi còn dừng ở hình thức. Qua thực tế có thể nhận thấy, phần lớn GV vẫn lên lớp bằng phương pháp truyền thống, ít gắn với thực tiễn cuộc sống, nặng về giáo dục tri thức mà chưa chú trọng giáo dục hành vi, đạo đức, kỹ năng sống. Điều này dẫn tới HS chưa tích cực, chủ động trong việc tiếp nhận kiến thức. Một số GV lên lớp với tâm lý cho rằng môn GDCD là môn phụ nên ít có sự quan tâm, đầu tư trong việc soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng trực quan và ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng. Khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong DH của nhiều GV còn hạn chế. Bên cạnh một số GV có ý thức đổi mới PPDH và sử dụng vào phương tiện DH tích cưc, nhiều GV còn thiếu phông kiến thức sâu rộng, chưa cập nhật những thông tin mang tính thời sự vào trong bài giảng nên mới dừng ở việc truyền thụ kiến thức trên lớp, lệ thuộc SGK, tài liệu hướng dẫn giảng dạy, thiếu sáng tạo trong tổ chức các hoạt động DH. Các phương tiện DH như: tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đồ dùng trực quan,...chưa được sử dụng nhiều, giáo cụ trực quan phục vụ việc dạy học ít được quan tâm, hỗ trợ đầu tư. KTĐG kết quả còn nặng về hình thức, phương pháp và hình thức KTĐG chậm được đổi mới, phổ biến vẫn là kiểm tra kiến thức, chưa chú trọng KTĐG năng lực của HS qua việc giải quyết những vấn đề, tình huống cụ thể trong những bối cảnh nhất định, do đó chưa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Quá trình dạy học của GV vẫn chủ yếu hướng HS đến năng lực nhận thức (biết, hiểu) mà chưa chú trọng đến việc hình thành, phát triển cho HS năng lực hành động, năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn...

Thứ ba, việc thiếu vắng những tài liệu, công trình nghiên cứu về tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở THPT hiện nay cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng nói trên. Khoảng trống trong lí luận DH bộ môn về chủ đề này đã dẫn đến những lúng túng nhất định trong quá trình triển khai DH môn GDCD (trong đó có GDĐĐKD) ở THPT hiện nay. Do thiếu cơ sở lí luận, nhiều GV bộ môn chưa thực sự hiểu đúng về sự cần thiết của GDĐĐKD, chưa hiểu rõ các nội

dung và phương pháp để GDĐĐKD cho HS nên hiệu quả và chất lượng DH môn GDCD chưa cao, chưa đáp ứng được các yêu cầu thực tế.

2.2.3. Một số vấn đề đặt ra đối với việc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay

Vấn đề giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, ý thức đạo đức, ý thức tôn trọng pháp luật,... thông qua môn học GDCD cho HS không phải là mới, nhưng đó đang là hồi chuông cảnh báo, là yêu cầu bức thiết đặt ra cho ngành giáo dục nói riêng và toàn xã hội nói chung. Thực trạng GDĐĐKD cho HS trong môn GDCD ở THPT hiện nay được nêu ra ở trên đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cả về lí luận và thực tiễn đối với việc tích hợp GDĐĐKD, trong đó có nhiều vấn đề cấp thiết mà lí luận DH bộ môn cần phải tham gia giải quyết. Cụ thể là những vấn đề sau đây:

- Tiếp tục phát triển những kết quả đã đạt được và khắc phục những khó khăn, hạn chế của quá trình đổi mới PPDH, tổ chức dạy học, KT, ĐG theo yêu cầu của Bộ GDĐT trong dạy học GDCD. Bộ môn GDCD trước hết phải được xem trọng là môn chủ lực giúp đỡ HS THPT hoàn thiện nhân cách. Chuẩn bị tích cực cho HS đi vào cuộc sống, trở thành công dân đóng góp tích cực cho xã hội, cho gia đình.

- Cần phải xây dựng được khung lí luận về GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay. Khung lí luận này sẽ trang bị cho GV bộ môn cơ sở lí luận cũng như định hướng cho họ trong việc xác định, lựa chọn, sử dụng các biện pháp tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT. Bởi vì, môn GDCD có tầm quan trọng đặc biệt trong hệ thống các môn học ở bậc THPT, góp phần hình thành thế giới quuan lành mạnh ở HS, giúp các em biết phân biệt lẽ phải, trái; biết tôn trọng bản thân và tôn trọng người khác; biết sống trung thực, khiêm tốn, dũng cảm, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có thái độ đúng đắn trong nhận thức và chấp hành pháp luật.

- Để nâng cao hiệu quả GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay GV bộ môn cần phải nắm vững và áp dụng các nguyên tắc GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT. Cần phải đổi mới nội dung cũng như đổi mới việc xác định nội dung GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT. Bên cạnh đó, việc đổi mới tổ chức DH trên lớp, từ quy trình DH, HTTC DH, PPDH, cách sử dụng PTDH,...

trong môn GDCD ở trường THPT là quan trọng. Đổi mới việc đánh giá KQHT trong quá trình GDĐĐKD nói riêng và trong môn GDCD nói chung ở trường THPT là yếu tố cần thiết. Thông qua kết quả học tập của HS mà GV điều chỉnh hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò để tiếp tục phát triển những năng lực cần thiết ở HS.

Những vấn đề được đặt ra ở trên chính là cơ sở để tác giả đưa ra những đề xuất và xây dựng các biện pháp tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay .

Kết luận chương 2

Việc bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức nói chung, đạo đức kinh doanh nói riêng là một quá trình giáo dục lâu dài, trong đó nhà trường giữ vai trò hết sức quan trọng. Đối với học sinh THPT là lực lượng quan trọng chuẩn bị tham gia vào nền sản xuất xã hội, bên cạnh giáo dục những tri thức khoa học, giáo dục thể chất, cần được bồi dưỡng về mặt đạo đức trong đó có đạo đức kinh doanh. Việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh thông qua các môn học khác nhau trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là môn GDCD.

GDCD là một môn học trang bị cho học sinh những tri thức khoa học có tính phổ thông, thường thức, cơ bản và thiết thực nhất để làm người với tư cách công dân và thực hành nghĩa vụ công dân. Giáo dục đạo đức là một trong những nội dung cơ bản, xuyên suốt môn học nhằm giúp cho mỗi cá nhân nhận thức đúng đắn các giá trị đạo đức, biết hành động theo lẽ phải, công bằng và nhân đạo, biết sống vì mọi người, vì gia đình, vì tiến bộ xã hội và sự phồn vinh của đất nước. Trong đó mục đích quan trọng nhất của giáo dục đạo đức là tạo lập những thói quen, hành vi đạo đức nói chung và đạo đức kinh doanh nói riêng, chuẩn bị hành trang cho các em bước vào cuộc sống sau này một cách có lương tâm, trách nhiệm với cộng đồng.

Vậy để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD hướng tới mục tiêu góp phần giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, đào tạo các em trở thành người lao động mới, người trí thức mới trong tương lai có phẩm chất tốt đẹp của người công dân Việt Nam là vấn đề mang tính cấp thiết.

Từ phân tích những khái niệm, chuẩn mực và vai trò của đạo đức kinh doanh, ý nghĩa của việc GD ĐĐKD đối với HS và ưu thế của môn GDCD đối với GDĐĐKD ở THPT, tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay. Việc khảo sát thực trạng được tiến hành bằng PP quan sát, phỏng vấn, đặc biệt là thông qua bảng hỏi. Hệ thống câu hỏi khảo sát hướng đến ở cả người dạy và người học, đã khái quát đầy đủ các nhân tố tác động cũng như các mặt của quá trình GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT. Qua khảo sát cho thấy sự cần thiết phải tiến hành tích hợp nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh vào môn học. Tuy nhiên để làm được điều đó người GV cần phải trang bị những kiến thức cơ bản về PPDH, đồng thời phải thường xuyên nghiên cứu, trau dồi kiến thức, cải tiến phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Cần tìm hiểu, nắm vững nội dung chương trình, mục tiêu dạy học cũng như những đặc trưng cơ bản của môn GDCD trong nhà trường. Từ đó, người GV sẽ biết vận dụng, lồng ghép những nội dung hay có ý nghĩa thiết thực vào từng đơn vị kiến thức của môn học một cách đúng lúc, đúng chỗ sao cho những nội dung ấy được vận dụng trong đời sống thực tiễn, nhất là nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh. Đây chính là cơ sở để tác giả đưa ra những đề xuất và xây dựng các biện pháp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay ở chương tiếp theo.

Chương 3
NGUYÊN TẮC VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

3.1. Nguyên tắc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay

3.1.1. Giáo dục đạo đức kinh doanh phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học là thành tố rất quan trọng của quá trình dạy học, nếu không có mục tiêu xác định sẽ không có bất kì cơ sở nào để lựa chọn nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và càng không thể đánh giá được hiệu quả, giá trị của một bài giảng, một khóa giảng hay cả một chương trình. Mục tiêu bài học được xác định rõ giúp GV suy nghĩ sâu sắc và chín chắn trong việc lựa chọn và sắp xếp nội dung bài giảng, tìm phương pháp truyền đạt tới HS để có kết quả tốt nhất. Các mục tiêu được xác định là cái mốc để GV đánh giá được sự tiến bộ của HS đến mức nào theo chiều hướng đã định. Mục tiêu bài học là cái đích mà cả GV và HS cần hướng tới. Thông qua các bài kiểm tra, chúng ta đánh giá được tình trạng nhận thức của HS, đo được năng lực của HS trong việc thực hiện hành động mà chúng ta mong muốn. Nhưng kết quả kiểm tra chỉ thực sự phản ánh chính xác nếu nội dung bài kiểm tra đã được định hướng bởi một hệ thống mục tiêu bài học rõ ràng và đầy đủ. HS nắm được những mục tiêu mà GV đặt ra trong bài học sẽ tự đánh giá được sự tiến bộ của bản thân trong việc chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, tự tổ chức quá trình học tập của bản thân theo một định hướng rõ ràng. Từ đó, HS biết lựa chọn cách học nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Như vậy, việc xác định mục tiêu bài học trước khi xây dựng nội dung bài giảng sẽ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Khi mục tiêu bài học được đặt ra đầy đủ cả về mặt nhận thức, kĩ năng, thái độ sẽ hướng toàn bộ quá trình DH đạt tới hiệu quả tốt nhất, hỗ trợ người GV xác định và lựa chọn các nội dung, phương pháp, hình thức DH phù hợp, lựa chọn các công cụ KTĐG tốt nhất để phát triển cho HS các năng lực trí tuệ, các phẩm chất tư duy, các kĩ năng hành động và cả niềm say mê với môn học.

Môn GDCD ở THPT cung cấp cho HS những kiến thức về triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức và pháp luật... Bên cạnh mục tiêu giúp HS nhận thức về các nội dung trên, môn GDCD còn hướng tới mục tiêu giáo dục nhân cách, giáo dục ý thức đạo đức của công dân đối với bản thân gia đình, cộng đồng và nhân loại cũng như trách nhiệm với đất nước trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội. Như vậy, nội dung và cấu trúc chương trình GDCD ở THPT không có bài riêng về đạo đức kinh doanh. Song mục tiêu giáo dục của môn học lại hàm chứa nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh. Do đó, khi tích hợp nội dung giáo dục ĐĐKD giáo viên bộ môn phải đặc biệt tuân thủ mục tiêu dạy học ở mỗi bài học cũng như toàn bộ chương trình. Nếu tích hợp không bám sát mục tiêu bài học sẽ xảy ra trường hợp chỉ sa đà vào nội dung GDĐĐKD. Hoặc một số GV chỉ chú ý đến nội dung bài học, không quan tâm đến nội dung và phương pháp GDĐĐKD.

Để thực hiện nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học, khi thực hiện GDĐĐKD trong dạy học GDCD ở THPT, người GV cần lưu ý một số vấn đề như sau:

- *Thiết kế nội dung tích hợp:* GV cần phải tổ chức các đơn vị kiến thức để biến thành một bài học. Khi tích hợp GDĐĐKD, GV phải tìm tòi, xây dựng nội dung của bài học tích hợp, từ mục tiêu, nội dung đến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Việc thiết kế nội dung tích hợp cần phải quan tâm tới việc xác định mục tiêu dạy học tích hợp: phát triển năng lực nào cho HS sau khi dạy bài học này? Kịch bản thiết kế như thế nào kích thích hứng thú cho HS? Nội dung tích hợp có phù hợp, vừa sức với HS không? Có phân hóa được HS hay không?...

- *Bám chắc mục tiêu bài học:* GV không làm thay đổi tính đặc trưng của môn học, không biến bài học thành GDĐĐKD. Nghĩa là, kiến thức GDĐĐKD được tiềm ẩn trong nội dung bài học phải có mối quan hệ lôgic chặt chẽ với kiến thức sẵn có trong bài học. Các kiến thức của bài học được coi như là cơ sở cho kiến thức GDĐĐKD.

- *Lựa chọn nội dung, đơn vị kiến thức phù hợp:* GV cần khai thác nội dung GDĐĐKD có chọn lọc, có tính hệ thống tập trung vào từng phần, bài, mục nhất định. Các kiến thức GDĐĐKD đưa vào bài phải có hệ thống, được sắp xếp hợp lí làm cho kiến thức môn học thêm phong phú, sát với thực tiễn về đạo đức kinh

doanh của đất nước nói chung và thực tiễn đạo đức kinh doanh ở địa phương nói riêng. Việc tích hợp nội dung GDĐĐKD phải tránh sự trùng lặp, thích hợp trình độ HS, không gây quá tải ảnh hưởng đến tiếp thu nội dung chính trong dạy học GDCD.

3.1.2. Giáo dục đạo đức kinh doanh phải được thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lí luận với thực tiễn

Thế giới đang chuyển biến từng ngày, việc cập nhật, bổ sung vào nội dung bài học những thông tin, những thành tựu khoa học mới nhất giúp cho bài học GDCD bắt kịp với hơi thở cuộc sống, góp phần làm cho tri thức môn học luôn đảm bảo tính hiện đại. Việc cập nhật những thông tin mới nhất trong khoa học và đời sống, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực,.. không chỉ làm cho nội dung bài học sinh động, khoa học hơn mà còn giúp cho HS có kỹ năng biết phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức vào thực tế. Vì vậy, những nội dung bài giảng sẽ tác động trực tiếp và thường xuyên tới nhận thức cũng như hành động của HS, trở thành động lực thôi thúc HS hành động theo lẽ phải, thông qua học sinh tác động trực tiếp tới mọi thành viên của xã hội.

Để đảm bảo nguyên tắc tính thực tiễn trong GDĐĐKD nói riêng cũng như trong dạy học GDCD cho học sinh THPT nói chung cần lưu ý ở các khía cạnh sau:

- Khi tích hợp nội dung GDĐĐKD, GV cần làm rõ cơ sở thực tiễn của vấn đề, dùng các ví dụ, hình ảnh, thông tin, sự kiện,... trong thực tiễn để minh hoạ cho nội dung truyền thụ.

Tri thức môn GDCD ở trường THPT mang tính khái quát hoá, trừu tượng hoá cao. Do vậy, việc sử dụng các ví dụ, hình ảnh, thông tin, sự kiện,... để minh hoạ hoặc để giúp HS khai thác, hiểu sâu hơn về nội dung bài học sẽ góp phần làm cho bài học đến gần với thực tiễn cuộc sống. Những tư liệu thực tiễn góp phần làm cho tri thức môn GDCD trở nên gần gũi, dễ hiểu, dễ nhớ đối với HS, đồng thời góp phần làm tăng tính khoa học, tính thuyết phục của nội dung GDĐĐKD. Qúa trình sưu tầm, thiết kế và sử dụng các tư liệu trong GDĐĐKD cần phải chú ý đảm bảo tính khoa học, tính định hướng và tính vừa sức. Từ đó, GV làm rõ ý nghĩa thực tiễn của chúng và giúp cho HS biết liên hệ, vận dụng chúng vào trong thực tiễn cuộc sống.

Ví dụ khi giảng dạy về sản xuất hàng hóa bên cạnh việc truyền đạt những kiến thức cơ bản về hàng hóa, GV truyền đến HS thông điệp: yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp là lợi nhuận nhưng lợi nhuận lại phụ thuộc vào sức mua của người tiêu dùng. Người kinh doanh chỉ có thể kiếm lợi lâu bền khi thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng nghĩa là người kinh doanh thu được lợi nhuận thì đồng thời cũng phải đưa lại lợi ích cho người tiêu dùng. Đó chính là thể hiện kinh doanh có đạo đức. Thực tiễn cuộc sống chứng minh rằng doanh nghiệp nào mà cả trong tư duy lẫn hành động đều coi khách hàng là "thượng đế" thì doanh nghiệp đó sẽ thành công.

- Trong dạy học từng nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh, GV cần bám sát vào nội dung của môn GDCD để liên hệ nội dung GDĐĐKD với những tình huống, những vấn đề đã và đang nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.

Trong quá trình tích hợp nội dung hợp GDĐĐKD, việc đưa ra các câu chuyện, các trường hợp điển hình, các vấn đề nổi cộm trong thực tiễn cuộc sống vào bài dạy như : làm hàng giả, buôn lậu, mất an toàn vệ sinh thực phẩm, trốn thuế, ô nhiễm môi trường,... sẽ làm cho việc GDĐĐKD đạt hiệu quả cao. Vì khi GV đảm bảo tính thực tiễn đồng thời là giúp HS hứng thú, tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, nhận thức đúng đắn về các vấn đề trong cuộc sống. Vì thế để GDĐĐKD hiệu quả, GV cần lấy những ví dụ trong thực tiễn để minh họa, phân tích.

Ví dụ: khi giảng về quy luật cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, sau khi phân tích khái niệm, nguyên nhân và mục đích của cạnh tranh, GV cần yêu cầu HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để lấy ví dụ phân tích tích hai mặt cạnh tranh, qua đó các em cùng GV đánh giá đâu là kinh doanh có đạo đức và đâu là vi phạm đạo đức kinh doanh. Từ đó, giúp các em nhận thức sâu sắc rằng cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan của sản xuất và lưu thông hàng hóa, vừa có mặt tích cực, vừa có hạn chế, nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội, còn mặt hạn chế của cạnh tranh sẽ được Nhà nước điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và chính sách kinh tế - xã hội thích hợp.

Hay có thể thông qua những tình huống, những trường hợp cụ thể, những tấm gương điển hình trong thực tiễn về đạo đức kinh doanh để phân tích giúp HS hiểu hơn những giá trị của đạo đức kinh doanh.

- Tổ chức hoạt động dạy học và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực cho người học

Năng lực của người học phải được thể hiện thông qua năng lực hành động (hay chính là năng lực thực tiễn của HS). Tính thực tiễn của bài dạy tích hợp GDĐĐKD đòi hỏi GV lựa chọn, sử dụng các biện pháp sư phạm nhằm khuyến khích HS vận dụng, mang những điều đã học vào trải nghiệm, ứng xử trong cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, thông qua các biện pháp sư phạm GV phải giúp HS thấy được vai trò, ý nghĩa thực tiễn của các chủ đề GDĐĐKD.

3.1.3.Giáo dục đạo đức kinh doanh phải đảm bảo tính vừa sức và tính định hướng trong môn học

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học GDCD cũng như trong việc GDĐĐKD, giúp cho HS không bị "quá tải" hoặc quá dễ khi tiếp thu kiến thức bài học. Trong thực tế dạy học, các GV có thể sẽ gặp phải những tình huống như: dạy những vấn đề quá mới, quá phức tạp khiến học sinh không thể tiếp thu được hoặc dạy những vấn đề đơn giản, sơ sài. Cả hai trường hợp trên đều là biểu hiện dạy học vi phạm nguyên tắc tính vừa sức trong dạy học ở các trường THPT.

Để đảm bảo nguyên tắc tính vừa sức thì cần phải thực hiện các yêu cầu cơ bản sau:

Một là, xác định khối lượng, mức độ kiến thức trong dạy học.Việc xác định khối lượng và mức độ kiến thức là rất quan trọng để đảm bảo cho học sinh tiếp nhận tri thức một cách hiệu quả trên cơ sở giải quyết các khó khăn vừa sức trong học tập dưới sự định hướng của giáo viên. Để thực hiện được điều này trong quá trình chuẩn bị giáo án và giảng dạy, GV cần chọn lọc các tri thức cơ bản và cần thiết, phải cân nhắc kĩ khối lượng, mức độ kiến thức và hệ thống câu hỏi.

Hai là, do đặc điểm và trình độ nhận thức HS ở mỗi lớp, mỗi trường , mỗi địa phương không giống nhau nên trong quá trình GDĐĐKD, GV cần căn cứ vào từng điều kiện cụ thể để lựa chọn các chủ đề tích hợp cho phù hợp với khả năng nhận thức của HS. Từ đó, GV sử dụng các PPDH và các KTDH cũng như cách thức tổ chức dạy học thích hợp với từng đối tượng HS.

Chẳng hạn: Khi giảng về quy luật cạnh tranh trong GDCD lớp 11, để giải thích cho HS hiểu về cạnh tranh không lành mạnh thì GV phải căn cứ vào đối tượng HS ở miền núi hay miền xuôi, là HS nông thôn hay thành thị để lấy ví dụ cho các em dễ hiểu. Nếu HS ở miền núi Tây Bắc thì GV lấy ví dụ về các mặt hàng như: ngô, sắn, chè, măng khô..., dẫn dắt các em tìm hiểu về các mặt hàng này có đảm bảo về chất lượng khi bán cho các nơi khác không? Nhưng khi dạy cho HS ở nông thôn, GV liên hệ với các sản phẩm lúa gạo, rau quả, tôm, cá, gà, vịt để các em dễ vận dụng vào thực tế. Đối với HS thành thị, GV cần lấy các ví dụ về các mặt hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng để HS nhận biết được các công ty, doanh nghiệp nào cạnh tranh không lành mạnh...

Ba là, GV cần nắm bắt và hiểu rõ được những đặc điểm tâm, sinh lí của HS. GV cũng căn cứ vào điều kiện tự nhiên, xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương... để xác định khối lượng kiến thức và ngôn ngữ, cách trình bày, diễn đạt cho HS dễ hiểu, dễ liên hệ.

Bốn là, việc đảm bảo nguyên tắc tính vừa sức trong dạy học môn GDCD đòi hỏi giáo viên phải chú ý tới đối tượng là học sinh cá biệt. Trong quá trình dạy học giáo viên cần nhận biết được khả năng nhận thức của học sinh theo các thang độ yếu kém và khá giỏi…Đối với các học sinh kém cần kiên trì giúp đỡ để từng bước nâng dần trình độ của các em. Đối với học sinh khá giỏi cần khuyến khích năng lực tư duy sáng tạo, độc lập và khả năng sử dụng tri thức vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Năm là, GV cần hiểu rõ đặc điểm địa phương nơi mình giảng dạy. Thực tế mỗi địa phương, mỗi vùng miền đều có những đặc thù về điều kiện tự nhiên, dân cư, phong tục tập quán, tín ngưỡng, truyền thống văn hoá của địa phương sẽ giúp cho GV bộ môn hiểu rõ hơn về HS. Từ đó, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, hướng vận dụng tri thức của môn học vào thực tiễn cuộc sống sao cho phù hợp với HS và tình hình cụ thể của từng đại phương.

Chính vì vậy, khi lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh GV cần phải cân nhắc, lựa chọn nội dung tích hợp không làm cho nội dung dạy học

GDCD trở nên quá tải, những ví dụ, hiện tượng nêu ra phải gần gũi, dễ hiểu. Đảm bảo tính vừa sức trong dạy học GDCD cũng như trong tích hợp GDĐĐKD cần phải được thực hiện trong tất cả các hình thức dạy học, từ việc dạy học trên lớp đến hoạt động tham quan thực tế, các hoạt động ngoại giờ lên lớp. Đồng thời, cũng phải được thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình dạy học từ việc tổ chức các quá trình dạy học cho đến việc kiểm tra, đánh giá HS.

Đảm bảo tính định hướng trong GDĐĐKD là nguyên tắc yêu cầu người GV bộ môn trong quá trình dạy học môn GDCD ở THPT phải giúp HS từng bước biến những tri thức của môn học thành thái độ, tình cảm, niềm tin, lẽ sống của các em.

Để đảm bảo nguyên tắc tính định hướng trong dạy học môn GDCD cũng như trong GDĐĐKD, GV bộ môn cần thực hiện những yêu cầu như: Phải đứng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin để giảng dạy và truyền thụ kiến thức của môn học; GV cần phải tiếp thu và xử lý thông tin một cách chính xác nhưng không mất đi tính giáo dục, tính định hướng của môn học. GV cần cảnh giác những thông tin không chính thống, không có nguồn gốc rõ ràng, làm HS hoang mang, dao động, mất niềm tin vào chính bản thân mình, vào cuộc sống và con đường phát triển của đất nước. Bên cạnh đó, GV cần kết hợp truyền thụ tri thức với giáo dục tình cảm cách mạng và ý thức công dân cho HS. Thông qua nội dung GDĐĐKD, người GV phải luôn định hướng cho HS về trách nhiệm của các em đối với bản thân, gia đình và xã hội. Từ đó, xác định thái độ, trách nhiệm của các em trước các vấn đề lớn lao của dân tộc và thời đại. Người GV bộ môn phải tham gia vào quá trình giáo dục để các em trở thành những người sống có nghĩa tình, có tinh thần tập thể, có ý thức tổ chức kỷ luật, có lòng nhân ái, khoan dung, biết yêu quê hương, đất nước, yêu CNXH, luôn có ý thức, trách nhiệm trước tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước, dân tộc... GV cần khơi dậy những tình cảm trong sáng, những khát vọng, hoài bão, những ước mơ lành mạnh ở HS, luôn vận dụng những tri thức đã học để lựa chọn hành động theo lẽ phải. Đây cũng là một nhiệm vụ đặc thù của môn GDCD ở trường THPT.

3.1.4. Phát huy tính tích cực, chủ động và vốn kinh nghiệm thực tế của HS

Tính tích cực, chủ động học tập của HS là một trong những phẩm chất tâm lý nhưng đồng thời lại được hình thành, phát triển và thể hiện thông qua các hoạt động trong những điều kiện, hoàn cảnh và môi trường xã hội cụ thể. Trong xu thế đào tạo hiện nay tính tích cực, chủ động trong học tập của HS lại càng trở nên quan trọng quyết định chất lượng giáo dục của HS và nhà trường. Tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập của HS gắn với tính tích cực nhận thức, thể hiện ở khát vọng hiểu biết, nỗ lực chiếm lĩnh tri thức, chủ động tìm kiếm và khám phá ra những hiểu biết mới cho bản thân.

Ở phổ thông, HS vừa là khách thể của quá trình dạy học nhưng lại là chủ thể của hoạt động học tập. Mức độ thể hiện vai trò chủ thể trong học tập phản ánh tính tích cực học tập của HS. Tính tích cực của HS được xem như là sự thể hiện vai trò chủ thể nhận thức trong hoạt động học tập, là một dạng thể hiện tính tích cực của cá nhân trong hoạt động nhận thức. Vì vậy, chúng có liên quan mật thiết đến các yếu tố trong bản thân người học như ý thức về mục tiêu học tập; nhu cầu, hứng thú nhận thức trong quá trình học tập; cách thức học tập… và một số yếu tố khác bên ngoài tác động đến hoạt động học tập của HS.

Đảm bảo huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình tích hợp GDĐĐKD cũng như trong quá trình DH môn GDCD, GV phải luôn tạo điều kiện, thúc đẩy HS tham gia một cách tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình dạy học, từng bước biến quá trình dạy học thành quá trình tự học của HS. Trong quá trình này, HS là chủ thể hoạt động học, GV là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn. Các biện pháp sư phạm được GV lựa chọn, sử dụng phải bảo đảm tạo điều kiện, thúc đẩy các hoạt động học tập cho HS. Thông qua việc tham gia các hoạt động học tập do GV tổ chức, HS tự lực tìm tòi, khám phá, huy động mọi nguồn lực để thực hiện, hoàn thành có hiệu quả các nhiệm vụ học tập. Thông qua các hoạt động học tập, HS được trải nghiệm, được trực tiếp quan sát, thảo luận, giải quyết vấn đề, thực hành vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống theo khả năng nhận thức, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Từ đó, những biện pháp sư phạm của người GV cần chú trọng đến việc tạo điều kiện cho HS học tập với nhau.

Bên cạnh đó, GV bộ môn cần khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để HS vận dụng những nguồn nội lực sẵn có như hiểu biết, kinh nghiệm, vốn sống phong phú của các em vào thực hiện, giải quyết những nhiệm vụ học tập, các bài tập, vấn đề, tình huống đạo đức kinh doanh. Nguyên tắc này cần phải được thực hiện trong toàn bộ quá trình GDĐĐKD trong môn GDCD ở THPT, từ việc thiết kế chủ đề/bài DH, tổ chức các hoạt động DH cho đến việc đánh giá KQHT của HS. Điều này sẽ giúp các em phát huy được cao nhất tính tích cực, chủ động cũng như khả năng sáng tạo trong quá trình học tập, đồng thời giúp HS hình thành thói quen huy động, kết nối, phát huy những nguồn nội lực sẵn có với bản thân với những tri thức mới khi giải quyết những vấn đề, nhiệm vụ, tình huống đạo đức do cuộc sống đã, đang và sẽ đặt ra.

Như vậy, trong quá trình dạy học môn GDCD cũng như trong GDĐĐKD cần phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản là: Đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học, giáo dục đạo đức kinh doanh phải được thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lí luận với thực tiễn, giáo dục đạo đức kinh doanh phải đảm bảo tính vừa sức và tính định hướng trong môn học, phải phát huy tính tích cực, chủ động và vốn kinh nghiệm thực tế của HS. Các nguyên tắc đó không biệt lập, tách dời mà có tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy, GV cần vận dụng linh hoạt các nguyên tắc sao cho phù hợp với nội dung từng đơn vị kiến thức nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐKD cho HS trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT.

3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT hiện nay

3.2.1. Lựa chọn nội dung trong bài học GDCD để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho phù hợp

Đặc trưng GDCD là môn học tích hợp nhiều nội dung giáo dục xã hội cần thiết và cơ bản cho công dân như: giáo dục kỹ năng sống, giáo dục môi trường, giáo dục giới tính – sức khoẻ sinh sản vị thành niên, giáo dục phòng tránh HIV/AIDS, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích... Do đó, lựa chọn nội dung cốt lõi trong bài học GDCD để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho phù hợp là một yêu cầu rất quan trọng.

Môn GDCD có 5 phần nhưng không phải phần nào, bài nào, nội dung nào cũng tích hợp được nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh. Phải tùy vào nội dung của từng bài, từng mục mà GV tích hợp cho phù hợp, không gượng ép. Việc tích hợp phải đảm bảo đặc trưng của môn học. Không biến giờ học thành giờ trình bày về giáo dục đạo đức kinh doanh mà giáo dục đạo đức kinh doanh chỉ là một nội dung được tích hợp một cách tự nhiên hài hòa trong các đơn vị kiến thức của môn học, không làm tăng nội dung học tập dẫn đến quá tải.

Dưới đây là địa chỉ tích hợp các nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở THPT trên cơ sở bám sát mục tiêu bài học như sau:

Phần thứ 2: Công dân với đạo đức (SGK lớp 10)

STT	**Tên bài**	**Địa chỉ tích hợp**	**Nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh**
1	Bài 10: Quan niệm về đạo đức.	Tích hợp vào phần 2: Vai trò của đạo đức đối với cá nhân, gia đình và xã hội	**Kiến thức:** HS hiểu được vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội. Việc xây dựng một xã hội đạo đức kinh doanh là rất cần thiết vì nó góp phần vào sự vững mạnh của nền kinh tế quốc gia **Kĩ năng:** Phân biệt được các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh và các hành vi kinh doanh có đạo đức. **Thái độ:** Coi trọng vai trò của đạo đức kinh doanh trong đời sống xã hội.
2	Bài 11: Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học	Tích hợp vào phần 1. Nghĩa vụ 2. Lương tâm 3. Nhân phẩm và danh dự	**Kiến thức:** Biết được thế nào là nghĩa vụ, lương tâm, nhân phẩm, danh dự trong đời sống xã hội cũng như trong kinh doanh **Kĩ năng:** Khi tham gia các hoạt

			động sản xuất kinh doanh, công dân biết thực hiện các nghĩa vụ đạo đức liên quan đến bản thân. Biết giữ gìn danh dự, nhân phẩm, lương tâm của mình; biết phấn đấu cho hạnh phúc của bản thân và xã hội. **Thái độ:** Coi trọng việc giữ gìn lương tâm, nhân phẩm và danh dự trong hoạt động kinh doanh cũng như trong đời sống xã hội.
3	Bài 13: Công dân với cộng đồng	Tích hợp vào phần 2. Trách nhiệm của công dân với cộng đồng	**Kiến thức:** Hiểu được nhân nghĩa, hòa nhập, hợp tác là những yêu cầu đạo đức của công dân hiện nay trong kinh doanh và các lĩnh vực khác của xã hội **Kĩ năng:** Biết sống nhân nghĩa, hòa nhập, hợp tác với mọi người xung quanh **Thái độ**: Có trách nhiệm với cộng đồng và tương trợ, giúp đỡ nhau trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.
4	Bài 14: Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Tích hợp vào phần 2. Trách nhiệm xây dựng Tổ quốc	**Kiến thức:** Hiểu được trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp xây dựng Tổ quốc, tích cực tham gia vào các hoạt động kinh tế và vận động gia đình, những người xung quanh kinh doanh có đạo đức. **Kĩ năng:** Biết tham gia những việc

			làm thiết thực như bảo vệ môi trường, chăm chỉ, tích cực và sáng tạo trong học tập và lao động để xóa đói giảm nghèo... **Thái độ**: Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, đi ngược lại với lợi ích quốc gia, dân tộc.

Phần thứ 3: Công dân với kinh tế (SGK lớp 11)

STT	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh
1	Bài 1: Công dân với sự phát triển kinh tế	Tích hợp vào phần 3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.	**Kiến thức:** Mỗi công dân có nghĩa vụ tham gia tích cực vào phát triển kinh tế, chống những hành vi kinh doanh trái pháp luật . **Kĩ năng:** Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân: tham gia sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, làm nghề phụ… **Thái độ:** Tích cực chủ động và có ý thức xây dựng đạo đức kinh doanh trong việc tham gia xây dựng kinh tế
2	Bài 2: Hàng hóa – tiền tệ - thị trường	Tích hợp vào phần b. Hai thuộc tính của hàng hóa và phần C. quy	**Kiến thức:** Giáo dục cho HS những phẩm chất đạo đức mà người kinh doanh cần phải có trong nền KTTT như: phẩm chất

		luật lưu thông tiền tệ	trung thực, tôn trọng con người, sự khiêm tốn, dám làm dám chịu… **Kĩ năng:** Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra những nhận xét, đánh giá về những hành vi kinh doanh trái pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh **Thái độ:** Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hoá, tiền tệ trong sản xuất, kinh doanh để tạo ra thu nhập một cách chân chính.
3	Bài 3: Quy luật giá trị trong SX và LT hàng hóa	Tích hợp ở phần 1. Nội dung của quy luật giá trị	**Kiến thức:** Giáo dục cho HS những phẩm chất cần cù, sáng tạo trong lao động để giảm thời gian lao động cá biệt và tăng năng suất lao động. **Kĩ năng:** HS biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống. **Thái độ:** Tôn trọng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá. Tích cực trong lao động sản xuất.
4	Bài 4: Quy luật cạnh tranh trong SX và LT hàng hóa	Tích hợp vào phần 1. b Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, phần 2. a Mục đích của	**Kiến thức:** Giáo dục những phẩm chất đạo đức cho HS để HS biết cách cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế

		cạnh tranh và phần 3. Tính 2 mặt của cạnh tranh	và làm đẹp giá trị đạo đức. **Kĩ năng:** HS biết cách vận dụng những kiến thức đã học tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh một cách lành mạnh, không vi phạm đạo đức kinh doanh. **Thái độ:** Có thái độ đồng tình với những biểu hiện kinh doanh lành mạnh, phê phán những hành vi cạnh tranh không lành mạnh vi phạm đạo đức trong kinh doanh.
5	Bài 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Tích hợp ở phần 3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.	**Kiến thức:** Hiểu được trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. **Kĩ năng:** Biết xác định trách nhiệm của bản thân như: trong sản xuất, kinh doanh cần lựa chọn ngành, mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao. **Thái độ:** Quyết tâm học tập, rèn luyện để trở thành người lao động đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
6	Bài 7: Thực hiện kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước	Tích hợp vào phần 1c: Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành	**Kiến thức:** Trên cơ sở nhận thức được sự cần thiết phát triển kinh tế nhiều thành phần, giáo dục cho HS hiểu được trách nhiệm của bản thân trong lao động, sản xuất, kinh doanh và tìm kiếm việc làm phù

		phần	hợp với khả năng của bản thân. **Kĩ năng:** Tham gia lao động sản xuất cùng gia đình trong các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi hoặc các hình thức sản xuất kinh doanh, các ngành nghề và mặt hàng mà pháp luật không cấm. **Thái độ:** Tin tưởng, ủng hộ và chấp hành tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

Phần thứ 5: Công dân với pháp luật (SGK lớp 12)

STT	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh
1	Bài 1: Pháp luật và đời sống	Tích hợp vào phần 4: Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội	**Kiến thức:**HS hiểu được vai trò và giá trị của pháp luật đối với đời sống mỗi cá nhân, đối với Nhà nước và xã hội; tuân thủ theo các quy phạm pháp luật cũng là tuân thủ các quy tắc của đạo đức kinh doanh. **Kĩ năng:** Biết đánh giá hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực của pháp luật. **Thái độ:** Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật; luôn xử sự theo đúng các quy định của pháp luật

			và các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh
2	Bài 3: Công dân bình đẳng trước pháp luật	Tích hợp vào phần 1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. 2.Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.	**Kiến thức:** Hiểu được thế nào là công dân được bình đẳng trước pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí trong đời sống xã hội nói chung và trong kinh doanh nói riêng. **Kĩ năng:** Biết phân tích, đánh giá đúng việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong thực tế. Lấy được các ví dụ về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí của công dân theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh. **Thái độ:** Có niềm tin đối với pháp luật, đối với Nhà nước trong việc đảm bảo cho công dân bình đẳng trước pháp luật. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Phê phán, đấu tranh những hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân
3	Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.	Tích hợp vào phần 2. Bình đẳng trong lao động. 3. Bình đẳng trong kinh doanh.	**Kiến thức:** HS hiểu được quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực lao động và kinh doanh. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo cho công dân thực

			hiện các quyền này. **Kĩ năng:** Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lao động và kinh doanh **Thái độ:** Có ý thức tôn trọng các quyền bình đẳng của công dân trong lao động và kinh doanh.
4	Bài 8: Pháp luật với sự phát triển của công dân	Tích hợp vào phần 1b. Quyền sáng tạo của công dân. 1c. Quyền được phát triển của công dân. 3b. Trách nhiệm của công dân.	**Kiến thức:** HS nắm được nội dung cơ bản về quyền sáng tạo và phát triển của công dân. Trên cơ sở đó giáo dục chuẩn mực tôn trọng bí mật thương mại cho công dân, tạo ra môi trường đạo đức trung thực, làm cho đất nước ta trở thành một đất nước phát triển, văn minh. **Kĩ năng:** Biết quan sát và liên hệ với thực tiễn để nhận xét giải thích được việc thực hiện các quyền ở cơ sở và phạm vi trong cả nước. **Thái độ:** Có ý thức phấn đấu vươn lên, sáng tạo trong học tập và trong lao động để trở thành công dân có ích cho đất nước. Phê phán những hành vi vi phạm quyền sáng tạo và phát triển của công dân ở một số doanh nghiệp.

5	Bài 9: Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước	Tích hợp vào phần 2a. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế	**Kiến thức:** HS hiểu được nội dung cơ bản của pháp luật trong quá trình phát triển kinh tế như quyền tự do kinh doanh của công dân và các nghĩa vụ của nhà sản xuất kinh doanh. **Kĩ năng:** Phân biệt được các hành vi kinh doanh theo pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh. **Thái độ:** Có ý thức tôn trọng các chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước, tôn trọng pháp luật. Đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh.

3.2.2. Sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT

Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD, bên cạnh những biện pháp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cho người học cần đặc biệt chú ý sử dụng một số phương pháp sau đây:

3.2.2.1. Phương pháp nêu gương

Nêu gương là phương pháp sử dụng những điển hình, những tấm gương mẫu mực "người tốt, việc tốt" cụ thể sinh động trong đời sống để kích thích tính tích cực, tự giác của học sinh.

Trong giáo dục, tấm gương được sử dụng như một phương tiện. Nó làm cho chuẩn mực đạo đức trở nên trực quan hơn, cụ thể hơn, có sức thuyết phục hơn. Lời

nói sẽ giảm giá trị, giảm ảnh hưởng nếu nó không có các tấm gương thực tế sinh động, cụ thể của người khác chứng minh.

Cơ chế tâm lí của phương pháp này là sự tác động qua lại giữa chủ thể và môi trường, tạo ra những ảnh hưởng tâm lí lành mạnh trong tập thể, còn gọi là "bắt chước". Tâm lí bắt chước có mặt ở mọi lứa tuổi, được diễn ra dưới nhiều mức độ có tính chất khác nhau, tùy thuộc vào trình độ nhận thức, nhưng tất cả đều có ý nghĩa giáo dục tốt.

Sử dụng phương pháp nêu gương trong dạy học GDCD cho HS THPT có ý nghĩa thiết thực, mỗi "tấm gương" được sử dụng như một phương tiện trực quan. "Gương tốt cho hình ảnh tốt" chúng có tác dụng giáo dục rất lớn. Đối với việc GD ĐĐKD thì GV cần đưa ra những tấm gương những nhà kinh tế giỏi trên thế giới, những doanh nhân trên thế giới và trong nước thành đạt nhờ kinh doanh có đạo đức, giữ chữ tín, kinh doanh hàng hoá đảm bảo chất lượng, đối xử bình đẳng với người lao động, hay điển hình nhất là những tấm gương làm giàu từ hai bàn tay trắng, khởi nghiệp từ nông thôn, những tấm gương vượt khó, chăm chỉ, cần cù, sáng tạo trong lao động, mạnh dạn trong kinh doanh để làm giàu chân chính...

Khi sử dụng phương pháp nêu gương, để đạt hiệu quả giáo dục tốt, GV bộ môn cần lưu ý:

- Lựa chọn tấm gương điển hình, phù hợp đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi tạo ra ấn tượng tốt, cảm xúc mạnh để kích thích thái độ, tình cảm lành mạnh ở HS.

- Khi nêu gương cần phải giới thiệu sự kiện, phân tích nguyên nhân, ý nghĩa, những bài học rút ra từ những tấm gương đó, nhằm giúp HS nhận thức đầy đủ ý nghĩa và có ý thức noi theo. Cần khách quan, công bằng, đúng mực khi nêu gương. .

- Những tấm gương giáo dục cần phải có nguồn gốc rõ ràng, cụ thể sinh động, không trừu tượng. Chính vì vậy tấm gương sưu tầm từ các nguồn khác nhau như: người thật việc thật (từ sách báo, ti vi, các phương tiện thông tin đai chúng…), bản thân GV cũng là một tấm gương cho HS noi theo.

Phương pháp nêu gương dựa vào tính bắt chước, tính ưu thế của tư duy trực quan. Nêu một tấm gương tốt là để các em soi mình vào mà học tập, cố gắng thực

hiện được những hành động, hành vi, việc làm cụ thể như những tấm gương đó. Bởi vậy, nêu gương được sử dụng với phương pháp khuyến khích, đàm thoại, kể chuyện.

Có thể tiến hành phương pháp nêu gương theo các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

Lựa chọn tấm gương: căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung giáo dục, đặc điểm đời sống, khả năng kinh nghiệm của HS… mà GV lựa chọn tấm gương phù hợp để nêu. Những tấm gương ở đây cần mang tính chất tiêu biểu, mẫu mực, phù hợp với trình độ nhận thức và điều kiện kinh tế – xã hội trong cuộc sống của HS.

Ngoài ra, GV có thể chuẩn bị những bức ảnh, tranh hay một đoạn video liên quan đến tấm gương minh họa.

Bước 2: Nêu gương

Bằng biện pháp kể chuyện, đàm thoại, giải thích, trình bày, trực quan… GV giúp HS ý thức được tấm gương đó là tốt và vì sao tốt. Từ đó, HS sẽ rút ra kết luận phù hợp - cần bắt chước hay tránh tấm gương vừa nêu. Việc nêu gương phải gây được ấn tượng, cảm xúc, làm cho HS ghi nhớ tấm gương lâu hơn và điều đó luôn nhắc nhở các em cần phải cố gắng học tập, vươn lên trở thành những người tốt, điển hình trong xã hội, có khát vọng làm giàu chính đáng...

Bước 3: Tổng kết

Sau khi nêu gương, GV bộ môn yêu cầu HS rút ra những bài học từ những tấm gương đã nêu. Từ đó, phải làm gì để có thể trở thành những tấm gương, những điển hình sáng trong xã hội.

Chẳng hạn, trong bài 1: "Công dân với sự sự phát triển kinh tế" – GDCD lớp 11, để làm cho bài học thêm phong phú và kích thích HS, GV có thể nêu một số những tấm gương tiêu biểu, điển hình về làm kinh tế giỏi để kích thích tính tích cực, tự giác của học sinh. Đó là những tấm gương như:

Ví dụ 1: Gạo an toàn Tâm Việt

Anh thanh niên Võ Văn Tiếng ở tỉnh Đồng Tháp đã rất trăn trở vì gạo Việt Nam hiện nay phần lớn sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hoá học, gặp nhiều khó khăn trong xuất khẩu gạo ra thị trường thế giới do không đảm bảo vệ sinh an toàn

thực phẩm. Dù biết năng suất khi sản xuất lúa sạch hữu cơ chỉ bằng 60% lúa trồng khi bón phân hoá học nhưng anh vẫn quyết tâm mở rộng diện tích để trồng lúa sạch vừa để cung cấp cho thị trường nguồn gạo sạch, đảm bảo chất lượng, vừa để bảo vệ nguồn nước và môi trường cân bằng tự nhiên. Tuy năng suất không cao bằng sản xuất theo cách thông thường, nhưng nhờ giá bán gạo sạch luôn cao gấp đôi giá gạo cùng loại trên thị trường, cho nên vẫn duy trì được mức lợi nhuận cho người trồng lúa. Đến nay, thương hiệu "Gạo an toàn Tâm Việt" đã được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận.

(Nguồn: http://www.nhandan.com.vn, ngày 02/02/2017,Tiến Anh)

Ví dụ 2**: Mai Kiều Liên – "Nữ tướng Sữa"**

"Nữ tướng sữa", "nữ hoàng ngành sữa" hay " Margaret Thatcher của Việt Nam" là những biệt danh mà thương trường cũng như báo chí dành để gọi bà Mai Kiều Liên, chủ tịch hội đồng quản trị kiêm nhiệm CEO của công ty sữa hàng đầu Việt Nam – Vinamilk. Từng tốt nghiệp kỹ sư công nghệ chế biến sữa ở Nga, năm 1976 bà Mai Kiều Liên về làm việc, cống hiến tại công ty sữa và cà phê miền Nam, nay là công ty cổ phần sữa Vinamilk. Kể từ 2003, bà Mai Kiều Liên chính thức là người đứng đầu quản lí Vinamilk, đưa thương hiệu sữa Vinamilk trở nên thành công vang dội trong ngành sản xuất sữa, thành cái tên quen thuộc gần gũi với mọi đối tượng khách hàng. Trong khoảng thời gian 40 năm gắn bó, 20 chịu trách nhiệm năm điều hành Vinamilk, bà Mai Kiều Liên cùng với đội ngũ nhân viên, công nhân của mình phát triển thương hiệu Vinamilk, đồng thời xây dựng một nếp sống "văn hóa Vinamilk" – xem Vinamilk là ngôi nhà thứ 2 của mình cùng đóng góp, xây dựng và phát triển. Với những công hiến, cùng tài năng kinh doanh, lãnh đạo, "nữ hoàng ngành sữa" Mai Kiều Liên đã được tạp chí Forbes ghi nhận là một trong 100 người phụ nữ thành đạt nhất thế giới.

Nguồn: http://toplist.vn, 22/11/2016)

Như vậy: Qua việc lấy một số tấm gương điển hình làm kinh tế giỏi, giáo viên cũng có thể yêu cầu các em về nhà sưu tập những tấm gương "người thật, việc thật". Đó là những tấm gương biết vươn lên trong cuộc sống, những tấm gương làm giàu từ hai bàn tay trắng hoặc những doanh nhân thành công trên thế giới….

Trong khi sử dụng phương pháp nêu gương giáo viên cũng nên sử dụng những gương xấu khi lợi dụng những thủ đoạn phi pháp để đạt được lợi nhuận về cho bản thân mình.Qua đó, thấy được những hậu quả xấu từ việc thực hiện những hành vi trái đạo đức trong kinh doanh như: phạt hành chính, phạt hình sự… để dăn đe, ngăn chặn các em không được "bắt chước" những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh đó.

Ví dụ: Trong bài 4. Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, để làm cho bài học thêm phần hứng thú, cũng như lồng ghép thêm nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh trong đó, GV có thể nêu những tấm gương về những cá nhân, những doanh nghiệp đã thực hiện cạnh tranh lành mạnh nhằm đem lại sản phẩm có chất lượng, giá thành cạnh tranh và mẫu mã đẹp cho người tiêu dùng như: các hãng điện thoại Sam Sung, Sony, Nokia… Bên cạnh những tấm gương tiêu biểu đó, GV cũng lấy những ví dụ thêm về những cá nhân, doanh nghiệp làm ăn phi pháp, trốn thuế, lậu thuế, buôn bán hàng giả, hàng nhái… và những hậu quả mà các tổ chức đó phải gánh chịu để HS ý thức được rõ hơn về nội dung bài học cũng như giáo dục đạo đức kinh doanh cho các em như:

Sáng 11/3, trên đường đi tuần tra, tổ công tác Đội Cảnh sát kinh tế, Công an quận Hoàng Mai, Hà Nội, phát hiện tại khu vực BT4 bán đảo Linh Đàm có hoạt động tập kết hàng hóa nghi vấn. Sau khi kiểm tra, công an bắt giữ lô thuốc tân dược gồm 60 hộp chứa gần 3.000 viên thuốc do nước ngoài sản xuất. Tại thời điểm kiểm tra, chủ hàng là Võ Đức Dương (41 tuổi, trú quận Hà Đông, Hà Nội) không xuất trình được hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc số hàng. Tổ công tác đã lập xác minh. Theo lời khai ban đầu, số thuốc với hàng chục nhãn hàng trên được nhập lậu từ Ấn Độ, trong đó có thuốc trị bệnh ung thư và viêm phổi, giá từ vài triệu đến gần 15 triệu đồng mỗi hộp. Tổng trị giá lô hàng khoảng 90 triệu đồng.

Như vậy việc sử dụng phương pháp nêu gương trong dạy học GDCD sẽ giúp cho học sinh học bài một cách tự giác, tích cực, chủ động hơn. Nếu áp dụng một cách nhuần nhuyễn và kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực khác sẽ làm cho quá trình dạy học đạt hiệu quả cao hơn.

3.2.2.2. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Nghiên cứu trường hợp điển hình là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hính có thể được thực hiện trên video hay một băng catset mà không phải trên văn bản viết.

Các trường hợp được lựa chọn từ những tình huống thực tiễn, hoặc những tình huống có thể xảy ra. Khi xây dựng một trường hợp cần bao gồm những nội dung:

- Phần mô tả trường hợp: Các trường hợp cần được mô tả rõ ràng và cần thực hiện các chức năng lí luận dạy học như: trường hợp cần chứa đựng vấn đề và có xung đột; trường hợp cần có nhiều cách giải quyết; trường hợp cần tạo điều kiện cho người học có thể trình bày theo cách của mình; trường hợp cần vừa sức, phù hợp với điều kiện thời gian và người học có thể giải quyết được trên cơ sở kiến thức và kĩ năng của họ.

- Phần nhiệm vụ: Xác định những nhiệm vụ học sinh cần giải quyết khi nghiên cứu trường hợp. Các nhiệm vụ cần xác định rõ ràng, vừa sức với học sinh và nhằm mục tiêu của bài học.

- Phần yêu cầu và kết quả: Phần này đưa ra những yêu cầu cần thực hiện được trong khi nghiên cứu trường hợp. Việc đưa ra những yêu cầu nhằm định hướng cho việc nghiên cứu trường hợp.

Ví dụ: Trường hợp về sản xuất cà phê không đảm bảo chất lượng

Mô tả trường hợp

Ngày 10/1/2017, đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm Gia Lai cho biết, đã lập biên bản và tiêu hủy 157kg cà phê không đảm bảo chất lượng, có trộn hóa chất lạ.Theo đó, trong đợt triển khai đảm bảo vệ sinh an toàn cho dịp Tết Nguyên Đán Đinh Dậu 2017, đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Gia Lai đã đột xuất đến cơ sở chế biến, sản xuất cà phê bột Ngọc Thành. Cơ sở này do ông Nguyễn Ngọc Thành (số 31 đường Bế Văn Đàn, TP.Pleiku, Gia Lai) làm chủ.Tại đây, đoàn kiểm tra phát hiện có 28kg cà phê bột thành phẩm đã

đóng bao bì, nhãn mác. Ngoài ra, tại cơ sở còn 129kg cà phê nguyên hạt đã được phối trộn với đậu nành và một số phụ gia thực phẩm. Trong mỗi gói đã thành phẩm, tỷ lệ cà phê chỉ chiếm 10%, còn lại 90% là hạt đậu nành và các loại phụ gia, hóa chất khác. Bên cạnh đó, chủ cơ sở cũng đã sử dụng 1 loại hóa chất mua với giá 800.000 đồng, không rõ nguồn gốc xuất xứ để trộn thêm vào nhằm tạo ra hương vị cà phê đậm đà. Ngoài ra, cơ sở này cũng không cung cấp được giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất cà phê và các thủ tục, giấy tờ khác. Vì vậy, đoàn kiểm tra đã lập biên bản vi phạm hành chính, tiêu hủy toàn bộ số cà phê nói trên và đình chỉ hoạt động sản xuất của cơ sở chế biến cà phê bột Ngọc Thành cho đến khi hoàn thành các thủ tục đảm bảo điều kiện hoạt động.

Nhiệm vụ:

Hãy đọc trường hợp trên và thảo luận:

1. Trường hợp trên phản ánh điều gì trong xã hội?

- Người sản xuất có biết sản xuất cà phê không đảm bảo chất lượng, không có các thủ tục kinh doanh là vi phạm pháp luật hay không?

- Nếu biết đó là vi phạm pháp luật nhưng tại sao họ vẫn cố tình làm? Phải chăng vì chạy theo lợi nhuận đơn thuần mà họ vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức kinh doanh?

- Hành vi sản xuất cà phê không đảm bảo chất lượng như trên gây hậu quả như thế nào đối với sức khoẻ người tiêu dùng?

- Đó còn là những điều gì khác?

2. Theo em, chúng ta cần phải làm gì để hạn chế tình trạng sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng?

Kết quả mong muốn:

Nghiên cứu trường hợp này cần đề cập đến:

- Phân tích tình trạng sản xuất thuốc cà phê không đảm bảo chất lượng dưới các khía cạnh khác nhau: hành vi trái pháp luật vi phạm đạo đức kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, gây rối loạn thị trường….

- Những ảnh hưởng xấu của tình trạng trên đã gây nên những hậu quả gì cho xã hội?

- Đề xuất những phương hướng giải quyết để ngăn chặn tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng?

Hay khi dạy bài: "Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá"- GDCD lớp 11, nhằm tích hợp và lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh, GV có thể sử dụng một số những trường hợp như sau:

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp điển hình:

Tình huống 1: Chị Lan và chị Hà cùng kinh doanh một mặt hàng là rau quả sạch. Được khách hàng tin tưởng và nhu cầu mua rau quả sạch trên thị trường quá lớn tuy giá thành cao hơn ở các cửa hàng khác, nên chị Lan đã tìm mua các loại rau quả giá rẻ trên thị trường mà không có nguồn gốc xuất xứ. Sau đó chị Lan đưa về cửa hàng rau quả sạch của mình để trà trộn bán ra thị trường nhằm mục đích lợi nhuận cao và cạnh tranh số lượng rau quả bán ra thị trường với chị Hà.

Em nghĩ gì về việc làm của chị Lan? Có người nói hành vi của chị Lan vừa mang lại lợi nhuận cao,vừa không vi phạm pháp luật. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Tình huống 2: Công ty X của anh Minh chuyên sản xuất các loại bán kẹo. Do thị trường nay xuất hiện nhiều công ty cùng sản xuất bánh kẹo nên anh đã nhập về các loại nguyên liệu giá rẻ, không rõ nguồn gốc xuất xứ để sản xuất bánh kẹo với mục đích là giá cạnh tranh và bán được số lượng hàng nhiều hơn các công ty khác để thu được nhiều lợi nhuận cho công ty mình. Nhận thấy hành vi kinh doanh của anh Minh là sai trái, vi phạm đạo đức kinh doanh nên bạn bè đã khuyên anh Minh nên dùng lại. Nếu không sẽ bị phát hiện và xử lí theo quy định của Pháp luật.

Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Bước 2: Các nhóm thảo luận

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến?

Bước 4: GV tóm tắt ý kiến của các nhóm và đưa ra kết luận về cách giải quyết của các tình huống trên.

3.2.2.3. Phương pháp đóng vai

PPDH đóng vai là một trong những PPDH mang tính chất tương tác giữa GV và HS, giữa HS với HS, giữa HS với môi trường học tập. Nó khuyến khích HS thâm nhập vào đời sống thực tế và thử đặt mình vào các vị trí khác nhau để giải quyết các tình huống cụ thể của cuộc sống.

PPDH đóng vai trong dạy học môn GDCD khác với phương pháp diễn kịch. Nếu trong diễn kịch, kịch bản thường có sẵn, quy mô lớn, hoành tráng đòi hỏi nhiều người tham gia…thì phương pháp đóng vai trong dạy học không cho trước kịch bản, HS phải tự soạn kịch bản theo chủ đề mà GV đưa ra. Quy mô của phương pháp đóng vai được thực hiện trong những tình huống cụ thể, ngắn, có tính chất minh họa là chủ yếu.

Tuy nhiên, khi sử dụng phương pháp này cần phải lưu ý những yêu cầu sư phạm sau:

Tình huống đóng vai phải là những chủ đề phù hợp với nội dung tri thức của môn GDCD, phù hợp với tâm lí lứa tuổi, trình độ học sinh và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

Tình huống không nên quá dài và phức tạp, vượt quá thời gian cho phép

Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong bài tập đóng vai để không lạc đề.

Nên khích lệ tất cả học sinh cùng tham gia, kể cả những HS nhút nhát.

Nên có hóa trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

Trao quyền cho HS để các em được bộc lộ hết khả năng của mình.

Ví dụ trong bài 2: "Hàng hóa -Tiền tệ - Thị trường" –GDCD lớp 11, để tích hợp nội dung GD ĐĐKD vào bài học, GV có thể đưa ra các tình huống mở khác nhau và yêu cầu các nhóm chuẩn bị kịch bản và đóng vai. GV có thể đưa ra các tình huống như sau:

Tình huống 1:

Nhà chị Hoa trồng nhiều cà chua, để cung cấp cho thị trường những quả cà chua to và ngon, đẹp mắt, chị đã sử dụng các chất kích thích, bảo quản. Chị cho rằng làm như vậy sẽ dễ bán hơn và bán được với số lượng nhiều hơn nhằm thu được lợi nhuận cao.

Tình huống 2:

Anh Nam mở cửa hàng buôn bán hàng điện tử. Lúc đầu anh nhập về các mặt hàng có thương hiệu nổi tiếng, có chất lượng đảm bảo, có nguồn gốc rõ ràng nên được khách hàng tin tưởng đến mua rất đông. Sau đó, anh Nam đã nhập điện các mặt hàng điện tử giá rẻ, kém chất lượng về và dán tem mác của các thương hiệu điện tử nổi tiếng bán với giá cao để thu lợi nhuận nhiều hơn.

Tình huống 3:

Chị Mai kinh doanh thực phẩm chức năng và mỹ phẩm rất đông khách. Đột xuất có công an vào kiểm tra thì phát hiện ra các mặt hàng chị bán là hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, không có nguồn gốc rõ ràng, các thành phần trong thực phẩm chức năng và mỹ phẩm chị bán không đủ tiêu chuẩn cho phép, gây nguy hại cho sức khoẻ người tiêu dùng.

GV giao cho mỗi nhóm HS một tình huống cụ thể, yêu cầu các nhóm thực hiện đóng vai theo yêu cầu và trao quyền cho các em bộc lộ hết khả năng của mình.

Như vậy, sử dụng PP đóng vai trong dạy học GDCD nói chung và trong GD ĐĐKD nói riêng sẽ giúp HS được rèn luyện, thực hành kĩ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trước khi thực hành trong thực tiễn. Hơn nữa, đây còn là PPDH khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của các em theo hướng tích cực, rèn luyện cho HS kĩ năng giải quyết vấn đề, chủ động xử lí tình huống trong thực tế, góp phần phát triển óc sáng tạo, thúc đẩy động cơ và hiệu quả học tập.

3.2.2.4. Phương pháp dạy học nêu vấn đề

PPDH giải quyết vấn đề (problem solving method) hay dạy học dựa trên vấn đề (problem based learning) hoặc dạy học đặt và giải quyết vấn đề (problem posingand solving) là phương pháp trong đó giáo viên đặt ra trước học sinh một (hay một hệ thống) vấn đề nhận thức, chuyển học sinh vào tình huống có vần đề, sau đó giáo viên phối hợp cùng với học sinh (hoặc hướng dẫn, điều khiển cho học sinh) giải quyết vấn đề, đi đến kết luận cần thiết của nội dung học tập.

Khi thực hiện PPDH nêu vấn đề, GV cần lưu ý đến các yêu cầu sau:

Thứ nhất, lựa chọn các kiểu dạy học nêu vấn đề ở mực độ khó dễ khác nhau phù hợp với trình độ nhận thức và khả năng giải quyết của HS.

Thứ hai, tình huống có vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với nội dung của bài học GDCD và kích thích được trí tò mò, ham hiểu biết và sự sáng tạo của HS.

Thứ ba, tình huống có vấn đề được tạo ra phải chứa đựng mâu thuẫn, phù hợp với nội dung bài học và tạo được sự hứng khởi trong tiếp nhận và giải quyết tình huống. Tình huống có vấn đề có thể được cả lớp giải quyết hoặc thông qua các nhóm học tập.

Thứ tư, khai thác được sự hỗ trợ của phương tiện, thiết bị dạy học nhằm tạo ra tính phong phú, đa dạng của tình huống.

Thứ năm, chú trọng đến tính độc lập, tự lực của HS trong quá trình tiếp nhận và giải quyết tình huống dưới sự hướng dẫn của GV.

Thực hiện phương pháp nêu vấn đề trong dạy học GDCD cần tuân thủ các bước sau:

Bước 1: Đặt vấn đề và chuyển người học vào tình huống có vấn đề

GV đưa ra một vấn đề hay một hệ thống thông qua các câu hỏi để HS nhận ra nhiệm vụ học tập của mình và cảm thấy cần phải tìm cách giải quyết, tìm câu trả lời cho những câu hỏi đó. GV nêu lên những chi tiết có liên quan đến vấn đề, những câu hỏi định hướng, gợi ý, làm cơ sở cho việc giải quyết vấn đề.

Ví dụ: Khi giảng về mặt hạn chế của cạnh tranh trong bài 4 –GDCD lớp 11, GV có thể đặt vấn đề: Trên thị trường, chúng ta quan sát thấy những hiện tượng làm hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tung tin làm hại uy tín của đối thủ... Những hiện tượng đó là tốt hay xấu? Có phù hợp với đạo đức kinh doanh không? Em giải thích như thế nào về các hiện tượng trên đây?

Bước 2: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề

Ở bước này, GV có thể trình bày một cách ngắn gọn, sát thực những yêu cầu đặt ra bằng hình thức thuyết trình hoặc nêu những giả thuyết, những câu hỏi dẫn dắt.

Chẳng hạn như để trả lời câu hỏi trong ví dụ ở bước 1, GV có thể dẫn HS bằng những hình ảnh có tính tái hiện. Có thể là: Vì sao có sự cạnh tranh trong sản

xuất và lưu thông hàng hoá? Mục đích của cạnh tranh là gì? Phải chăng là vì lợi nhuận hay còn là lý do nào khác? Làm thế nào để có cạnh tranh lành mạnh?

Bước 3: Kết luận vấn đề

Sau khi HS phân tích, thảo luận đưa ra các cách giải quyết, GV liệt kê tất cả các giải pháp. Từ đó, GV đánh giá kết quả các giải pháp (tích cực và hạn chế), so sánh các giải pháp để quyết định chọn giải pháp tốt nhất nhằm khơi gợi, đề xuất vấn đề mới.

Ví dụ: sau khi giải quyết vấn đề ở bước 2, GV có thể đặt ra câu hỏi: Tại sao người sản xuất và buôn bán hàng hóa cần phải có đạo đức kinh doanh? Em sẽ làm gì nếu thấy các hiện tượng vi phạm đạo đức kinh doanh?

3.2.2.5. Phương pháp thảo luận nhóm (PPTLN)

Theo tác giả Trần Thị Mai Phương: "Thảo luận nhóm là một PPDH, trong đó lớp học được chia thành các nhóm nhỏ để thành viên trong nhóm tích cực, chủ động nghiên cứu, thảo luận các nhiệm vụ học tập để đạt được mục tiêu học tập dưới sự hướng dẫn, điều khiển của GV" [93, tr47].

Việc vận dụng PPTLN sẽ giúp kiến thức của HS giảm bớt tính chủ quan, phiến diện và tăng tính khách quan khoa học. Nhờ không khí thảo luận cởi mở giúp HS thoải mái, tự tin hơn trong việc trình bày ý kiến của mình và biết lắng nghe có phê phán ý kiến của các thành viên khác. Qua đó, vốn hiểu biết và kinh nghiệm xã hội của HS thêm phong phú, kĩ năng giao tiếp, hợp tác của HS được bồi dưỡng và phát triển.

Thảo luận nhóm có thể tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: GV nêu chủ đề thảo luận, chia nhóm, phân công vị trí làm việc, giao câu hỏi, yêu cầu thảo luận cho mỗi nhóm và quy định thời gian.

Ví dụ: Trong bài 10 – GDCD lớp 10, khi giảng về Vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội, GV có thể đưa ra những trường hợp để HS thảo luận như sau:

+ Nhà anh A trồng rau bán. Để rau trông ngon và không bị sâu bệnh, cách vài ngày phải dùng thuốc 1 lần, ngay cả khi sắp thu hoạch nên thời gian cách ly không đảm bảo.

+Nhà bạn H bán trái cây. Nếu dùng thuốc do Trung Quốc sản xuất (không đảm bảo an toàn, đã được kết luận) thì chỉ mất 45.000đ để pha nước ngâm, bảo quản được 1 tấn hàng, nhưng nếu dùng thuốc của Việt Nam (đảm bảo an toàn, đã được kiểm định) thì chi phí phải là 200.000đ.

GV hỏi:Em nghĩ gì về những việc làm trên? Em có đồng ý với những việc làm đó không? Vì sao?

GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm.

Bước 2: Các nhóm tiến hành thảo luận.

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: GV tổng hợp các ý kiến, nhận xét và kết luận về cách giải quyết các trường hợp trên.

3.2.3. Biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT

3.2.3.1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về hoạt động sản xuất, kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh là một trong những hoạt động cơ bản và có vai trò rất quan trọng trong đời sống con người. Đây là quá trình tạo ra của cải vật chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là toàn bộ công tác tổ chức và quản lí trong lao động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động này chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế khách quan, trong quá trình phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường dưới sự quản lí vĩ mô của nhà nước theo định hướng XHCN. Trong sản xuất, kinh doanh thì các doanh nghiệp cần phải tuân thủ theo các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa như: quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Do vậy, biện pháp hướng dẫn HS tìm hiểu về những hoạt động sản xuất, kinh doanh là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Bởi vì, thông qua hoạt động này, HS nhận thức được về quy trình sản xuất, kinh doanh của các daonh nghiệp trong thực tiễn. Các em hiểu thêm là dưới tác động của các quy luật kinh tế như: quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu... thì các doanh nhân trong hoạt động kinh doanh của họ đã và đang

phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh. Các doanh nghiệp đã phải giải bài toán mâu thuẫn giữa lợi ích doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh như thế nào để tồn tại và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay?

Để thực hiện hoạt động này, GV có thể tổ chức các giờ học ngoại khóa, có thể liên hệ trực tiếp các cơ sở sản xuất, kinh doanh có uy tín, có đạo đức trên địa bàn để đưa HS tới tìm hiểu về quá trình sản xuất, kinh của từng doanh nghiệp, từng công ty.

GV cũng có thể đưa ra các yêu cầu để HS tìm hiểu qua sách báo, internet, tranh ảnh về các hoạt động sản xuất, kinh doanh để nhận biết về các hành vi sản xuất, kinh doanh có đạo đức hay vi phạm đạo đức kinh doanh.

Chẳng hạn: GV yêu cầu HS tìm hiểu hoạt động sản xuất, kinh doanh qua các phương tiện thông tin của tập đoàn viễn thông quân đội, tập đoàn xăng dầu Việt Nam, tập đoàn điện lực Việt Nam... HS biết nhận xét, đánh giá về phương thức hoạt động và đạo đức kinh doanh của các tập đoàn này bằng những câu hỏi gợi mở như sau:

Hãy trình bày những hiểu biết của em về tập đoàn viễn thông quân đội?Em có nhận xét gì về chất lượng dịch vụ của Viettel? Những biểu hiện về đạo đức kinh doanh của tập đoàn viễn thông quân đội? Em hãy rút ra bài học về việc kinh doanh có đạo đức làm nên thương hiệu như thế nào?

3.2.3.2. Hoạt động hướng dẫn HS tìm hiểu về thị trường

Thị trường xuất hiện và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá là ở đó có thị trường. Cơ sở của thị trường là sự phân công lao động và trao đổi hàng hoá.

Thị trường – nhân tố của quá trình tái sản xuất xã hội – nối liền sản xuất và tiêu dùng thông qua sự giao tiếp giữa các chủ thể tham gia thị trường gắn liền với các nhân tố cạnh tranh, hàng – tiền, cung – cầu và giá cả. Thông qua thị trường, các quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu... có tác động mạnh mẽ đến các chủ thể trong nền kinh tế. Đó cũng là nơi bộc lộ những vấn đề về đạo đức kinh doanh như: sự trung thực, chữ tín, thương hiệu sản phẩm, thái độ tôn trọng khách hàng và nhân viên như thế nào?...

Do vây, hoạt động GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thị trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS là rất cần thiết và rất có ý nghĩa thực tiễn. Tuy nhiên trong phân phối chương trình thì số tiết dành cho các tiết học ngoại khóa lại ít, chỉ có một tiết học trong một kì nên GV có thể hướng dẫn HS tự quan sát, tìm hiểu về thị trường dưới nhiều hình thức như: GV yêu cầu các em tự tìm hiểu về hoạt động của thị trường giản đơn như chợ, các tụ điểm mua bán, các cửa hàng tạp hóa… Nhận xét về chủng loại, mẫu mã, chất lượng và giá cả hàng hoá cũng như nguồn gốc các mặt hàng có bán tại các thị trường đó?

Hay GV cũng có thể đưa HS đến tìm hiểu các thị trường ở các siêu thị, các trung tâm bán hàng lớn để các em có thể so sánh trong cùng một sản phẩm có giá trị sử dụng như nhau thì giá cả, chất lượng và hình thức mẫu mã sản phẩm khác nhau như thế nào? Người tiêu dùng nên mua hàng ở đâu là đảm bảo và tránh được tình trạng làm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

Hoặc GV có thể đưa bài tập cho HS tìm hiểu thị trường về một mặt hàng cụ thể như thị trường rau, thị trường gạo, thịt lợn....ở đó có những biểu hiện gì của việc vi phạm đạo đức kinh doanh. Có những cửa hàng bán rau sạch, gạo sạch đã kinh doanh như thế nào? Hiệu ứng của khách hàng ra sao? từ đó rút ra được bài học về kinh doanh có đạo đức như thế nào?

Qua hướng dẫn HS tìm hiểu về thị trường, GV giúp HS hình thành kỹ năng và văn hoá trong tiêu dùng hướng đến những sản phẩm có chất lượng và an toàn, giá cả hợp lý, biết lên tiếng với những nơi bán sản phẩm kém chất lượng, vi phạm đạo đức kinh doanh.

3.2.3.3. Hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm là một trong những hoạt động được đề cập đến trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Đây là hoạt động giáo dục bắt buộc trong đó HS dựa trên sự huy động tổng hợp kiến thức và kĩ năng từ nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn trong đời sống, từ nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục. Qua đó, hình thành những phẩm chất chủ

yếu, năng lực chung và một số năng lực đặc thù như: năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực thích ứng với những biến động trong cuộc sống và các ký năng sống khác. HS học tập qua sự trải nghiệm sẽ gắn kết nhà trường với cuộc sống thực tiễn, tạo cơ hội học tập suốt đời cho HS, các em có cơ hội khám phá cuộc sống ngoài nhà trường, giải quyết các tình huống thực tiễn bằng chính kinh nghiệm của cá nhân mình.

Đối với môn GDCD, một trong những đặc trưng của môn học là mang tính khái quát, bao quát toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội và tính thực tiễn cao. Vì vậy, việc thực hiện hoạt động trải nghiệm trong giáo dục đạo đức kinh doanh là rất cần thiết và quan trọng. Điều này không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD mà còn giúp cho môn học GDCD trở nên sinh động, phong phú, giúp HS phát triển các năng lực như: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, mỗi hình thức hoạt động đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả GDĐĐKD trong dạy học GDCD, GV có thể tổ chức một số hoạt động trải nghiệm phù hợp với nội dung môn học như: hoạt động tham quan, dã ngoại; Tổ chức các hội thi – cuộc thi; Hoạt động giao lưu.

Hoạt động tham quan, dã ngoại: Với hoạt động tham quan, GV có thể căn cứ vào điều kiện từng địa phương mà tổ chức cho HS đến tham quan tại các cơ sở sản đồ gốm sứ, các cơ sở sản xuất gạch tuynel, các làng nghề thủ công truyền thống hay các cơ sở chế biến thuỷ sản, các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm... nhằm giúp các em nhận thức quá trình sản xuất ra một sản phẩm gồm những công đoạn nào? Và người làm nghề này phải có những đức tính cần thiết nào để sản xuất ra những sản phẩm ấy?

Tuỳ theo nội dung bài học mà GV tổ chức cho HS tham quan, tìm hiểu về những hình thức tổ chức kinh doanh khác nhau. Ở mỗi một hoạt động sau khi được đi tham quan, tìm hiểu thì GV cần yêu cầu HS phải viết báo cáo và đánh giá về hoạt động đã được tham gia.

Tham quan, dã ngoại là một hình thức tổ chức học tập thực tế hấp dẫn đối với HS. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong thực tế. Qua những hoạt động thực tiễn ấy học sinh sẽ nhận ra được nhiều bài học, giúp các em có được những kinh nghiệm thực tế để áp dụng vào cuộc sống của chính các em. HS ý thức được rằng trong bất cứ một hoạt động sản xuất kinh doanh nào dù là cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ hay lớn để phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kinh doanh từ việc chọn nguyên liệu đầu vào, các nguồn lực sản xuất, việc áp dụng khoa học công nghệ đến việc tìm đầu ra sản phẩm, giá cả, hình thức và chất lượng sản phẩm đều được nhà kinh doanh tính toán cẩn thận. Vì vậy việc làm ra một mặt hàng có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp và giá cả cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đôi khi làm cho các nhà sản xuất kinh doanh phải dở các chiêu trò, thủ đoạn để bịt mắt người tiêu dùng. Hành vi đó chính là vi phạm đạo đức kinh doanh. Vậy làm thế nào để sản xuất kinh doanh vừa có lợi nhuận lại vừa không vi phạm đạo đức kinh doanh?

Ngoài ra, GV có thể phối hợp cùng nhà trường tổ chức các hội thi – cuộc thi dưới nhiều hình thức khác nhau có nội dung về chủ đề GDĐĐKD như thi vẽ, thi viết, thi hiểu biết xã hội, thi đố vui, thi giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thi kể chuyện về những tấm gương kinh doanh có đạo đức. Việc tổ chức hội thi cho HS nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐKD trong dạy học GDCD là một yêu cầu quan trọng, cần thiết để giúp HS hứng thú và tích cực hơn trong học tập và trải nghiệm.

GV cũng có thể tổ chức hoạt động giao lưu như mời những chủ doanh nghiệp, giám đốc các công ty hay những nhân vật điển hình ngay tại địa phương nơi HS cư trú đến trường trò chuyện, trao đổi với HS. Qua buổi tiếp xúc, giao lưu đó giúp các em thấy được rằng đó là nhân vật có thực, họ đã lập nghiệp nhờ có ý chí và việc kinh doanh có đạo đức mà hiện nay họ rất thành công. Những nhân vật điển hình đó là tấm gương sáng để các em noi theo, giúp các em có động lực và có hoài bão làm giàu chân chính sau khi tốt nghiệp THPT.

Như vậy, từ những hoạt động thực tế, GV khéo léo lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh mà vẫn đảm bảo nguyên tắc gắn với nội dung bài học trong môn GDCD ở THPT.

3.2.4. Sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh

Khi sử dụng các PTDH thông dụng như SGK, tranh, ảnh, phiếu học tập, sơ đồ, bảng số liệu, âm thanh, phim... GV bộ môn phải nắm vững đặc điểm, yêu cầu, cách sử dụng đối với từng loại PTDH. Cần phải chuyển từ việc sử dụng PTDH chủ yếu để minh họa như hiện nay sang sử dụng để tổ chức các hoạt động học tập cho HS, qua đó một mặt khai thác sâu các PTDH, mặt khác giúp HS rèn luyện được nhiều kĩ năng cũng như phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các em trong quá trình học tập.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) ở trường THPT cần phải được coi là một xu thế tất yếu và sẽ góp phần nâng cao hiệu quả DH bộ môn. Những công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như thư điện tử, tin nhắn tức thời và các mạng xã hội như Facebook, Twitter, …, điện thoại di động và những ứng dụng tương tự nếu được khai thác, ứng dụng một phù hợp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT, góp phần làm cho việc tích hợp GDĐĐKD trở nên sinh động, dễ tìm thấy trên internet. Với việc sử dụng internet để khai thác thông tin, tư liệu cho phép GV và HS nhanh chóng tiếp cận nhiều nguồn tài liệu khác nhau trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của nguồn thông tin, tư liệu từ internet là tính xác thực và chính thống của thông tin. Vì vậy, GV phải thận trọng trong việc tiếp cận, chọn lọc các nguồn thông tin, đồng thời hướng dẫn HS tiếp cận các thông tin chính thống, tin cậy.

Việc kết nối qua công nghệ thông tin và truyền thông còn giúp cho GV nhanh chóng thu được thông tin phản hồi từ HS, gần gũi và nắm bắt được diễn biến tâm lý của người học, đa số HS tỏ ra tự tin, mạnh dạn hơn so với trao đổi trực tiếp ở trên lớp học.

Khi tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT để sử dụng các PTDH một cách hiệu quả, GV bộ môn cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Trong QTDH nên phối hợp nhiều PTDH khác nhau, không nên chỉ sử dụng một phương tiện DH nhất định, vì như thế sẽ tạo nên sự đơn điệu, nhàm chán và giảm hứng thú học tập của HS.

- Việc sử dụng PTDH phải đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra và phù hợp với đặc thù tri thức của bài học.

- Sử dụng PTDH cần thích ứng linh hoạt với ý đồ sử dụng PPDH

- Việc sử dụng PTDH phải tạo điều kiện, thúc đẩy HS hoạt động chủ động, tích cực hơn.

- Cần khuyến khích, động viên HS tham gia sưu tầm, thiết kế và chia sẻ cách sử dụng, tiện ích của các PTDH.

- Sử dụng PTDH phải đúng lúc, đúng chỗ, đủ cường độ, tránh sử dụng một cách lạm dụng.

- Sử dụng PTDH phải hướng đến sự tương tác nhiều hơn giữa GV với HS, giữa HS với HS ở cả trong và ngoài lớp học.

- Đảm bảo kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời nói, thao tác của GV với PTDH trong QTDH.

3.2.5. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Trong các biện pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh thì không thể bỏ qua biện pháp kiểm tra đánh giá. Bởi kiểm tra đánh giá được coi là thước đo điều chỉnh sự hợp lý cho các phương pháp dạy học. Vì vậy, biện pháp kiểm tra đánh giá rất cần được đổi mới để phù hợp với nội dung dạy học và phương pháp dạy học, có như vậy mới đánh giá chính xác mức độ nhận thức và vận dụng kiến thức của HS.

Kiểm tra, đánh giá sẽ góp phần quan trọng trong đổi mới phương pháp. Bởi kiểm tra, đánh giá không chỉ yêu cầu HS thuộc nội dung bài học, mà phải biết liên hệ với thực tiễn cuộc sống, biết vận dụng tri thức, kĩ năng đã được trang bị qua bài học và huy động kinh nghiệm sống của bản thân để giải quyết vấn đề, tình huống trong cuộc sống thực tế. Trên cơ sở đó, thúc đẩy HS tích cực rèn luyện theo yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức kinh doanh mà bài học đã đặt ra.

Để đảm bảo đánh giá KQHT của HS trong GDĐĐKD ở trường THPT, cần phải thực hiện một số biện pháp cụ thể sau đây:

Một là, dựa trên đặc trưng môn học cần sử dụng đa dạng các biện pháp kiểm tra, đánh giá như: kết hợp giữa đánh giá quá trình với đánh giá định kỳ, trong đó chú trọng vào đánh giá quá trình (kiểm tra miệng, 15 phút, mức độ tham gia thảo luận, phát

biểu xây dựng bài trên lớp); kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét đầy đủ, khách quan để khích lệ, động viên HS có động cơ, hứng thú hơn trong học tập; đánh giá bằng phương thức nói kết hợp với đánh giá qua hoạt động của các cá nhân với đánh giá hoạt động của nhóm...

Thực hiện GDĐĐKD trong dạy học GDCD ở trường THPT đòi hỏi việc đánh giá phải vì sự tiến bộ của HS và phải diễn ra trong toàn bộ QTDH. PP đánh giá càng đa dạng thì mức độ chính xác trong đánh giá càng cao.

Hai là, cần tuân thủ quy định xây dựng đề kiểm tra. Bất cứ đề kiểm tra, đánh giá dù áp dụng thường xuyên hay định kì, dù là 15 phút hay 45 phút đều được xây dựng theo một quy trình chặt chẽ. Quy trình đó bao gồm các bước: xác định mục đích và nội dung kiểm tra; xây dựng ma trận câu hỏi kiểm tra; biên soạn hướng dẫn chấm điểm và biểu điểm; thử nghiệm đề trong phạm vi hẹp; xử lí kết quả, điều chỉnh; áp dụng để cho kiểm tra chính thức. Nếu không tuân thủ quy trình có thể đề sẽ không kiểm tra được nội dung cơ bản nhất, sẽ quá dễ hoặc quá khó, dẫn đến không phản ánh được kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Cần ra đề có sự vận dụng sáng tạo, không học thuộc một cách trao đổi máy móc. Khi ra đề, GV lựa chọn các câu hỏi để phân loại đối tượng HS, đề cũng cần phù hợp với nhận thức của số đông HS trong lớp học GV nên tránh để học sinh có thể dựa vào sách mà nên để học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài.

Ví dụ:

1. Là người chủ sản xuất và kinh doanh mặt hàng điện thoại đang bán rất chạy trên thị trường, trong xã hội lại có rất nhiều người cùng tham gia kinh doanh mặt hàng này, em hãy vận dụng các kiến thức đã học để tìm cách chiến thắng trong cạnh tranh mà không vi phạm đạo đức kinh doanh?

2. Nước ta có nhiều sản phẩm nông nghiệp như ngô, mận, xoài, nhãn... nhưng cứ được mùa thì giá rất thấp. Vận dụng quy luật giá trị, nhóm em hãy tìm các lời giải cho bài toán này để chấm dứt hiện tượng được mùa – mất giá?

3. Em hãy trình bày những biểu hiện của cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh. Nếu biết các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, em sẽ làm gi?

4. Nếu em biết một cơ sở sản xuất bánh trung thu không đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, em sẽ làm gì? Vì sao và dựa vào đâu để em có thể làm như vậy?

5. Tố cáo một người bán hêrôin có phải là thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình không?

6. Nêu suy nghĩ của em về việc thực hiện nghĩa vụ (đặc biệt là nghĩa vụ bảo vệ môi trường) của các doanh nghiệp?

7. Nếu biết gia đình em có người thân đang kinh doanh những mặt hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, em sẽ có thái độ và hành động như thế nào?

Ngoài ra, GV có thể thực hiện KT, ĐG thông qua các hoạt động trải nghiệm vì tổ chức hoạt động trải nghiệm là hình thức dạy học hiệu quả rèn luyện KN/NL của HS, gắn lí luận với thực tiễn tại địa điểm học tập tham quan, thực tế.

Qua hoạt động trải nghiệm, căn cứ vào bài tập thu hoạch buổi học, GV có thể KT, ĐG được KN/NL của HS qua học tập trải nghiệm: Lập kế hoạch, sử dụng công nghệ, NL hợp tác, giải quyết vấn đề, NL giao tiếp; NL vận dụng kiến thức GDĐĐKD vào thực tiễn buổi học trải nghiệm. Qua đánh giá, GV có thể lấy một điểm bài KT thay cho điểm bài KT thường xuyên hoặc GV tích điểm thưởng cho cá nhân, nhóm khuyến khích HS tham gia tích cực học tập.

Kết luận chương 3

Giáo dục đạo đức kinh doanh là một việc làm thiết thực hiện nay của ngành giáo dục. Vấn đề này có thể thực hiện qua nhiều cách khác nhau, trong đó dạy học được xem là con đường phù hợp nhất để giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh THPT. Để thực hiện tích hợp giáo dục đức kinh doanh trong dạy học GDCD thì việc thực hiện các nguyên tắc, biện pháp giáo dục là hết sức cần thiết.

Trong chương này, tác giả đã đề xuất 4 nguyên tắc khi tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT bao gồm: phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học; phải thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lí luận với thực tiễn; đảm bảo tính vừa sức, phù hợp phù hợp với trình độ của học sinh, không ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung chính của môn GDCD; phải phát huy tính tích cực, chủ động và vốn

kinh nghiệm thực tế của HS. Để đảm bảo việc tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT có hiệu quả, GV bộ môn cần bám sát vào những nguyên tắc DH nói trên để lựa chọn, sử dụng các biện pháp sư phạm sao cho phù hợp.

Trên cơ sở các nguyên tắc DH đã được xác định ở trên, tác giả đề xuất các biện pháp: lựa chọn nội dung trong bài học GDCD để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh; sử dụng phương pháp kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐKD; biện pháp tổ chức hoạt động DH như hoạt động tìm hiểu về sản xuất kinh doanh, tìm hiểu thị trường, tham quan, thảo luận nhóm; sử dụng đa dạng các phương tiện DH và các biện pháp kiểm tra, đánh giá.

Các biện pháp nói trên sẽ được đưa vào, áp dụng đồng bộ trong quá trình TNSP. Kết quả TN sẽ là căn cứ để đánh giá tính khả thi, hiệu quả và mức độ phù hợp của các biện pháp tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT đã được đề xuất ở trên.

Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao người dạy phải có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ vững chắc không ngừng học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực và nhiệt huyết trong thực hiện đổi mới PPDH bộ môn. Người học cũng phải có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức kỉ luật, khoa học trong học tập và biết tự xây dựng cho mình phương pháp học tập phù hợp. Có như vậy, mới nâng cao được chất lượng dạy học môn GDCD ở các trường THPT.

Chương 4
THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Kế hoạch thực nghiệm sư phạm

4.1.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm

TN sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp GD ĐĐKD trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

4.1.2. Nguyên tắc tiến hành thực nghiệm sư phạm

Quá trình tiến hành thực nghiệm sư phạm phải tuân thủ các nguyên tắc:

Thứ nhất, về nội dung kiến thức. Phải đảm bảo chất lượng tri thức khoa học, khách quan, bám sát chương trình đào tạo và sách giáo khoa GDCD lớp 10, lớp 11, lớp 12 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thứ hai, về đối tượng thực nghiệm. Phải đảm bảo tính đa dạng của các trường thực nghiệm và chuẩn trình độ nghiệp vụ của các GV dạy thực nghiệm ở các trường THPT.

Thứ ba, về đánh giá kết quả thực nghiệm. Phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện và nhất quán trong quá trình đánh giá giữa hai nhóm lớp thực nghiệm và đối chứng.

4.1.3. Đối tượng thực nghiệm sư phạm

TN được thực hiện với 771 HS lớp 10,11,12 từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 5 năm 2017 tại các trường:

- Trường THPT Xuân Đỉnh, Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Trường THPT Minh Khai, Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Trường THPT Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
- Trường THPT chuyên Sơn La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
- Trường THPT Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
- Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng.
- Trường THPT Lý Thường Kiệt, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Trường THPT Nguyễn Chí Thanh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.
- Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.
- Trường THPT Hoàng Hoa Thám, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Trong năm học lựa chọn mỗi trường 2 lớp (1 lớp TN và 1 lớp ĐC). Ở học kỳ một, lựa chọn 10 lớp thuộc 5 trường (5 lớp TN với tổng số 192 HS và 5 lớp ĐC với tổng số 189 HS); Học kỳ hai cũng lựa chọn 10 lớp thuộc 5 trường (5 lớp TN với tổng số 195 HS và 5 lớp ĐC với tổng số 195 HS). Tổng số lớp TN và ĐC là 20 lớp (10 lớp TN và 10 lớp ĐC), tổng số HS tham gia ở các lớp TN là 387 HS, lớp ĐC là 384 HS.

Việc lựa chọn lớp TN và ĐC dựa trên kết quả khảo sát, KT nhận thức đầu vào của HS để làm căn cứ ĐG trình độ, năng lực, mức độ tích cực, chủ động của HS sau khi học xong mỗi chủ đề, nội dung bài học.

4.1.4. Giáo viên thực nghiệm sư phạm

GV dạy TN được đào tạo đúng chuyên ngành Giáo dục chính trị ở các trường Đại học Sư phạm, năng lực chuyên môn vững vàng (cả về kiến thức và nghiệp vụ chuyên ngành) có thâm niên giảng dạy từ 4 năm trở lên, có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm và nhiệt tình trong công việc, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, nhiệt tình ủng hộ và tích cực tham gia quá trình đổi mới PPDH ở trường THPT.

Bảng 4.1: Tên trường, lớp GV dạy TNSP

STT	Trường	Lớp	Sĩ số	GV dạy
1	Trường THPT Xuân Đỉnh	10D1 10D5	40 40	Lương Kim Lưu
2	Trường THPT Minh Khai	11A1 11A2	42 43	Phạm Thị Tố Nga
3	Trường THPT Chiềng Sơn	11 A 11B	41 41	Ngàn Văn Lanh
4	Trường THPT chuyên Sơn La	10 Địa 10 Hóa	30 29	Nguyễn Cao Dư
5	Trường THPT Thuận Châu	11A 11B	39 39	Cà Văn Học
6	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	10A6 10A7	45 45	Nguyễn Thị Chuyến

7	Trường THPT Lý Thường Kiệt	10A2 10A4	45 46	Lý Thị Hường
8	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	11A2 11A4	25 24	Nguyễn Thị Tính
9	Trường THPT chuyên Bình Long	10H4 10L4	35 35	Nguyễn Thị Mong
10	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	12C6 12C7	42 45	Quách Thị Hiền

4.1.5. Nội dung thực nghiệm sư phạm

Nội dung thực nghiệm bao gồm:

1/ Nghiên cứu nội dung thực nghiệm và lựa chọn đơn vị kiến thức.

2/ Lập kế hoạch bài giảng thực nghiệm sử dụng tổ hợp các phương pháp nhằm tích hợp có hiệu quả việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD cho HS và bài giảng đối chứng.

3/ Thiết kế bài giảng thực nghiệm và đối chứng. Tổ chức thực hiện thực nghiệm bài giảng nhằm tích hợp có hiệu quả việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD cho HS và bài giảng đối chứng tại các trường theo kế hoạch.

Do hạn chế về điều kiện và thời gian của luận án cũng như tiến trình hoạt động thực tế của nhà trường THPT, GV chỉ lựa chọn một số nội dung tiêu biểu để tích hợp GDĐĐKD trong dạy học môn GDCD ở THPT để dạy TN. Tiết dạy TN được tiến hành theo kế hoạch dạy học hiện hành ở các trường THPT.

Bảng 4.2. Nội dung dạy thực nghiệm

TT	Nội dung	Số tiết
1	**Bài 10: Quan niệm về đạo đức (SGK GDCD lớp 10)** 1.Quan niệm về đạo đức *a. Khái niệm về đạo đức* *b. Phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục, tập quán trong điều chỉnh hành vi của con người* 2. Vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia	01

	đình và xã hội. *a. Đối với cá nhân* *b. Đối với gia đình* *c. Đối với xã hội*	
2	**Bài 4: Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa (SGK GDCD lớp 11)** 1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh *a. Khái niệm cạnh tranh* *b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh* 2. Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh 3. Tính hai mặt của cạnh tranh *a. Mặt tích cực của cạnh tranh* *b. Mặt hạn chế của cạnh tranh*	01
3	**Bài 4: Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội (SGK GDCD lớp 12)** ***Tiết 2*** 2. Bình đẳng trong lao động *a. Thế nào là bình đẳng trong lao động?* *b. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động* *c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động*	01

Sau khi chọn được các bài thực nghiệm, tác giả tiến hành thiết kế giáo án môn GDCD lớp 10, lớp 11 và lớp 12 có sử dụng các biện pháp được đề xuất (phụ lục). Giáo án được thiết kế chi tiết để các GV dễ sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, trong đó phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề và thảo luận nhóm là chủ đạo. Trong thiết kế giáo án, có tính đến sự sáng tạo của GV trong quá trình tổ chức dạy học trên lớp và khả năng tiếp thu bài học, đặc thù của HS từng lớp, từng trường THPT trên các địa bàn khác nhau.

4.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm và quá trình chuẩn bị

4.2.1. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Trên cơ sở lý luận của luận án, tác giả đã lựa chọn một số bài học có nội dung kiến thức phù hợp để tiến hành thực nghiệm TN toàn phần các biện pháp đã đề xuất ở chương 3.

Trước khi dạy TN, GV kiểm tra mức độ nhận thức của lớp TN và lớp ĐC bằng bài kiểm tra 45 phút, lấy đó làm cơ sở dữ liệu so sánh với mức độ nhận thức của HS trước và sau khi dạy TN; lập kế hoạch DH, câu hỏi kiểm tra, trao đổi và lắng nghe ý kiến góp ý bổ sung của GV tham gia dạy TN về ý tưởng TN, về nội dung, về PP, HTTC DH và các phương tiện sử dụng DH; đồng thời cũng dự kiến tình huống có thể xảy ra trong QTDH và chuẩn bị sẵn các phương án để xử lý. Sau khi trao đổi thảo luận với các GV tham gia TN và những GV là cộng tác viên, tác giả đã chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch DH (giáo án), hệ thống câu hỏi kiểm tra và tiến hành dạy TN lần 1. Ở các lớp đối chứng, GV chủ động dạy theo giáo án tự soạn.

Sau khi dạy TN lần 1, chúng tôi tổ chức thảo luận rút kinh nghiệm, lấy ý kiến góp ý của GV và HS. Trên cơ sở kết quả thảo luận, ý kiến góp ý của GV và HS, đồng thời trên cơ sở quá trình dự giờ quan sát lớp học, tôi tiếp tục hoàn thiện kế hoạch DH, câu hỏi để tiến hành dạy TN lần 2. Sau khi kết thúc dạy TN lần 2, tác giả đã tập hợp kết quả kiểm tra của khối lớp TN và khối lớp ĐC, mời GV dạy TN và GV cộng tác thảo luận, đánh giá tính khả thi của các biện pháp sư phạm. Để đánh giá tính khả thi của các PPTN cần dựa trên hai cơ sở là:

Về định lượng, sau mỗi tiết dạy TN, GV cho HS làm bài kiểm tra 45 phút dưới dạng câu hỏi ngắn, câu hỏi trắc nghiệm kết hợp với tự luận để kiểm tra hiệu quả học tập của HS. Hệ thống câu hỏi kiểm tra và đáp án dành cho khối lớp TN và ĐC là như nhau.

Bài kiểm tra của HS được đánh giá theo mức độ nhận thức là nhận biết, thông hiểu và vận dụng . Kết quả được xử lý theo công thức thống kê toán học, sử dụng thang điểm 10 với 4 cấp độ: yếu kém (đạt điểm 0-4), trung bình (đạt điểm từ 5 – 6), khá, giỏi (đạt điểm từ 7 -8) và xuất sắc (đạt điểm từ 9 – 10).

Về định tính, tác giả cùng với các GV tham gia dạy TN, các GV tham gia cộng tác trong quá trình TN đã trực tiếp dạy, dự giờ các tiết dạy TN và ĐC để quan sát,

đánh giá chất lượng dạy học trên các mặt chủ yếu sau: Một số kĩ năng của HS đối với việc tích cực, chủ động, tự giác trong học tập, hứng thú, tìm hiểu bài; thái độ hợp tác trong học tập; sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động của HS tạo nên không khí lớp học sôi nổi.

4.2.2. Quá trình chuẩn bị thực nghiệm sư phạm

4.2.2.1. Chọn trường thực nghiệm

Tôi đã liên hệ với các GV ở các trường THPT trên địa bàn một số tỉnh như trường THPT Xuân Đỉnh (Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội), trường THPT Minh Khai (Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội), trường THPT chuyên Sơn La (Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La), trường THPT Thuận Châu (Huyện Thuận Châu, Sơn La), trường THPT Chiềng Sơn (huyện Mộc Châu – Sơn La), trường THPT chuyên Bình Long (thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước), trường THPT Nguyễn Chí Thanh (huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng), Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng), trường THPT Lý Thường Kiệt, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, trường THPT Hoàng Hoa Thám, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa làm nơi TN.

4.2.2.2. Chọn đối tượng thực nghiệm và đối chứng

Đối tượng TN và ĐC đều là HS lớp 10, lớp 11, lớp 12. Việc lựa chọn lớp TN và ĐC dựa trên kết quả khảo sát, kiểm tra năng lực đầu vào của HS để làm làm căn cứ đánh giá sự phát triển mức độ nhận thức về đạo đức kinh doanh và khả năng vận dụng, liên hệ thực tế của HS sau khi học xong mỗi chủ đề/bài học.

4.2.2.3. Chuẩn bị các điều kiện để thực nghiệm

Chuẩn bị phòng DH; phương tiện và thiết bị hỗ trợ DH, chương trình, tài liệu phục vụ cho dạy và học TN, kế hoạch DH (giáo án) các chủ đề, nội dung có thể tích hợp ĐĐKD; phòng họp rút kinh nghiệm.

4.2.2.4. Xây dựng thang đánh giá

Trong quá trình dạy TN, sau mỗi chủ đề/bài học, chúng tôi đều tiến hành đánh giá mức độ nhận thức của HS. Các tiêu chuẩn và điều kiện đánh giá đều được mô tả cụ thể và thông báo cho HS trước mỗi bài học. Thang đánh giá mức độ nhận thức của HS được xây dựng dựa trên bảng mô tả các thành tố, tiêu chí của NL đặc thù cần hình thành, phát triển cho HS trong GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT và mục tiêu, bảng mô tả mức độ yêu cầu NL cần đạt của HS sau khi học xong của chủ đề/bài học.

Bảng 4.3: Thang đánh giá mức độ nhận thức của HS khi tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT

TT	Mức NL	Điểm số	Đánh giá
	Mức 1 (M1)	0-4	Yếu, kém
	Mức 2 (M2)	5-6	Trung bình
	Mức 3 (M3)	7-8	Khá, giỏi
	Mức 4 (M4)	9-10	Xuất sắc

- Yếu, kém (0-4 điểm): HS không nhận thức, phân biệt được các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Không giải thích, đánh giá đúng các hiện tượng, hành vi đạo đức kinh doanh xảy ra trong cuộc sống. HS không nắm được nội dung bài học, lập luận thiếu chặt chẽ, có nhiều sai sót, hình thức trình bày lộn xộn, câu văn lủng củng.

- Trung bình (5-6 điểm): Hiểu, phân biệt được các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh thể hiện được (bày tỏ và kiềm chế) cảm xúc, thái độ của bản thân một cách phù hợp trước các hiện tượng, hành vi của đạo đức kinh doanh và có thể giải quyết được vấn đề do GV nêu ra nhưng cần có sự gợi ý, hướng dẫn của GV. HS biết lựa chọn, điều chỉnh cách thức ứng xử và bước đầu phát hiện được một số vấn đề đơn giản dưới sự gợi ý, hướng dẫn, nhắc nhở của GV. HS giải quyết được yêu cầu cơ bản của bài kiểm tra nhưng trình bày ở mức độ hời hợt, không chắc chắn, lập luận thiếu chặt chẽ.

- Khá, giỏi (7-8 điểm): HS chủ động phát hiện vấn đề với sự gợi ý của GV, biết vận dụng kiến thức đã học, kinh nghiệm, vốn sống để phân tích, xem xét vấn đề từ những khía cạnh khác nhau với sự gợi ý của GV; Chủ động đưa ra giải pháp, cách thức giải quyết phù hợp và điều chỉnh thái độ, hành vi một cách phù hợp với sự gợi ý của GV; HS giải quyết tương đối tốt yêu cầu cơ bản của bài kiểm tra, làm bài gần đúng với đáp án, có sai sót không đáng kể, lập luận tương đối rõ ràng, thể hiện tính độc lập sáng tạo của cá nhân trong quá trình nhận thức.

- Xuất sắc (9-10 điểm): HS chủ động ứng xử và GQVĐ phù hợp với các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh mà không cần có sự gợi ý, nhắc nhở; Chủ động đưa ra giải pháp, cách thức giải quyết phù hợp, hiệu quả và điều chỉnh cách ứng xử và thực hiện các hành vi đạo đức mà không cần tới sự gợi ý, nhắc nhở của người khác. HS giải

quyết yêu cầu của bài kiểm tra, bài làm đúng đáp án, không sai sót, lập luận chặt chẽ, thể hiện tính độc lập, sáng tạo của cá nhân trong quá trình lĩnh hội kiến thức.

Dựa vào thang đánh giá nêu trên chúng tôi đã xây dựng đáp án, biểu điểm cho bài kiểm tra sau TN. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng giá trị của nhiều tham số để so sánh kết quả học tập của HS nhóm TN và HS nhóm ĐC như điểm trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên và đại lượng kiểm định T.

4.2.2.5. Phương pháp xử lý kết quả thực nghiệm

Sau khi có số liệu, tác giả tổng hợp và xử lý kết quả theo PP thống kê toán học trong khoa học giáo dục. Chúng tôi đã tiến hành đo kiến thức, KN (bằng bài kiểm tra) và thái độ HS sau tác động (bằng bảng hỏi). Các dữ liệu thu thập được đã được chúng tôi nghiên cứu xử lí theo các thao tác của *phương pháp nghiên cứu tác động* (action research).

- Các kết luận về kết quả TN được đưa ra trên cơ sở phân tích các đại lượng sau:

Mode	Giá trị có tần suất xuất hiện cao nhất trong một tập hợp điểm số.
Median	Là điểm nằm ở vị trí giữa trong tập hợp điểm số theo thứ tự
Mean	Là giá trị trung bình cộng của các điểm số
Độ lệch chuẩn (SD):	Cho biết mức độ phân tán của các điểm số
Khoảng biến thiên (Range)	Đại lượng mô tả mức độ phân tán của dữ liệu
P (giá trị của phép kiểm chứng T- test)	Xác suất xảy ra ngẫu nhiên với các dữ liệu liên tục
p (giá trị của phép kiểm chứng khi bình phương)	Xác suất xảy ra ngẫu nhiên đối với các dữ liệu rời rạc
Hệ số biến thiên (CV)	Hệ số biến thiên là một đại lượng thống kê mô tả dùng để đo mức độ biến động tương đối của những tập hợp dữ liệu chưa phân tổ có giá trị bình quân khác nhau
ES	Mức độ ảnh hưởng của tác động

- Khi có số liệu, tác giả tổng hợp và xử lí kết quả theo phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục. Trình tự thực hiện:

1. Lập bảng phân phối tần số, tần suất và vẽ biểu đồ diễn biến tần số, tần suất từ bảng số liệu tương ứng.

2. Lập bảng so sánh kết quả đạt được của hai nhóm ĐC và TN, vẽ biểu đồ biểu diễn mức độ kết quả học tập của SV từ bảng tương ứng.

3. Tính các tham số đặc trưng: Điểm trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên, quy mô ảnh hưởng, phép kiểm chứng T- test độc lập.

Để thấy được kết quả ta dựa vào giá trị ES tính theo công thức và kết quả tác động theo bảng tiêu chí Cohen:

Giá trị ES	Ảnh hưởng
< 0.2	Rất nhỏ
0.2 - 0.49	Nhỏ
0.5 - 0.79	Trung bình
0.80 - 1.00	Lớn
> 1.00	Rất lớn

Các kết quả nghiên cứu được đánh giá qua các giáo án TN. Với số lượng mẫu TN và ĐC tương đương nhau để đánh giá đồng nhất: Nhóm mẫu TN là gồm các lớp 10,11,12; trong mỗi khối có HS ban tự nhiên, ban xã hội; nhóm mẫu ĐC cũng với số lượng tương đương TN và đặc điểm mẫu tương tự.

4.3. Tiến hành thực nghiệm sư phạm và đánh giá kết quả thực nghiệm

4.3.1. Thực nghiệm lần 1

Trong học kỳ 1 năm học 2016 -2017, tiến hành thực nghiệm đối với học sinh lớp 11 và lớp 12 ở các trường THPT Minh Khai, trường THPT Chiềng Sơn, trường THPT Thuận Châu, trường THPT Nguyễn Chí Thanh và trường THPT Hoàng Hoa Thám. GV dạy TNSP theo giáo án đã thiết kế trong giờ học bài 4: "Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa" (GDCD lớp 11) và bài 4, tiết 2: " Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội" (GDCD lớp 12).

4.3.1.1. Khảo sát năng lực đầu vào

Qua kết quả bài kiểm tra để đánh giá được trình độ nhận thức của HS giữa lớp thực nghiệm và đối chứng là bằng nhau, để việc thực nghiệm tác động các biện pháp mà luận án đề xuất khách quan và đem lại kết quả như mong muốn. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 4.4:

Bảng 4.4: Phân phối tần số điểm đánh giá đầu vào của HS nhóm lớp ĐC và TN khi chưa có tác động sư phạm trong TN lần 1

Khối lớp	**ĐC**			**TN**		
Điểm	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**
0	0	0	0.00	0	0	0.00
1	0	0	0.00	0	0	0.00
2	0	0	0.00	0	0	0.00
3	5	15	2.65	6	18	3.13
4	11	44	5.82	13	52	6.77
5	55	275	29.10	56	280	29.16
6	61	366	32.28	64	384	33.33
7	38	266	20.10	36	252	18.75
8	17	136	8.99	16	128	8.33
9	2	18	1.06	1	9	0.53
10	0	0	0.00	0	0	0.00
Tổng số	**189**	**1120**	**100**	**192**	**1123**	**100**

Hình 4.1: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra đầu vào của lớp TN và ĐC (TN lần 1)

Bảng 4.5. Mức độ nhận thức của HS hai nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm

Nhóm	Tổng số bài	Mức độ (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
ĐC	189	8.47	61.38	29.09	1.06
TN	192	9.90	62.49	27.08	0.53

Hình 4.2: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm (TN lần 1)

Dựa vào bảng 4.5 có thể nhận thấy kết quả đánh giá HS trước khi có tác động sư phạm như sau:

Căn cứ vào các số liệu trên cho thấy: không có sự khác biệt lớn về điểm số giữa nhóm lớp ĐC và nhóm lớp TN. Tỷ lệ HS đạt mức 1 đều có ở cả hai nhóm lớp (ĐC là 8.47%, TN là 9.90%), tỷ lệ HS đạt mức 2 ở cả hai nhóm lớp không có sự khác biệt lớn (ĐC là 61.38%, TN là 62.49%), tỷ lệ HS đạt mức 3 ở cả hai nhóm lớp ngang nhau (ĐC là 29.09%, TN là 27.08%), HS đạt mức 4 có xuất hiện nhưng chiếm tỷ lệ thấp (ĐC là 1.06%, TN là 0.53%). Giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất ở cả 2 nhóm là mod = 6, điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm là 6.

Từ số liệu bảng 4.4, tính được kết quả các tham số đặc trưng như sau:

Bảng 4.6. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra đánh giá đầu vào của HS nhóm ĐC và HS nhóm TN

Tham số đặc trưng	**ĐC**	**TN**
Trung bình mẫu ($\overline{x}$)	5.93	5.85
Sai số tiêu chuẩn (m)	0.09	0.09
Độ lệch chuẩn (S)	1.19	1.18
Hệ số biến thiên CV (%)	20.11	20.20
Giá trị chênh lệch	0.11	

Kết quả bảng 4.6 cho biết:

- Điểm trung bình trung ở lớp ĐC là 5.93 điểm, lớp TN là 5.85. Như vậy, kết quả thu được từ bài kiểm tra của lớp ĐC cao hơn lớp TN là 0.08 điểm.

- Độ lệch chuẩn ở lớp ĐC và lớp TN lần lượt là 1.19 và 1.18; cho thấy số liệu tập trung, ít phân tán.

- Hệ số biến thiên điểm của lớp TN (20.20) cao hơn lớp ĐC (20.11), nằm trong khoảng dao động trung bình nên kết quả bài kiểm tra đầu vào là đáng tin cậy.

Như vậy, qua kết quả khảo sát đầu vào của hai khối lớp ĐC và TN cho thấy mức độ nhận thức của HS trước khi có tác động sư phạm là tương đương nhau, đây là cơ sở khách quan để đánh giá kết quả TN sau này.

4.3.1.2. Kết quả thực nghiệm lần 1

- Kết quả bài kiểm tra số 1

Viêc tiến hành TN lần 1 vào học kỳ 1 năm học 2016-2017. Sau khi kết thúc dạy TN chủ đề thứ nhất, chúng tôi đánh giá mức độ nhận thức của HS ở cả hai nhóm TN và ĐC qua bài kiểm tra số 1 và kết quả thu được như sau:

Bảng 4.7: Phân phối tần số điểm đánh giá mức độ nhận thức của HS nhóm lớp ĐC và TN qua bài kiểm tra số 1 trong TN lần 1

Khối lớp	**ĐC**			**TN**		
Điểm	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**
0	0	0	0.00	0	0	0.00
1	0	0	0.00	0	0	0.00
2	0	0	0.00	0	0	0.00
3	2	6	1.06	0	0	0.00
4	8	32	4.23	2	8	1.04
5	59	295	31.22	35	175	18.23
6	61	366	32.27	40	240	20.83
7	33	231	17.46	63	441	32.81
8	25	200	13.23	42	336	21.88
9	1	9	0.53	10	90	5.20
10	0	0	0.00	0	0	0.00
Tổng số	**189**	**1139**	**100**	**192**	**1290**	**100**

Hình 4.3: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 1 của lớp TN và ĐC

Bảng 4.8: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm ĐC và TN qua kết quả bài kiểm tra số 1 trong TN lần 1

Nhóm	Tổng số bài	Mức độ (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
ĐC	189	5.29	63.49	30.69	0.53
TN	192	1.04	39.07	54.69	5.20

Hình 4.4: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 1 (TN lần 1)

Số liệu tổng hợp tại bảng 4.7, 4.8 và biểu đồ 4.3, 4.4 chỉ ra sự khác biệt về NL của HS nhóm ĐC và HS nhóm TN sau khi tiến hành dạy TN chủ đề số 1, cụ thể:

+ Tỷ lệ HS đạt mức 1 (<5): nhóm lớp TN chiếm 1.04%, nhóm lớp ĐC chiếm 5.29%.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5-6): nhóm lớp TN chiếm 39.07%, nhóm lớp ĐC chiếm 63.49%.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 3 (điểm7-8): nhóm lớp TN chiếm 54.69% trong khi nhóm lớp ĐC chỉ đạt 30.69%.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9-10): nhóm lớp TN chiếm 5.20%, nhóm lớp ĐC chỉ đạt 0.53%.

- So sánh dữ liệu liên tục:

Từ kết quả bài kiểm tra ở bảng 4.6 tính được các tham số đặc trưng sau:

Bảng 4.9. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 1 trong TN lần 1

Tham số đặc trưng	**ĐC**	**TN**
Trung bình mẫu ($\bar{x}$)	6.03	6.72
Sai số tiêu chuẩn (m)	0.08	0.08
Độ lệch chuẩn (S)	1.16	1.18
Hệ số biến thiên CV (%)	19.17	17.53
Quy mô ảnh hưởng (ES)	0.6	
Giá trị t_d	5.79	
Giá trị chênh lệch	0.69	

Các tham số ở bảng 4.9 cho biết:

- Hệ số biến thiên điểm của lớp TN (17.53) thấp hơn lớp ĐC (19.17) và nằm trong khoảng dao động trung bình, điều này cho thấy kết quả TN là đáng tin cậy.

- Xét về cơ cấu điểm: lớp TN cao hơn lớp ĐC, giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất của lớp TN là mod = 7, lớp ĐC là mod = 6 nên điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm của lớp TN là điểm 7, lớp ĐC là điểm 6.

- Độ lệch chuẩn của nhóm lớp ĐC là 1.16 và nhóm lớp TN là 1.18, chênh lệch thấp cho thấy số liệu tập trung, ít phân tán.

- Điểm trung bình của lớp TN là 6.72 trong khi lớp ĐC là 6.03. Do đó, giá trị chênh lệch điểm trung bình của 2 nhóm TN và ĐC là 0.69 cho thấy sự khác biệt giữa nhóm lớp TN và nhóm lớp ĐC.

- Kết quả ở trên cho thấy việc áp dụng các biện pháp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT đã mang lại hiệu quả rõ rệt đối với nhóm lớp TN. Để biết mức độ ảnh hưởng do tác động của các biện pháp nói trên là lớn hay nhỏ, chúng tôi đã xem xét quy mô ảnh hưởng (ES). Căn cứ vào giá trị điểm trung bình của nhóm lớp TN và ĐC cùng với độ lệch chuẩn, chúng tôi tính được giá trị ES = 0.6, đối chiếu vào bảng Cohen cho thấy quy mô ảnh hưởng của quy trình và các biện pháp tác động đạt mức trung bình (nằm trong khoảng từ 0.50 – 0.79).

Kết quả bài kiểm tra số 1 cho thấy, sau khi dạy TN chủ đề thứ nhất, độ chênh lệch điểm giữa 2 nhóm lớp đã xuất hiện. Tra bảng Cohen cho thấy mức độ tác động sư phạm trong dạy TN chủ đề thứ nhất mới đạt mức độ trung bình. Đây là cơ sở cho chúng tôi tiến hành dạy TN chủ đề thứ hai.

- Kết quả bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1

Trên cơ sở phân tích kết quả đạt được của bài kiểm tra số 1 chúng tôi trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong QTDH chủ đề thứ nhất. GV tiếp tục tổ chức dạy TN chủ đề thứ hai cùng với các biện pháp tương tự như đã áp dụng ở chủ đề trước đó. Sau khi kết thúc dạy TN chủ đề thứ hai, khi đánh giá kết quả học tập của HS ở cả hai nhóm lớp TN và ĐC qua bài kiểm tra số 2 và kết quả thu được như sau:

Bảng 4.10: Phân phối tần số điểm đánh giá mức độ nhận thức HS qua bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1

Khối lớp	ĐC			TN		
Điểm	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**
0	0	0	0.00	0	0	0.00
1	0	0	0.00	0	0	0.00
2	0	0	0.00	0	0	0.00
3	0	0	0.00	0	0	0.00
4	7	28	3.70	0	0	0.00
5	56	280	29.63	22	110	11.45
6	65	390	34.39	33	198	17.19
7	36	252	19.05	57	399	29.69
8	22	176	11.64	61	472	31.77
9	3	27	1.59	19	171	9.89
10	0	0	0.00	0	0	0.00
Tổng số	***189***	***1153***	***100***	***192***	***1350***	***100***

Hình 4.5: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 2 của lớp TN và ĐC

Bảng 4.11: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm qua kết quả bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1

Nhóm	Tổng số bài	Mức độ (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
ĐC	189	3.70	64.02	30.69	1.59
TN	192	0.00	28.64	61.46	9.89

Hình 4.6: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 2 (TN lần 1)

Số liệu tổng hợp tại bảng 4.10, 4.11 và biểu đồ 4.5, 4.6 biểu diễn tần suất xuất hiện các loại điểm và mức độ nhận thức của HS nhóm lớp TN và nhóm lớp ĐC đã cho thấy các giá trị đạt được sau khi dạy TN chủ đề thứ 2 khác biệt nhiều so với chủ đề thứ nhất; trong đó các giá trị tích cực thiên về lớp TN, cụ thể:

+ Về tỷ lệ HS đạt mức 1(điểm <5): ở lớp TN không có HS nào nằm ở mức 1 trong khi ở nhóm lớp ĐC vẫn có 3.70% HS bị đánh giá ở mức 1.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5-6) ở lớp TN giảm còn 28.64%; trong khi đó, ở nhóm lớp ĐC tỷ lệ này vẫn khá cao là 64.02% cao gấp hơn 2 lần so với nhóm lớp TN.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 3 (7-8) ở lớp TN chiếm tỷ lệ khá cao là 61.46%, trong khi đó, nhóm lớp ĐC chỉ đạt 30.69%.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9-10) ở nhóm lớp TN đã tăng lên 9.89%. Ở nhóm lớp ĐC điểm giỏi đã tăng so với bài kiểm tra số 1 nhưng mới chỉ đạt 1.59%.

- So sánh dữ liệu liên tục: Từ kết quả của bài kiểm tra số 2 ở bảng 4.10, áp dụng công thức tính các tham số đặc trưng cho kết quả như sau:

Bảng 4.12. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 2 trong TN lần 1

Tham số đặc trưng	**ĐC**	**TN**
Trung bình mẫu ($\bar{x}$)	6.1	7.11
Sai số tiêu chuẩn (m)	0.08	0.08
Độ lệch chuẩn (S)	1.11	1.16
Hệ số biến thiên CV (%)	18.25	16.26
Quy mô ảnh hưởng (ES)	0.84	
Giá trị t_d	8.72	
Giá trị chênh lệch	0.93	

Các tham số ở bảng 4.12 cho biết:

+ Hệ số biến thiên điểm của nhóm lớp TN (16.26) thấp hơn nhóm lớp ĐC (18.25) và nằm trong khoảng dao động trung bình, điều này cho thấy kết quả TN là đáng tin cậy.

+ Xét về cơ cấu điểm: lớp TN cao hơn lớp ĐC, giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất của lớp TN là mod = 8, lớp ĐC là mod = 6 do đó điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm của nhóm lớp TN là 8, nhóm lớp ĐC là 6.

+ Độ lệch chuẩn của nhóm lớp TN là 1.16 và nhóm lớp ĐC là 1.11, độ chênh lệch thấp cho thấy số liệu tập trung, ít phân tán.

+ Điểm trung bình của lớp TN là 7.11 còn lớp ĐC là 6.1. Do đó, giá trị chênh lệch điểm trung bình của 2 nhóm là 1.01 phản ánh sự khác biệt lớn giữa lớp TN và lớp ĐC. So với kết quả dạy TN chủ đề thứ nhất, điểm trung bình HS đạt được từ kết quả dạy TN chủ đề thứ hai đã tăng thêm 0.39 điểm nên giá trị chênh lệch giữa hai

nhóm lớp đạt tới 1.01 điểm. Kết quả này đạt được là nhờ những kinh nghiệm rút ra từ quá trình dạy TN chủ đề trước đó.

+ Với giá trị ES = 0.84, đối chiếu với bảng Cohen chúng ta thấy quy mô ảnh hưởng của quy trình và các biện pháp tác động đạt mức lớn (nằm trong khoảng từ 0.80 – 1.00).

Kết quả bài kiểm tra số 2 cho thấy, sau khi dạy TN chủ đề thứ hai, độ chênh lệch điểm giữa 2 nhóm lớp tiếp tục tăng lên. Tra bảng Cohen cho thấy mức độ tác động sư phạm trong dạy TN chủ đề thứ hai đạt mức lớn. Những kết quả nói trên đã góp phần khẳng định các biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD ở trường THPT đã mang lại hiệu quả tích cực.

- *Kiểm định sự tương quan giá trị trung bình của cùng nhóm nghiên cứu*

Trong TN lần 1, GV cho HS làm 2 bài kiểm tra (bài kiểm tra số 1 thực hiện sau khi dạy chủ đề thứ nhất và bài kiểm tra số 2 thực hiện sau khi dạy chủ đề thứ hai). Để xác định mức độ tương quan giữa hai tập hợp điểm của hai bài kiểm tra được thực hiện bởi cùng một nhóm, cụ thể là kết quả của bài kiểm tra số 2 có phụ thuộc vào kết quả của bài kiểm tra số 1 hay không, trên cơ sở tập hợp, so sánh điểm của từng HS qua hai bài kiểm tra với việc áp dụng công thức tính hệ số tương quan pearson (r). Kết quả thu được r của nhóm lớp TN qua hai bài kiểm tra trong TN lần 1 = 0.54. Đối chiếu với Bảng Hopkins ta thấy hệ số tương quan (r = 0.54) nằm trong mức độ tương quan lớn (0.5 - 0.7). Từ đó có thể kết luận: có sự tương quan chặt chẽ giữa bài kiểm tra số 1 và bài kiểm tra số 2. Nói cách khác, nếu HS làm tốt bài kiểm tra số 1 sẽ làm tốt bài kiểm tra số 2, điều này chứng tỏ các biện pháp sư phạm áp dụng trong TN lần 1 là khả thi.

4.3.2. Thực nghiệm lần 2

Trong học kỳ 2 năm học 2016-2017), chúng tôi tiếp tục tổ chức thực nghiệm lần 2 là những HS lớp 10 ở các trường THPT Xuân Đỉnh, trường THPT chuyên Sơn La, trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, trường THPT Lý Thường Kiệt và trường THPT chuyên Bình Long. GV dạy TNSP theo giáo án đã thiết kế trong giờ học bài

10: "Quan niệm về đạo đức" (GDCD lớp 10). Quy trình thực hiện như đã làm ở TNSP lần 1.

4.3.2.1. Khảo sát năng lực đầu vào

Trước khi tiến hành TN lần 2 chúng tôi tiếp tục khảo sát mức độ nhận thức đầu vào của HS hai nhóm ĐC và TN. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 4.13.

Bảng 4.13. Phân phối tần số điểm đánh giá đầu vào của HS nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm trong TN lần 2

Khối lớp	**ĐC**			**TN**		
Điểm	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**
0	0	0	0.00	0	0	0.00
1	0	0	0.00	0	0	0.00
2	0	0	0.00	0	0	0.00
3	4	12	2.05	5	15	2.56
4	12	48	6.15	14	56	7.18
5	59	295	30.26	55	275	28.21
6	57	342	29.24	62	372	31.80
7	37	259	18.97	36	252	18.46
8	24	192	12.31	22	176	11.28
9	2	18	1.02	1	9	0.51
10	0	0	0.00	0	0	0.00
Tổng số	***195***	***1166***	***100***	***195***	***1155***	***100***

Hình 4.7: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra đầu vào của lớp TN và ĐC (TN lần 2)

Bảng 4.14: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm trong TN lần 2

Nhóm	Tổng số bài	Mức độ (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
ĐC	195	8.20	59.50	31.28	1.02
TN	195	9.74	60.01	29.74	0.51

Hình 4.8: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC khi chưa có tác động sư phạm (TN lần 2)

Căn cứ vào các bảng số liệu trên cho thấy: điểm số giữa hai nhóm lớn TN và ĐC là tương đương nhau. Tỷ lệ HS đạt mức 1 đều có ở cả hai nhóm lớp (TN là 9.74% và ĐC là 8.20%), tỷ lệ HS đạt mức 2 ở cả hai nhóm lớp không có sự khác biệt (TN là 60.01% và ĐC là 59.50%), tỷ lệ HS đạt mức 3 ở cả hai nhóm lớp ngang nhau (TN là 29.74%, ĐC là 31.29%), số HS đạt mức 4 có xuất hiện nhưng chiếm tỷ lệ thấp (TN là 0.51%, ĐC là 1.02%). Giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất ở cả 2 nhóm là mod = 6, điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm là 6.

Từ số liệu bảng 4.13, tính được kết quả các tham số đặc trưng như sau:

Bảng 4.15. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra đánh giá đầu vào của HS nhóm ĐC và HS nhóm TN trong TN lần 2

Tham số đặc trưng	**ĐC**	**TN**
Trung bình mẫu ($\bar{x}$)	5.98	5.92
Sai số tiêu chuẩn (m)	0.09	0.09
Độ lệch chuẩn (S)	1.23	1.22
Hệ số biến thiên CV (%)	20.57	20.60
Giá trị chênh lệch	0.06	

Kết quả bảng 4.15 cho thấy:

+ Điểm trung bình trung ở lớp ĐC là 5.98 điểm, lớp TN là 5.92. Giá trị chênh lệch điểm trung bình giữa nhóm lớp ĐC và nhóm lớp TN là 0.06 thể hiện NL đầu vào của HS 2 nhóm là tương đương nhau.

+ Độ lệch chuẩn ở nhóm lớp ĐC là 1.23 và nhóm lớp TN là 1.22; độ chênh lệch ít cho thấy số liệu tập trung, ít phân tán.

+ Hệ số biến thiên điểm của nhóm lớp TN (20.6) và của nhóm lớp ĐC (20.57) gần tương đương nhau và nằm trong khoảng dao động trung bình nên kết quả bài kiểm tra đầu vào là đáng tin cậy.

Như vậy, qua kết quả khảo sát đầu vào của hai nhóm lớp ĐC và TN cho thấy mức độ nhận thức của HS trước khi có tác động sư phạm trong TN lần 2 là tương đương nhau, đây là cơ sở khách quan để chúng tôi đánh giá kết quả TN lần 2.

4.3.2.2. Kết quả thực nghiệm lần 2

- Kết quả bài kiểm tra số 1

Giống lần TN 1, sau khi kết thúc dạy TN chủ đề thứ nhất, GV tiến hành đánh giá mức độ nhận thức của HS ở cả hai nhóm TN và ĐC qua bài kiểm tra số 1 và kết quả thu được như sau:

Bảng 4.16: Phân phối tần số điểm đánh giá HS qua bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2

Khối lớp	**ĐC**			**TN**		
Điểm	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**
0	0	0	0.00	0	0	0.00
1	0	0	0.00	0	0	0.00
2	0	0	0.00	0	0	0.00
3	2	6	1.03	0	0	0.00
4	9	36	4.61	2	8	1.03
5	60	300	30.77	36	180	18.46
6	58	348	29.74	39	234	20.00
7	35	245	17.95	63	441	32.31
8	28	224	14.36	44	352	22.56
9	3	27	1.54	11	99	5.64
10	0	0	0.00	0	0	0.00
Tổng số	***195***	***1186***	***100.00***	***195***	***1314***	***100***

Hình 4.9: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 1 của lớp TN và ĐC trong TN lần 2

Bảng 4.17: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm ĐC và TN qua kết quả bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2

Nhóm	Tổng số bài	Mức độ (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
ĐC	195	5.64	60.51	32.31	1.54
TN	195	1.03	38.46	54.87	5.64

Hình 4.10: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 1 (TN lần 2)

Qua số liệu tổng hợp trên đã chỉ ra sự khác biệt về mức điểm của HS nhóm ĐC và HS nhóm TN sau khi tiến hành dạy TN chủ đề số 1 (trong TN lần 2), cụ thể:

+ Tỷ lệ HS bị đánh giá ở mức 1 (<5) ở nhóm lớp ĐC là 5.64% trong khi ở nhóm lớp TN là 1.03%. Như vậy, mặc dù đã giảm nhiều so với bài kiểm tra đầu vào nhưng tỷ lệ HS ở mức 1 của nhóm lớp ĐC vẫn cao hơn 5 lần lần so với nhóm lớp TN.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5.6): ở nhóm lớp lớp ĐC chiếm 60.51% trong khi ở nhóm lớp TN chiếm 38.46%.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 3 (điểm7.8): ở nhóm lớp ĐC là 32.31%, còn ở nhóm lớp TN chiếm 54.87%

+ Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9,10): ở nhóm lớp ĐC có tăng lên so với bài kiểm tra đầu vào nhưng không đáng kể là 1.54%, còn ở nhóm lớp TN là 5.64%.

- So sánh dữ liệu liên tục: Từ số liệu ở bảng 4.16 tính được các tham số đặc trưng như sau:

Bảng 4.18. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2

Tham số đặc trưng	**ĐC**	**TN**
Trung bình mẫu ($\overline{x}$)	6.08	6.74
Sai số tiêu chuẩn (m)	0.09	0.08
Độ lệch chuẩn (S)	1.22	1.19
Hệ số biến thiên CV (%)	20.07	17.66
Quy mô ảnh hưởng (ES)	0.54	
Giá trị t_d	5.38	
Giá trị chênh lệch	0.66	

Kết quả ở bảng 4.18 cho biết:

- Hệ số biến thiên điểm của lớp TN (17.66) thấp hơn lớp ĐC (20.07) và nằm trong khoảng dao động trung bình, điều này cho thấy kết quả TN là đáng tin cậy.

- Xét về cơ cấu điểm: lớp TN cao hơn lớp ĐC, giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất của lớp TN là mod = 7, lớp ĐC là mod = 5 nên điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm của lớp TN là điểm 7, lớp ĐC là điểm 6.

- Độ lệch chuẩn của nhóm lớp ĐC và nhóm lớp TN lần lượt là 1.22 và 1.19, cho thấy số liệu tập trung, ít phân tán.

- Điểm trung bình của lớp TN là 6.74 trong khi lớp ĐC là 6.08. Do đó, giá trị chênh lệch điểm trung bình của 2 nhóm TN và ĐC là 0.66, điều này cho thấy sự khác biệt giữa nhóm lớp TN và nhóm lớp ĐC.

- Kết quả ở trên cho thấy việc áp dụng các biện pháp sư phạm được đề xuất trong luận án đã mang lại hiệu quả rõ rệt đối với nhóm lớp TN. Để biết mức độ ảnh hưởng do tác động của quy trình và các biện pháp nói trên là lớn hay nhỏ, chúng tôi đã xem xét quy mô ảnh hưởng (ES). Căn cứ vào giá trị điểm trung bình của nhóm lớp TN và ĐC cùng với độ lệch chuẩn, chúng tôi tính được giá trị ES = 0.54, đối chiếu với bảng Cohen cho thấy quy mô ảnh hưởng của quy trình và các biện pháp tác động đạt mức trung bình (nằm trong khoảng từ 0.50 – 0.79).

Kết quả bài kiểm tra số 1 trong TN lần 2 cho thấy, sau khi dạy TN chủ đề thứ nhất, độ chênh lệch điểm giữa 2 nhóm lớp đã xuất hiện. Dựa vào bảng Cohen cho thấy mức độ tác động sư phạm trong dạy TN chủ đề thứ nhất mới đạt mức độ trung bình.

- Kết quả bài kiểm tra thứ 2 trong thực nghiệm lần 2

Trên cơ sở trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong QTDH chủ đề thứ nhất, GV tiếp tục tổ chức dạy TN chủ đề thứ hai cùng với các biện pháp sư phạm tương tự như đã áp dụng ở các lần dạy TN trước đó. Sau khi kết thúc dạy TN chủ đề thứ hai, tiếp tục tiến hành đánh giá KQHT của HS ở cả hai nhóm TN và ĐC qua bài kiểm tra số 2 và kết quả thu được như sau:

Bảng 4.19: Phân phối tần số điểm đánh giá mức độ nhận thức của HS qua bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2

Khối lớp	**ĐC**			**TN**		
Điểm	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**	**Tần số xuất hiện**	**Tổng số điểm**	**%**
0	0	0	0.00	0	0	0.00
1	0	0	0.00	0	0	0.00

2	0	0	0.00	0	0	0.00
3	0	0	0.00	0	0	0.00
4	7	28	3.59	0	0	0.00
5	53	265	27.18	24	120	12.31
6	62	372	31.79	31	186	15.90
7	38	266	19.49	59	413	30.26
8	31	248	15.90	63	504	32.31
9	4	36	2.05	16	144	8.20
10	0	0	0.00	2	20	1.02
Tổng số	***195***	***1215***	***100.00***	***195***	***1387***	***100***

Hình 4.11: Biểu đồ tần suất (%) biểu diễn phân loại kết quả bài kiểm tra số 2 của lớp TN và ĐC trong TN lần 2

Bảng 4.20: Mức độ nhận thức của HS hai nhóm qua kết quả bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2

Nhóm	**Tổng số bài**	**Mức độ (%)**			
		Mức 1	**Mức 2**	**Mức 3**	**Mức 4**
ĐC	195	3.59	58.97	35.39	2.05
TN	195	0.00	28.21	62.57	9.22

Hình 4.12: Biểu đồ biểu diễn các mức độ nhận thức của HS nhóm TN và ĐC qua kết quả bài kiểm tra số 2 (TN lần 2)

Qua các bảng số liệu trên cho thấy các giá trị đạt được sau khi dạy TN chủ đề thứ 2 khác biệt nhiều so với chủ đề thứ nhất; trong đó các giá trị tích cực thiên về lớp TN, cụ thể:

+ Ở nhóm lớp ĐC vẫn có 3.59% HS bị đánh giá ở mức 1(điểm <5), tuy đã giảm 2.05% so với tỷ lệ 5.64% trong bài kiểm tra số 1, nhóm TN không có HS nào bị đánh giá ở mức 1.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5-6): ở nhóm lớp ĐC tỷ lệ này chiếm 58.97 %, chỉ giảm 0.54 % so với kết quả bài kiểm tra số 1 trước đó, traong khi ở lớp TN giảm 10.25% so với kết quả bài kiểm tra số 1, còn 28.21%.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 3 (điểm 7-8): nhóm lớp ĐC chỉ đạt 35.39%, tăng 3.08% so với kết quả bài kiểm tra số 1, còn ở lớp TN chiếm 62.57%, tăng 7.7% so với kết quả bài kiểm tra số 1.

+ Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9, 10): nhóm lớp ĐC điểm tỷ lệ này 2.05 % (chỉ tăng 0.51% so với kết quả bài kiểm tra số 1), ở nhóm lớp TN là 9.22% (tăng 3.58% so với kết quả bài kiểm tra số 1).

- So sánh dữ liệu liên tục: Từ số liệu ở bảng 4.19, áp dụng công thức tính các tham số đặc trưng cho kết quả như sau:

Bảng 4.21. Các tham số đặc trưng của bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2

Tham số đặc trưng	**ĐC**	**TN**
Trung bình mẫu ($\bar{x}$)	6.23	7.11
Sai số tiêu chuẩn (m)	0.08	0.08
Độ lệch chuẩn (S)	1.18	1.18
Hệ số biến thiên CV (%)	18.94	16.60
Quy mô ảnh hưởng (ES)	0.75	
Giá trị t_d	7.4	
Giá trị chênh lệch	0.88	
Giá trị P trong phép kiểm chứng T-test	0.0498	

Các tham số ở bảng 4.21 cho thấy:

+ Hệ số biến thiên điểm của nhóm lớp TN (16.60) thấp hơn nhóm lớp ĐC (18.94) và nằm trong khoảng dao động trung bình, điều này cho thấy kết quả TN là đáng tin cậy.

+ Xét về cơ cấu điểm: lớp TN cao hơn lớp ĐC, giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất của lớp TN là mod = 8, lớp ĐC là mod = 6 do đó điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm của nhóm lớp TN là 8, nhóm lớp ĐC là 6.

+ Độ lệch chuẩn của nhóm lớp TN và nhóm lớp ĐC đều là 1.18, cho thấy số liệu tập trung, ít phân tán.

+ Điểm trung bình của lớp TN là 7.11 còn lớp ĐC là 6.23. Do đó, giá trị chênh lệch điểm trung bình của 2 nhóm là 0.88 phản ánh sự khác biệt lớn giữa lớp TN và lớp ĐC. So với kết quả dạy TN chủ đề thứ nhất, điểm trung bình HS đạt được từ kết quả dạy TN chủ đề thứ hai đã tăng thêm 0.22 điểm nên giá trị chênh lệch giữa hai nhóm lớp đạt tới 0.88 điểm. Kết quả này đạt được là nhờ những kinh nghiệm rút ra từ quá trình dạy TN trước đó.

+ Với giá trị ES = 0.75, đối chiếu vào bảng Cohen cho thấy quy mô ảnh hưởng của quy trình và các biện pháp tác động đạt mức trung bình (nằm trong khoảng từ 0.50 – 0.79).

Kết quả ở trên cho thấy việc áp dụng các biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT đã mang lại hiệu quả rõ rệt đối với nhóm lớp TN. Những kết quả nói trên đã góp phần khẳng định các biện pháp sư phạm đã được đề xuất trong luận án có tính khả thi và mang lại hiệu quả tích cực.

- *Kiểm định sự tương quan giá trị trung bình của cùng nhóm nghiên cứu*

Tương tự như trong TN lần 1, chúng tôi đã xác định mức độ tương quan giữa hai tập hợp điểm của hai bài kiểm tra được thực hiện bởi cùng một nhóm xem kết quả của bài kiểm tra số 2 có phụ thuộc vào kết quả của bài kiểm tra số 1 hay không? Trên cơ sở tập hợp, so sánh điểm của từng HS nhóm lớp TN qua hai bài kiểm tra, chúng tôi đã áp dụng công thức tính hệ số tương quan pearson (r). Kết quả thu được r của nhóm lớp TN qua hai bài kiểm tra trong TN lần 2 = 0.56. Đối chiếu với Bảng Hopkins ta thấy hệ số tương quan (r = 0.56) nằm trong mức độ tương quan lớn (0.5 - 0.7). Từ đó có thể kết luận: có sự tương quan chặt chẽ giữa bài kiểm tra số 1 và bài kiểm tra số 2 trong TN lần 2. Cũng giống như trong lần TN trước, ở lần TN này nếu HS làm tốt bài kiểm tra số 1 sẽ làm tốt bài kiểm tra số 2, điều này chứng tỏ quy trình và các biện pháp áp dụng trong TN lần 2 tiếp tục mang lại hiệu quả và thể hiện tính khả thi.

4.3.3. Đánh giá của giáo viên và học sinh sau thực nghiệm

Kết quả các bài kiểm tra trong 2 lần TN đều cho thấy sự tiến bộ rõ rệt của HS nhóm lớp TN sau khi có các tác động sư phạm. Để củng cố thêm minh chứng cho những kết quả TN nói trên, sau mỗi lần TN chúng tôi đã sử dụng phiếu hỏi để khảo sát ý kiến của GV dạy TN, HS nhóm lớp TN và các cộng tác viên cùng GV bộ môn có dự các giờ dạy TN. Kết quả được tổng hợp như sau:

4.3.3.1. Về ý kiến của giáo viên

- Qua việc quan sát hoạt động của HS trên lớp cũng như trong suốt quá trình TN, 100% GV đều cho rằng đa số HS nhóm lớp TN đã có nhận thức và phân biệt các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh sâu sắc hơn so với HS nhóm ĐC. Chúng tôi nhận thấy HS nhóm lớp TN tỏ ra hứng thú hơn trong quá trình học tập, các em mạnh dạn, tự tin và sôi nổi hơn khi bày tỏ tình cảm của bản thân trước các hiện tượng, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức kinh doanh và các hành vi

phạm đạo đức kinh doanh khác nhau. Các em cũng chủ động, tích cực, tự giác hơn so với HS nhóm lớp ĐC trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp cũng như ở nhà. Khả năng phát hiện và GQVĐ của HS nhóm lớp TN cũng có sự tiến bộ hơn so với HS nhóm lớp ĐC.

- 100% GV ủng hộ việc tích hợp, lồng ghép nội dung GD ĐĐKD thông qua dạy học môn GDCD nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát huy tính tích cực, chủ đông, sáng tạo và khả năng liên hệ thực tế cho HS, giúp các em giải quyết linh hoạt các nhiệm vụ đặt ra.

- 100 % GV cho rằng kế hoạch DH (giáo án) TN phù hợp với yêu cầu của DH tích hợp. Nội dung tích hợp phù hợp với thời lượng chương trình môn học.

4.3.3.2. Về ý kiến của học sinh

- 100% ý kiến của HS cho rằng nội dung tích hợp GD ĐĐKD trong các giờ dạy TN thiết thực, gần gũi với cuộc sống của các em. HS hứng thú tham gia vào bài giảng, hiểu sâu sắc kiến thức hơn, thấy rõ tính thực tiễn, tính có ích của môn học, rất thiết thực cho bản thân khi tham gia vào các hoạt động ngành nghề sau này.

- 100% HS cho rằng nội dung GD ĐĐKD tích hợp trong dạy học GDCD khiến các em cảm thấy thoải mái, tiếp thu nhẹ nhàng mà sâu sắc, không bị áp lực trong các giờ dạy TN.

- 100% ý kiến HS cho rằng thông qua nội dung GD ĐĐKD trong các giờ dạy TN giúp các em thấy cần phải sống có trách nhiệm hơn đối với bản thân và với cộng đồng trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.

4.3.4. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm

Qua việc phân tích kết quả thực nghiệm cùng với các ý kiến đánh giá của các GV và HS cho thấy, việc tích hợp nội dung GD ĐĐKD học trong môn GDCD ở trường THPT là cần thiết. Các nguyên tắc và biện pháp pháp mà luận án đề xuất phù hợp với nội dung và thời lượng chương trình môn học. Việc tích hợp nội dung GD ĐĐKD với các PPDH đa dạng đã phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo cho HS, đem lại hiệu quả cao hơn dạy và học môn GDCD ở THPT hiện nay. Kết quả cụ thể:

Thứ nhất, trong các giờ dạy thực nghiệm, HS tỏ rõ sự hứng thú, tích cực, chủ động giải quyết nội dung bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

Thứ hai, tuy lúc đầu còn lúng túng, bỡ ngỡ khi GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực lấy "người học làm trung tâm", HS đã bước đầu làm quen và hợp tác nhiệt tình với cách thức tổ chức dạy học này. Sau giờ thực nghiệm, năng lực học tập của HS được thể hiện khá rõ nét, như năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, sử dụng internet, năng lực hợp tác nhóm, năng lực thuyết trình…

Thứ ba, tỷ lệ HS đạt khá, giỏi qua các bài kiểm tra ở các lớp TN cao hơn hẳn các lớp ĐC, ngược lại tỷ lệ HS có điểm yếu - kém lại thấp hơn.

Thứ tư, kết quả TN cùng với những ý kiến phản hồi của GV và HS tham gia TN đều khẳng định tính khả thi cũng như hiệu quả của các biện pháp tích hợp hợp nội dung GD ĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT mà luận án đã xây dựng và đề xuất.

Từ kết quả thực nghiệm cho thấy: những biện pháp được sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD hoàn toàn có thể áp dụng cho tất cả các trường THPT.

Kết luận chương 4

Ở chương này, tác giả đã trình bày kế hoạch, PP, quá trình và kết quả TNSP. Qua quá trình TN cho thấy các chỉ số tích cực tập trung vào nhóm lớp TN. So với lớp ĐC, kết quả học tập của HS nhóm TN đạt mức 3, mức 4 cao hơn và tiến bộ hơn. Điều đó khẳng định tính khả thi của những biện pháp mà NCS đề xuất tại chương 3 nhằm nâng cao hiệu quả quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở các trường THPT.

Thông qua quan sát của GV dự giờ, GV trực tiếp dạy và phỏng vấn đối với HS ở các lớp TN cho thấy hầu hết các em đều hứng thú với việc tích hợp hợp nội dung GD ĐĐKD trong môn GDCD. Các em không phải chịu áp lực từ việc phải học thuộc kiến thức trong SGK mà thông qua giờ học đạo đức, các em được tìm hiểu, khám phá những giá trị đức và phát hiện, giải quyết những tình huống, những vấn đề đạo đức nảy sinh vốn rất gần gũi với cuộc sống hàng ngày của các em. Điều

này giúp các em thoải mái, tự tin, chủ động hơn trong lĩnh hội tri thức môn học và vận dụng tri thức đó vào thực tiễn một cách sáng tạo, hiệu quả.

Qua những ý kiến của HS nhóm lớp TN cho thấy các biện pháp sư phạm được áp dụng trong quá trình dạy TN đã giúp các em thay đổi nhận thức, tình cảm, thái độ cũng như trong việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp. Khả năng nhận thức và phân biệt các giá trị đạo đức, khả năng thể hiện và bày tỏ cảm xúc, tính tự giác, khả năng phát hiện và GQVĐ,... ở HS đã có những tiến bộ rõ rệt, điều này góp phần khẳng định các biện pháp tăng cường GD ĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT được đề xuất trong luận án mang lại hiệu quả trong quá trình dạy học. Do vậy, các kết quả TNSP đã được kiểm nghiệm và số liệu thu được đã chứng minh tính đúng đắn, tính khả thi của các biện pháp đề xuất trong luận án góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở các trường THPT hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu lý luận và TNSP, tác giả đã chứng minh và khẳng định giả thuyết khoa học nêu ra của luận án là đúng đắn, khả thi. Trên cơ sở đó, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1.1. Dạy học là con đường quan trọng, chủ yếu ở nhà trường phổ thông nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục phổ thông. Cùng với các môn Khoa học xã hội nhân văn, dạy học môn GDCD ở trường THPT có nhiệm vụ giáo dục HS ý thức, thái độ, thói quen và hành vi đạo đức phù hợp với các chuẩn mực xã hội quy định. Một trong những chuẩn mực quan trọng cần hình thành cho các em trong dạy học môn GDCD là giáo dục đạo đức kinh doanh. Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS là một nội dung quan trọng trong dạy học GDCD ở THPT, góp phần giáo dục toàn diện nhân cách HS, hình thành những phẩm chất tốt đẹp của người công dân tương lai. Chính vì vậy luận án cần đi sâu nghiên cứu vấn đề này, tìm ra cách thức giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS nhằm phát huy hiệu quả trong dạy học môn GDCD.

1.2. Từ cơ sở lí luận, tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay. Việc khảo sát thực trạng được tiến hành bằng PP quan sát, phỏng vấn, đặc biệt là thông qua bảng hỏi. Hệ thống câu hỏi khảo sát hướng đến ở cả người dạy và người học, đã khái quát đầy đủ các nhân tố tác động cũng như các mặt của quá trình giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD ở trường THPT. Qua khảo sát cho thấy sự cần thiết phải tiến hành tích hợp nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh vào môn học. Tuy nhiên để làm được điều đó người GV cần phải trang bị những kiến thức cơ bản về PPDH, đồng thời phải thường xuyên nghiên cứu, trau dồi kiến thức, cải tiến phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

1.3. Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS có thể thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, nhưng dạy học là con đường cơ bản và phù hợp nhất.Trong luận án tác giả đã đề xuất 4 nguyên tắc khi tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT bao gồm: phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học; phải thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lí luận với thực tiễn; đảm bảo tính vừa sức, phù hợp phù hợp với trình độ của học sinh, không ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung

chính của môn GDCD; phải phát huy tính tích cực, chủ động và vốn kinh nghiệm thực tế của HS. Để đảm bảo việc tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT có hiệu quả, GV bộ môn cần bám sát vào những nguyên tắc DH nói trên để lựa chọn, sử dụng các biện pháp sư phạm sao cho phù hợp.

Trên cơ sở các nguyên tắc DH đã được xác định ở trên, tác giả đề xuất các biện pháp: lựa chọn nội dung trong bài học GDCD để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh; sử dụng phương pháp kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐKD; biện pháp tổ chức hoạt động DH như hoạt động tìm hiểu về sản xuất kinh doanh, tìm hiểu thị trường, tham quan, thảo luận nhóm; sử dụng đa dạng các phương tiện DH và các biện pháp kiểm tra, đánh giá.

1.4. Các kết quả TNSP đã được kiểm nghiệm và số liệu thu được đã chứng minh tính đúng đắn, tính khả thi của các biện pháp đề xuất trong luận án góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở các trường THPT hiện nay.

2. KIẾN NGHỊ

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát và triển khai thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy một số vấn đề bất cập trong dạy học môn GDCD. Để nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở các trường THPT hiện nay, tác giả xin đề xuất những kiến nghị như sau:

2.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu để xây dựng lại nội dung trong môn GDCD ở trường THPT có tích hợp GD ĐĐKD thay thế các nội dung mang tính trừu tượng hiện nay bằng những nội dung chứa đựng các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh cơ bản, thiết thực, gần gũi với cuộc sống và cần thiết cho sự phát triển của HS. Đồng thời, tăng thời lượng cho môn GDCD để GV có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tăng cường GD ĐĐKD cho HS ở các trường THPT.

2.2. Để tăng cường sự gắn kết chặt chẽ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT với các trường sư phạm, các khoa GDCD cần thay đổi chương trình đào tạo Đại học cho phù hợp với nội dung môn GDCD trong điều kiện mới.

Đặc biệt, cần đưa môn học *Đạo đức kinh doanh và văn hoá kinh doanh* vào chương trình giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị, GDCD ở các trường Đại học Sư phạm nhằm đảm bảo sự thống nhất trong đào tạo, bồi dưỡng.

2.3. Để áp dụng hiệu quả các PPDH tích cực, các trường THPT cần đảm bảo tốt cơ sở vật chất cho việc giảng dạy và học tập của GV và HS, đầu tư nhiều trang thiết bị dạy học hiện đại như: phòng học đa chức năng, máy tính, máy chiếu, mạng internet, cập nhật tài liệu, sách báo mới để HS thuận lợi cho việc tìm hiểu, khai thác tư liệu phục vụ cho học tập. Đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phát hành tư liệu phục vụ cho việc GD ĐĐKD cho HS trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT.

2.4. Đội ngũ GV GDCD ở THPT hiện nay được đào tạo từ rất nhiều nguồn khác nhau, nhiều GV được phân công dạy kiêm nhiệm, dạy không đúng chuyên môn được đào tạo. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng GD ĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả GD ĐĐKD cho HS trong dạy học môn GDCD, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần khảo sát, đánh giá để từng bước chuẩn hóa lại đội ngũ GV GDCD ở THPT. Đồng thời thực hiện chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ GV giảng dạy môn GDCD.

2.5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT cần chú trọng đầu tư cho GV tham gia tập huấn hàng năm về nội dung, tăng cường bồi dưỡng về PPDH cho GV.Ở mỗi trường, tổ bộ môn cần chú trọng đề xuất bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức hội thảo, tích cực dự giờ nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn GDCD nói chung và GD ĐĐKD cho HS nói riêng.

2.6. Với kết quả đã đạt được, luận án có thể triển khai vận dụng ở các trường THPT trên phạm vi cả nước. Quy trình xây dựng các biện pháp có kết hợp các PPDH tích cực sẽ góp phần phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS. Để quy trình đạt hiệu quả, mỗi GV cần nắm vững các nguyên tắc khi vận dụng các PP và kỹ thuật dạy học, tích cực và kiên trì thay đổi các PPDH truyền thống bằng các PP, kỹ thuật dạy học hiện đại. Các trường THPT và mỗi GV cần coi trọng việc tăng cường GDĐĐKD cho HS trong dạy học môn GDCD, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ của công tác giáo dục và đào tạo. Quy trình và biện pháp tác giả đưa ra có tính chất mở, do vậy cần được tiếp tục nghiên cứu sâu và bổ sung phát triển cùng với thực tiễn giáo dục Việt Nam và Lý luận dạy học hiện đại.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Thị Mai Phương -Nguyễn Thị Linh Huyền, *Tăng cường hoạt động của học sinh trong dạy học GDCD ở Trung học phổ thông,* Tạp chí Giáo dục, Số 314, Kỳ 2, tháng 7/2013.
2. Hoàng Phúc- Nguyễn Thị Linh Huyền, *Giáo dục đạo đức cho thanh niên – Bước quan trọng để định hình nhân phẩm của đội ngũ tri thức tương lai,* Tạp chí Giáo dục, Số ĐB, tháng 11/2013.
3. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT,* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 5/2015, trang 224.
4. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Sử dụng phương pháp nêu gương nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT,* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 3- tháng 6/2016, trang 231.
5. Vũ Đình Bảy (chủ biên), Lê Thị Vân Anh, Đặng Xuân Điều, Nguyễn Thị Linh Huyền, Nguyễn Thu Huyền, *Thiết kế bài dạy học môn GDCD ở trường phổ thông,* Sách tham khảo, Nxb ĐH Huế, T6/2016
6. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Một số phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh THPT*, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số đặc biệt, tháng 9/2016, trang 150.
7. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học Giáo dục công dân ở trường THPT*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: *"Nghiên cứu và giảng dạy Lý luận chính trị trong xu thế toàn cầu hóa",* trường ĐH Sư Phạm Hà Nội, NXB Lý luận chính trị, năm 2016, trang 460.
8. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Giáo dục đạo đức kinh doanh với việc hình thành nhân cách công dân cho HS THPT*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia:

"Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn GDCD ở trường trung học", trường ĐH Sư Phạm Huế, Tháng 1 năm 2017.

9. Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Linh Huyền, *Một số vấn đề về giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh THPT trong dạy học môn GDCD*, Kỷ yếu Hội thảo Đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Tháng 10/2017.
10. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Nguyên tắc tăng cường giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT*, Tạp chí Giáo dục số 420 (Kì 2, tháng 12/2017), Trang 57.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hữu Ái, Lê Văn Thao, *"Vai trò của Nhà nước trong việc định hướng các giá trị đạo đức kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế",* Tạp chí Triết học số 3, 2013.
2. Vũ Ngọc Am (2004), *Một số vấn đề về phương pháp giáo dục lí luận chính trị,* NXB CTQG, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2010), *Vấn đề xây dựng văn hóa kinh doanh ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học.
4. Lê Thị Vân Anh (2014), *Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng vùng Tây Bắc trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
5. Nguyễn Hoàng Ánh (2004), *Vai trò của văn hóa kinh doanh quốc tế và vấn đề xây dựng văn hóa kinh doanh ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế.
6. Lê Thị Tuyết Ba (2008), *Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay,* Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Triết học.
7. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (2013), *Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay,* NXB CTQG, Hà Nội.
8. Vũ Đình Bảy, (2010), *Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT,* NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), *Hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp- lớp 11, Sách Giáo viên*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Hỏi - đáp về một số nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và đào tạo, (2013), *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về giáo dục đạo đức – công dân trong giáo dục phổ thông Việt Nam,* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
12. Nguyễn Hữu Châu (2005), *PP, phương tiện, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

13. Nguyễn Hữu Châu (2006), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

14. Nguyễn Trọng Chuẩn, *" Đôi điều suy nghĩ về giá trị và sự biến đổi của các giá trị khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường",* Tạp chí Triết học, số 1 -1995.

15. Nguyễn Trọng Chuẩn, *"Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay và những biến động trong lĩnh vực đạo đức",* Tạp chí Triết học số 9 – 2001.

16. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) (2003), *Những vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay,* NXB CTQG, Hà Nội.

17. Nguyễn Trọng Chuẩn, *"Lợi ích và đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Triết học số 4 – 2013*.

18. Phạm Khắc Chương – Nguyễn Thị Yến Phương (2005), *Đạo đức học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

19. Nguyễn Văn Cư - Nguyễn Duy Nhiên (đồng chủ biên), (2009), *Dạy và học môn GDCD ở trường THPT - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

20 .Đỗ Minh Cương (2001), *Văn hóa và triết lý kinh doanh*, NXB CTQG, Hà Nội.

21. Đỗ Minh Cương (2010), *Nhân cách doanh nhân văn hóa doanh nhân Việt Nam*,NXB CTQG, Hà Nội.

22. Mai Ngọc Cường (1996), *Đạo đức kinh doanh, Lý thuyết và thực hành*, NXB Thống kê, Hà Nội.

23. Trần Quốc Dân (2003), *Tinh thần doanh nghiệp – giá trị định hướng của văn hoá kinh doanh Việt Nam,* NXB CTQG, Hà Nội.

24. Trần Quốc Dân (2008), *Doanh nghiệp doanh nhân và văn hóa*, NXB CTQG, Hà Nội.

25. Nguyễn Thị Doan - Đỗ Minh Cương (1999), *Triết lý kinh doanh với quản lý doanh nghiệp,* NXB CTQG, Hà Nội.

26. Nguyễn Hồng Dung (Chủ biên), Lương Văn Can (2007), *Xây dựng đạo đức kinh doanh người Việt,* Tổ hợp giáo dục Pace và NXB Trẻ, TP HCM.

27. Nguyễn Văn Dung (2010), *Doanh nghiệp trong kinh tế thị trường,* NXB lao động.

28. Vũ Trọng Dung (Chủ biên) (2008), *Giáo trình Đạo đức học Mác - Lênin,* NXB CTQG Hà Nội.

29. Lê Văn Dũng (1999), *Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường,* Luận văn thạc sĩ Triết học.

30. Phạm Văn Dũng (chủ biên) (2009), *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

31. Thành Duy (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức,* NXB CTQG, Hà Nội

32. Thành Duy (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, NXB CTQG, Hà Nội.

33. Thái Bình Dương (2007), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho SV ở trường ĐH Vinh hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* NXB CTQG, Hà Nội.

35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* NXB CTQG, Hà Nội.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* NXB CTQG, Hà Nội.

37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ X,* NXB CTQG, Hà Nội.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* NXB CTQG, Hà Nội.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Nghị quyết số 09 –NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB CTQG, Hà Nội.

41. Nguyễn Hữu Đễ, *"Đạo đức kinh doanh ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn",* Tạp chí Triết học số 12 – 2013.

42. Phạm Văn Đồng (1999), *Về vấn đề Giáo dục và đào tạo*, NXB CTQG, Hà Nội.

43. Đinh Văn Đức (chủ biên), Dương Thị Thúy Nga (2011), *Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

44. Đinh Văn Đức (2010), *Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng môn Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

45. Phạm Văn Đức, *"Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay",* Tạp chí Triết học, số 1 -2002.

46. Phạm Văn Đức, "Đạo đức kinh doanh một số vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Triết học số 3 – 2013*.

47. Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (2007), *Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay – vấn đề và giải pháp*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

48. Nguyễn Tĩnh Gia, *"Sự tác động hai mặt của cơ chế thị trường đối với đạo đức người cán bộ quản lý",* Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 2-1997.

49. Ngô Đình Giao (Chủ biên) (1997), Môi trường kinh doanh và đạo đức kinh doanh, NXB Giáo dục, Hà Nội.

50. Đặng Thái Giáp, "Đạo đức và pháp luật với an ninh trật tự trong nền kinh tế thị trường", Tạp chí Lý luận, số 2 -2000.

51. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.

52. Phạm Mạnh Hà (2002), "Những nguyên nhân chủ quan chủ yếu của tình trạng suy thoái đạo đức ở nước ta hiện nay", *Tạp chí triết học*, (3), tr.15.

53. Cao Duy Hạ, "Cùng suy ngẫm về đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp nước ta", *Tạp chí Thương mại số 9 – 2009.*

54. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (chủ biên) (2012), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kì đổi mới và hội nhập*, NXB CTQG, Hà Nội.

55. Ông Thị Hải (2007), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân ở trường THPT*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục.

56. Cao Thu Hằng, *"Đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh ở Việt Nam hiện nay",* Tạp chí Triết học số 1 – 2014.

57. Nguyễn Thị Hằng (2004), *"Xây dựng lối sống có văn hóa cho SV trong giai đoạn hiện nay",* Tạp chí Khoa học chính trị, (5), tr.20-25.

58. Bùi Hiển, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

59. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), NXB CTQG, Hà Nội.

60. Đỗ Trung Hiếu (2004), *Một số suy nghĩ về xây dựng đạo đức mới hiện nay*, NXB CTQG, Hà Nội.

61. Đỗ Thị Kim Hoa, "Xây dựng đạo đức kinh doanh – cơ sở cho việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp", *Tạp chí Triết học số 10 – 2009*.

62. Hoàng Văn Hoa (2010), Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020, NXB CTQG, Hà Nội.

63. Trần Bá Hoành (2010), Đổi mới PP dạy học, chương trình và sách giáo khoa, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

64. Đỗ Thị Phi Hoài (2009), *Văn hóa doanh nghiệp,* NXB Tài chính, Hà Nội.

65. Hội đồng lý luận trung ương (2014), Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc, NXB CTQG, Hà Nội.

66. Vũ Đăng Hoạt (2001), Lí luận dạy học Đại học, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

67. Nguyễn Hữu Hợp (2010), *Giáo trình đạo đức và PP dạy học môn đạo đức ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

68. Nguyễn Hữu Hợp (2012), *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

69. Đỗ Đức Hùng, *Từ đạo đức kinh doanh đến trách nhiệm xã hội trong kinh doanh*, Tạp chí Phát triển kinh tế, số 69 -1996.

70. Trịnh Duy Huy, *"Về vai trò của đạo đức kinh doanh và việc xây dựng đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay",* Tạp chí Triết học số 2 – 2001.

71. Trần Thị Huyền, *"Vai trò của nhà nước trong việc thúc đẩy đạo đức kinh doanh",* Tạp chí Triết học số 4 – 2014.

72. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

73. Phan Văn Khải, "Các doanh nhân trẻ Việt Nam phải có tầm và có tâm", *Tạp chí Lao động và Xã hội,* số 35 – 2004.

74. Trần Hậu Kiêm - Đoàn Đức Hiếu (2004), *Hệ thống phạm trù đạo đức học và giáo dục đạo đức cho SV*, NXB CTQG, Hà Nội.

75. Nguyễn Thế Kiệt, *Đạo đức kinh doanh và phẩm chất của doanh nhân Việt Nam hiện nay,* Tạp chí Văn hoá doanh nhân, số 06 +07/ 2009.

76. Kỷ yếu hội thảo " Đạo đức trong kinh doanh" do Viện kinh tế đối ngoại - Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) phối hợp với The ST Jame Ethies Centre – Australia tổ chức, 27-29/7/1995.

77. Kỷ yếu hội thảo Quốc tế "Đạo đức trong kinh doanh" do Viện Triết học Việt Nam kết hợp cùng Viện Triết học Trung Quốc tổ chức, 16-22/12/2012.

78. Nguyễn Ngọc Long (chủ biên) (2001), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb CTQG, Hà Nội.

79. Trương Giang Long (2003), "Định hướng giá trị trong giáo dục thanh niên hiện nay", *Tạp chí cộng sản*, (9), tr.17-20.

80. Nguyễn Phương Lan, "Đạo đức kinh doanh trong xã hội Việt truyền thống", *Tạp chí văn hóa nghệ thuật, số 301 – 2009*.

81. Laura P. Hartman, Joe Desjardins (2011), *Đạo đức kinh doanh,* NXB thành phố Hồ Chí Minh.

82. Dương Thị Liễu (chủ biên) (2009), *Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

83. Lê Lựu (chủ biên) (2008), *Văn hóa doanh nhân – lý luận và thực tiễn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

84. Đào Thị Ngọc Minh (2010), *Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực để dạy môn GDCD ở trường THPT,* Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội.

85. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học - một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

86. Phạm Xuân Nam (1996), *Văn hóa và kinh doanh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

87. Phùng Xuân Nhạ (chủ biên) (2011), *Nhân cách doanh nhân và văn hóa kinh doanh ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

88. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

89. Hoàng Phê (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

90. Bùi Xuân Phong (2009), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp*, NXB Thông tin truyền thông.

91. Nguyễn Văn Phúc, "Vấn đề xây dựng đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Triết học số 7 – 2001*.

92. Trần Thị Mai Phương, (2006), *Thiết kế bài giảng Kinh tế chính trị trong các trường ĐH, CĐ theo phương pháp dạy học tích cực,* Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường ĐHSP Hà Nội.

93. Trần Thị Mai Phương (2009), *Dạy học Kinh tế chính trị theo phương pháp tích cực*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

94. Nguyễn Đăng Quang, *"Một số suy nghĩ về đạo đức kinh doanh trong hoạt động kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông",* Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 117 – 2007.

95. Nguyễn Mạnh Quân (2012), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty,* NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

96. Phạm Côn Sơn (2006), *Tâm đức trong kinh doanh – 99 điều cần biết,* NXB Lao động, Hà Nội.

97. Đinh Công Sơn (2014), *Xây dựng đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học.

98. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2015), *Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học phần " Công dân với kinh tế" cho học sinh THPT ở Trung tâm GDTX Sóc Sơn, Hà Nội"*, Luận văn Thạc sĩ khoa học giáo dục, ĐHSP Hà Nội.

99. Hà Nhật Thăng (2004), *Nhập môn Giáo dục công dân*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

100. Lê Thị Kim Tuyết (2014), *"Tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh trong xã hội hiện nay",* Tập san chuyên đề khoa học và giáo dục số 10 trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng.

101.Viện thông tin khoa học xã hội (1996), *Những vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường*.

102. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT

(*Dành cho giáo viên dạy GDCD ở trường THPT*)

(52 phiếu)

Hiện nay chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu liên quan đến việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở các trường THPT. Mục đích của khảo sát là nhằm nâng cao hiệu quả dạy học khi tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở các trường THPT. Dữ liệu thu được chỉ dành cho mục đích nghiên cứu khoa học, KHÔNG vì mục đích nào khác. Do đó, sự cộng tác của quý Thầy/Cô đóng vai trò rất quan trọng cho nghiên cứu của chúng tôi. Xin quý Thầy/Cô vui lòng trả lời những câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô mà quý Thầy/Cô cho là phù hợp hoặc viết câu trả lời của mình vào phần để trống.

A. THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI - Giới tính:

1. Nam 2. Nữ

- Tuổi:

- Thâm niên giảng dạy: .....năm

- Chuyên ngành được đào tạo:.....

B. NỘI DUNG

Câu 1: Ý kiến của Thầy /Cô về việc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học GDCD ở THPT?

Mức độ	**Đồng ý**	**Không đồng ý**
Rất cần thiết		
Cần thiết		
Có cũng được, không có cũng được		
Không cần thiết		
Không ý kiến		
Tổng		

Câu 2: Mức độ tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh của Thầy/Cô trong dạy học môn GDCD ở THPT?

STT	Mức độ tích hợp	Đồng ý	Không đồng ý
1	Thường xuyên		
2	Thỉnh thoảng		
3	Hiếm khi		
4	Chưa bao giờ		

Câu 3. Những chuẩn mực của đạo đức kinh doanh được Thầy/Cô tích hợp trong những nội dung nào của môn GDCD ở THPT?

STT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý
1	Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học		
2	Công dân với đạo đức		
3	Công dân với kinh tế		
4	Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội		
5	Công dân với pháp luật		

Câu 4: Thầy/Cô cho biết mức độ thực hiện hình thức tổ chức giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học môn GDCD?

TT	Hình thức tổ chức dạy học	Mức độ thực hiện			
		Thường	Thỉnh	Rất ít	Chưa sử

		xuyên	thoảng	khi	dụng
1	Học trên lớp				
2	Tự học				
3	Thảo luận				
4	Luyện tập, thực hành				
5	Kiểm tra				
6	Tham quan thực tế (hoạt động trải nghiệm)				
7	Khác				

Câu 5: Thầy/Cô cho biết mức độ vận dụng các phương pháp dạy học khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD?

TT	**PPDH/KTDH**	**Mức độ vận dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa sử dụng
1	PP Thuyết trình				
2	PP Thảo luận nhóm				
3	PP dự án				
4	PP nêu vấn đề				
5	PP trực quan				
6	PPDH tình huống				
7	Dạy học trải nghiệm				
8	PP đóng vai				
9	PP nêu gương				
10	PP nghiên cứu trường hợp điển hình				

11	Sơ đồ tư duy				
12	Các PP, KTDH khác				

Câu 6: Thầy/Cô cho biết mức độ sử dụng phương tiện và tư liệu dạy học khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD?

TT	**Phương tiện và tư liệu được sử dụng để dạy học**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa sử dụng
1	Sách giáo khoa				
2	Sách tham khảo dùng cho môn GDCD ở THPT				
3	Chuyện kể				
4	Thông tin, sự kiện được khai thác từ sách, báo, đài, internet,...				
5	Hình vẽ trên bảng				
6	Phiếu học tập				
7	Bảng số liệu				
8	Sơ đồ				
9	Tranh, ảnh				
10	Phim, video, clip,...				
11	Giáo án soạn trên phần mềm MS.PowerPoint				
12	Giáo án thường				
13	Các loại phương tiện, tư liệu khác				

Câu 7: Thầy/Cô cho biết mức độ lựa chọn các nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS?

TT	**Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ lựa chọn**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Kiến thức				
2	Kỹ năng				
3	Thái độ, tình cảm				
4	Khả năng vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn				
5	Nội dung khác				

Câu 8:Thầy/Cô cho biết mức độ sử dụng các loại bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS?

TT	**Hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Đánh giá bằng bài kiểm tra trước khi bắt đầu dạy các bài học				
2	Đánh giá qua kiểm tra miệng đầu giờ và kiểm tra 15 phút.				
3	Đánh giá qua kiểm tra 1 tiết giữa học kỳ và kiểm tra cuối học kỳ.				
4	Đánh giá qua khả năng HS tham gia giải quyết nhiệm vụ, bài tập, tình huống trong giờ học				

Câu 9: Thầy/Cô cho biết mức độ sử dụng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS?

TT	**Phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Vấn đáp				
2	Viết				
3	Trắc nghiệm tự luận				
4	Trắc nghiệm khách quan				
5	Kết hợp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan				
6	Đánh giá bằng điểm số				
7	Đánh giá bằng nhận xét				
8	Kết hợp giữa cho điểm và nhận xét				
9	Tự đánh giá				
10	Đánh giá đồng đẳng (HS đánh giá lẫn nhau)				
11	Đánh giá của phụ huynh				
12	Đánh giá thông qua các hoạt động khác				

Ý kiến khác của Thầy /Cô:

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT

(*Dành cho học sinh học môn GDCD ở trường THPT*)

(568 phiếu)

Mục đích của khảo sát là nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong chương trình môn GDCD ở trường THPT. Dữ liệu thu được chỉ dành cho mục đích nghiên cứu khoa học, KHÔNG vì mục đích nào khác. Do đó, sự cộng tác của Em đóng vai trò rất quan trọng cho nghiên cứu của chúng tôi. Xin Em vui lòng trả lời những câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (v) vào ô mà Em cho là phù hợp hoặc viết câu trả lời của mình vào phần để trống.

Câu 1. Xin Em vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Giới tính:.....

Lớp:.....Trường:.....

.....

Câu 1: Qua học tập môn GDCD, em có nhận thức như thế nào về các chuẩn mực đạo đức kinh doanh?

STT	Chuẩn mực đạo đức kinh doanh	Đồng ý	Không đồng ý
1	Tuân thủ luật pháp của Nhà nước		
2	Khiêm tốn, dũng cảm, nhân ái		
3	Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội		
4	Trung thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh		
5	Tôn trọng con người		
6	Tôn trọng bí mật thương mại		

Câu 2: Hãy cho biết nhận thức của em về sự cần thiết giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD?

STT	Thực trạng nhận thức	Đồng ý	Không đồng ý

1	Rất thiết thực		
2	Thiết thực		
3	Ít thiết thực		
4	Không thiết thực		

Câu 3: Thái độ học tập của em khi tiếp thu nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD?

STT	Thái độ học tập	Đồng ý	Không đồng ý
1	Rất hứng thú		
2	Hứng thú		
3	Ít hứng thú		
4	Không hứng thú		

Câu 4: Em hãy cho biết mức độ vận dụng phương pháp, KTDH của thầy/cô khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD?

TT	PPDH/KTDH	Mức độ vận dụng			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa sử dụng
1	PP Thuyết trình				
2	PP Thảo luận nhóm				
3	PP dự án				

4	PP nêu vấn đề				
5	PP trực quan				
6	PPDH tình huống				
7	Dạy học trải nghiệm				
8	PP đóng vai				
9	PP nêu gương				
10	PP nghiên cứu trường hợp điển hình				
11	Sơ đồ tư duy				
12	Các PP, KTDH khác				

Câu 5: Em hãy cho biết mức độ sử dụng phương tiện và tư liệu dạy học của thầy/ cô khi tích hợp GDĐĐKD trong dạy học môn GDCD?

TT	**Phương tiện và tư liệu được sử dụng để dạy học**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa sử dụng
1	Sách giáo khoa				
2	Sách tham khảo dùng cho môn GDCD ở THPT				
3	Chuyện kể				
4	Thông tin, sự kiện được khai thác từ sách, báo, đài, internet,...				
5	Hình vẽ trên bảng				

6	Phiếu học tập				
7	Bảng số liệu				
8	Sơ đồ				
9	Tranh, ảnh				
10	Phim, video, clip,...				
11	Giáo án soạn trên phần mềm MS.PowerPoint				
12	Giáo án thường				
13	Các loại phương tiện, tư liệu khác				

Câu 6: Em hãy cho biết mức độ lựa chọn các nội dung kiểm tra, đánh giá của thầy/cô đối với kết quả học tập của HS khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD?

TT	**Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ lựa chọn**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Kiến thức				
2	Kỹ năng				
3	Thái độ, tình cảm				
4	Năng lực vận dụng tri thức vào giải quyết những vấn đề, tình huống thực tiễn				
5	Nội dung khác				

Câu 7: Em hãy cho biết mức độ sử dụng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của thầy/ cô đối với HS khi tích hợp GD ĐĐKD trong dạy học GDCD?

TT	**Phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa Thực hiện
1	Vấn đáp				
2	Viết				
3	Trắc nghiệm tự luận				
4	Trắc nghiệm khách quan				
5	Kết hợp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan				
6	Đánh giá bằng điểm số				
7	Đánh giá bằng nhận xét				
8	Kết hợp giữa cho điểm và nhận xét				
9	Tự đánh giá				
10	Đánh giá đồng đẳng (HS đánh giá lẫn nhau)				
11	Đánh giá của phụ huynh				
12	Đánh giá thông qua các hoạt động khác				

Câu 8: Em đánh giá nội dung tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong chương trình môn GDCD ở THPT hiện nay như thế nào?

TT	**Nội dung tích hợp GD ĐĐKD trong chương trình môn GDCD ở THPT**	**Mức độ**			
		Hoàn toàn	Đồng ý	Đồng ý một	Không đồng ý

		đồng ý		phần	
1	Cần thiết đối với quá trình rèn luyện, phát triển nhân cách, đạo đức, lối sống của học sinh				
2	Thiết thực, gần gũi với cuộc sống hàng ngày của học sinh				
3	Còn nặng về lý thuyết, trừu tượng và khó hiểu				
4	Chưa thực sự thiết thực, còn xa rời cuộc sống				

Câu 9: Trong quá trình tích hợp GD ĐĐKD, giáo viên bộ môn sử dụng các hình thức tổ chức dạy học sau đây như thế nào?

TT	**Hình thức tổ chức dạy học**	**Mức độ sử dụng**			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Chưa sử dụng
1	Học trên lớp				
2	Tự học				
3	Thảo luận				
4	Luyện tập				
5	Kiểm tra				
6	Tham quan				
7	Tư vấn, giúp đỡ riêng				
8	Hội thi (Ví dụ Olympic GDCD)				
9	Khác				

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của em!

PHỤ LỤC 3
GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM
Tiết 19. Bài 10. QUAN NIỆM VỀ ĐẠO ĐỨC

I. <u>Mục tiêu bài học</u>

Học xong bài này, học sinh cần:

1. Kiến thức

- Nêu được thế nào là đạo đức.
- Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa đạo đức với pháp luật và phong tục.
- Hiểu được vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Kĩ năng

- Phân biệt được hành vi vi phạm đạo đức với hành vi vi phạm pháp luật, không phù hợp với phong tục, tập quán.
- Kĩ năng tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề.

3. Thái độ

- Coi trọng vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội.

II. <u>Chuẩn bị của giáo viên và học sinh</u>

1. Giáo viên: tham khảo tài liệu giáo dục môi trường, lập kế hoạch dạy học, in phiếu học tập, vẽ bảng phân biệt đạo đức với pháp luật trên giấy A0 hoặc soạn trên máy chiếu.

2. Học sinh: học bài cũ, đọc bài mới, có bảng nhựa (theo nhóm), suy nghĩ về các câu hỏi cuối bài.

<u>III. Xác định nội dung tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh</u>

Tích hợp vào phần 2: Vai trò của đạo đức đối với cá nhân, gia đình và xã hội

- HS hiểu được việc xây dựng một xã hội đạo đức kinh doanh là rất cần thiết vì nó góp phần vào sự vững mạnh của nền kinh tế quốc gia. Mỗi công dân cần trung thực, tạo dựng niềm tin trong sản xuất kinh doanh là thực hiện đúng các chuẩn mực đạo đức nói chung và đạo đức kinh doanh nói riêng.

- Phân biệt được các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh và các hành vi kinh doanh có đạo đức.

- Coi trọng vai trò của đạo đức kinh doanh trong đời sống xã hội.

III. <u>Tiến trình bài dạy</u>

1. Kiểm tra bài cũ (5p)

** Câu hỏi: Vì sao nói con người là mục tiêu phát triển của xã hội?*

** Trả lời:* - Con người luôn đấu tranh để cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội, chống áp bức, bất công để tạo nên cuộc sống no ấm, tự do, hạnh phúc cho mình.

- Xu thế phát triển khách quan hiện nay là phải đấu tranh để tạo nên sự phát triển vì con người, khắc phục các khuyết tật, đe doạ đối với con người.

2. Giảng bài mới (39p)

** Giới thiệu bài (1p)*

Hoạt động và quan hệ của con người bị điều chỉnh bởi nhiều yếu tố, trong đó có phong tục, pháp luật và đạo đức. Đối với mọi xã hội, đặc biệt là xã hội văn minh, đạo đức càng trở nên quan trọng.

Đạo đức là gì? Làm sao để phát huy vai trò của đạo đức trong đời sống hàng ngày của mỗi cá nhân và xã hội. Đó là nội dung của phần 2.

Hoạt động của GV và HS	**Nội dung kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: *Tìm hiểu nội dung khái niệm đạo đức(14p)* Kết hợp PP đóng vai, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại và PP thuyết trình để giúp HS hiểu rõ về khái niệm đạo đức	
- GV mời nhóm HS thể hiện tiểu phẩm: *AI NUÔI TÔI* *Một người có thằng con đã hai mươi tuổi nhưng chưa biết nghề gì làm ăn, chỉ nhờ vào bố. Một hôm, ông thầy tướng xem cho hai bố con, bảo:* - *Bố anh sống tám mươi tuổi, còn anh cũng sống tới sáu mươi hai tuổi.*	**1. Quan niệm về đạo đức** *a. Khái niệm đạo đức* - Đạo đức là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực của xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi

Thằng con thấy vậy oà khóc. Thầy tướng thấy lạ bèn hỏi: *- Tôi bảo bố con anh thọ cả, cớ sao lại khóc?* *Nó trả lời:* *- Bố tôi chết trước tôi 2 năm. Thế thì 2 năm ấy, ông bảo ai nuôi tôi mà tôi chẳng khóc?* - GV nhận xét và hỏi: Nếu xem xét thái độ của anh con trai đối với người cha và cuộc sống của chính anh ta, em có nhận xét gì? Nếu là bạn của anh ta, em sẽ nói gì với anh ta khi biết chuyện này? - HS trả lời:(Sống không biết xấu hổ, vô lương tâm, vô đạo đức). - GV nêu vấn đề: Từ câu chuyện trên và từ thực tế, em hãy cho biết: + Là con trong gia đình, cần như thế nào? +Là HS, cần phải như thế nào trong học tập? +Là bạn bè, phải như thế nào trong quan hệ? + Ngày tết, điều mong muốn nhất của mỗi người là gì? - GV hỏi: Em có nhận xét gì qua các nội dung trên? - HS trả lời - GV nhận xét và khái quát: Trong cuộc sống, mỗi cá nhân tự biết điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích chung của xã hội được coi là một người có đạo đức. Ngược lâị, nếu chỉ biết đến lợi ích của mình, bất chấp lợi ích của người khác, của xã hội sẽ bị coi là người bị thiếu đạo đức. - GV dẫn dắt: Vậy các chuẩn mực đạo đức có quan hệ như thế nào với hoàn cảnh và điều kiện xã hội?	ích của cộng đồng, của xã hội. - Khái niệm đạo đức cần được hiểu ở 3 khía cạnh: + các quy tắc, chuẩn mực của xã hội (không phải của cá nhân); nhờ đó mỗi người: + tính tự giác điều chỉnh hành vi (nếu không có tính tự giác hành vi mất đi tính đạo đức); + phù hợp với lợi ích của cộng đồng, xã hội. - Cùng với sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức cũng

=> Nó tuỳ thuộc vào đặc điểm cụ thể của từng thời, chế độ xã hội → Đạo đức mang bản chất xã hội. - GV yêu cầu HS về nhà hãy lấy vài ví dụ về các chuẩn mực đạo đức mà em biết? (trong xã hội phong kiến, trong xã hội ta hiện nay) VD: Trong chế độ phong kiến, "trung" có nghĩa là trung thành vô điều kiện với vua. Ngày nay, "trung" nghĩa là trung thành với lợi ích của đất nước, của nhân dân. - GV kết luận về nền đạo đức mới ở nước ta hiện nay	biến đổi theo. Nền đạo đức của mỗi xã hội luôn bị chi phối bởi quan điểm và lợi ích của giai cấp thống trị.
Hoạt động 2: *Phân biệt đạo đức với pháp luật trong điều chỉnh hành vi của con người (10p).* Kết hợp PP thảo luận với PP đàm thoại, PP thuyết trình)	
- GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi sau: + Các nhóm 1,2...: Đạo đức có phải là phương thức duy nhất điều chỉnh hành vi của con người không? + Các nhóm 3,4...: Phân biệt sự điều chỉnh của hành vi của đạo đức với sự điều chỉnh hành vi của pháp luật. Cho ví dụ minh họa? - HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn cả lớp thảo luận và bổ sung - GV nhận xét, đánh giá, cung cấp thông tin phản hồi và hỏi: Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các chuẩn mực này? Cần rút ra ý nghĩa gì từ hiểu	*b. Phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục, tập quán trong điều chỉnh hành vi của con người* - Đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người nhưng không phải là phương thức duy nhất. Pháp luật và phong tục, tập quán là những phương thức có khả năng điều chỉnh nhất định với hành vi của con người. Sự điều chỉnh của hành vi đạo đức có khác

biết này? - HS trả lời - GV nhận xét và bổ sung: Quan hệ chặt chẽ, đan xen. Pháp luật có đạo đức, phong tục. Hành vi có thể không vi phạm pháp luật nhưng trái với đạo đức... Cần chọn lọc và kế thừa các phong tục tốt đẹp và luật hoá các giá trị đạo đức tiến bộ, truyền thống đạo đức của dân tộc.	biệt với sự điều chỉnh hành vi của pháp luật và phong tục, tập quán.
Hoạt động 3: *Tìm hiểu vai trò của đạo đức trong sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội (15p)* Kết hợp PP NCTH điển hình với PP thảo luận nhóm, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại và PP thuyết trình	
Tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh - GV đưa ra các trường hợp: + Nhà anh A trồng rau bán. Để rau trông ngon và không bị sâu bệnh, cách vài ngày phải dùng thuốc 1 lần, ngay cả khi sắp thu hoạch nên thời gian cách ly không đảm bảo. +Nhà bạn H bán trái cây. Nếu dùng thuốc do Trung Quốc sản xuất (không đảm bảo an toàn, đã được kết luận) thì chỉ mất 45.000đ để pha nước ngâm, bảo quản được 1 tấn hàng, nhưng nếu dùng thuốc của Việt Nam (đảm bảo an toàn, đã được kiểm định) thì chi phí phải là 200.000đ. - GV hỏi:Em nghĩ gì về những việc làm trên? Em có đồng ý với những việc làm đó không? Vì sao? - GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm	**2. Vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội**

- Các nhóm thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến - GV nhận xét và kết luận về cách giải quyết các trường hợp trên - GV nêu vấn đề: đạo đức có vai trò như thế nào trong đời sống của cá nhân, gia đình, xã hội? - HS suy nghĩ - GV hỏi: + Đối với cá nhân, đạo đức có vai trò như thế nào trong đời sống và hoạt động? Hãy nêu kinh nghiệm của bản thân? + Ở mỗi cá nhân, tài năng và đạo đức, cái nào cần được xem trọng hơn? Vì sao? Ví dụ minh hoạ. - HS trả lời - GV nhận xét và bổ sung: Đạo đức là nền tảng đánh giá, phân biệt con người.Nếu không có đạo đức, mọi phẩm chất khác (thông minh, sáng tạo) không có ý nghĩa (trở thành ranh mãnh, xảo trá, quỷ quyệt…). - GV hỏi: Em có suy nghĩ gì về câu: “Tiên học lễ, hậu học văn” - HS trả lời - GV nhận xét, đánh giá và chuyển ý. - GV hỏi: Theo em, hạnh phúc gia đình có được là nhờ có đạo đức hay tiền bạc, danh vọng? Vì sao? Em hãy nêu vài biểu hiện vi phạm các chuẩn mực đạo đức gia đình?	*a. Đối với cá nhân:* - Đạo đức góp phần hoàn thiện nhân cách con người, giúp cá nhân có ý thức và năng lực sống thiện, sống có ích, tăng thêm tình yêu đối với Tổ Quốc, với đồng bào và nhân loại. - Một cá nhân thiếu đạo đức thì mọi phẩm chất, năng lực không còn ý nghĩa. *b. Đối với gia đình* - Đạo đức là nền tảng của hạnh phúc gia đình, tạo ra sự ổn định và phát triển vững chắc của gia đình. Đó là mhân tố không thể thiếu của

- HS trả lời - GV nhận xét, bổ sung: Các gia đình hạnh phúc vì: con ngoan, biết nghe lời, bố mẹ ông bà gương mẫu, thương yêu đoàn kết. GĐ bất hạnh vì con không nghe bố mẹ, vợ chồng không chung thuỷ, tôn trọng, yêu thương... - GV hỏi: Em hãy nêu những điều đang xảy ra trong đời sống biểu hiện không có đạo đức? - HS trả lời - GV nhận xét và bổ sung thêm các biểu hiện không có đạo đức như: Bán hàng giả, sử dụng hoá chất bảo quản, cho bột đá vào bánh kẹo…, xóm làng không đoàn kết, trộm cướp... - GV kết luận: Xây dựng, củng cố và phát triển nền đạo đức mới ở nước ta hiện nay có ý nghĩa rất to lớn không chỉ trong chiến lược xây dựng và phát triển con người Việt Nam hiện đại mà còn góp phần xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.	một gia đình hạnh phúc. *c. Đối với xã hội* - Củng cố trật tự, ổn định xã hội; - Xây dựng xã hội lành mạnh, công bằng, văn minh.
LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC	
- GV yêu cầu HS nghiên cứu và làm bài tập 2 (SGK, trang 66) **(Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường)** - HS thảo luận theo bàn và phát biểu - GV nhận xét và bổ sung - GV hỏi thêm: Em hãy nêu những biểu hiện của 1	- Giúp HS củng cố, khắc sâu bài

người biết sống có đạo đức trong các mối quan hệ: với bản thân, người thân trong gia đình, tổ dân phố, bạn bè trong trường, lớp. - GV yêu cầu HS về nhà: + Tìm ví dụ về hiện tượng vi phạm đạo đức trong kinh doanh và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội (Yêu cầu các HS làm vào vở bài tập để buổi sau GV chấm điểm) + Làm các bài tập cuối bài. + Đọc trước bài 11 phần 1,2.	học và phát triển năng lực tự học, rèn luyện để hoàn thiện bản thân.

Tiết 8. Bài 4. CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần:

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm cạnh tranh, nguyên nhân cơ bản dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.
- Hiểu được mục đích của cạnh tranh, các loại cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh.
- Những mặt trái của cạnh tranh gây huỷ hoại môi trường.

2. Kĩ năng

- Phân biệt mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.
- Nhận xét được về tình hình cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá ở địa phương và vận dụng hiểu biết vào hoạt động.
- Kĩ năng học hợp tác, xác định giá trị, tự tin khi trình bày.

3. Thái độ

- Ủng hộ các biểu hiện tích cực, phê phán các biểu hiện sai trái và tiêu cực của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.
- Phê phán các biểu hiện gây ô nhiễm môi trường.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: tham khảo tài liệu, lập kế hoạch dạy học, in phiếu học tập, chuẩn bị sơ đồ về các loại cạnh tranh. Đọc sách Hướng dẫn tích hợp giáo dục môi trường để dạy phần tính 2 mặt của cạnh tranh.

2. Học sinh: học bài cũ, đọc bài 4, có bảng nhựa (theo nhóm), suy nghĩ về các câu hỏi cuối bài.

III. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Tích hợp vào phần 1. b Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, phần 2. a Mục đích của cạnh tranh và phần 3. Tính 2 mặt của cạnh tranh

- Giáo dục những phẩm chất đạo đức cho HS để HS biết cách cạnh tranh lành mạnh trong SX và kinh doanh, trung thực trong kinh doanh, tôn trọng đối thủ cạnh tranh...góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế và làm đẹp giá trị đạo đức.

- HS biết cách vận dụng những kiến thức đã học tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh một cách lành mạnh, không vi phạm đạo đức kinh doanh.

- Có thái độ đồng tình với những biểu hiện kinh doanh lành mạnh, phê phán những hành vi cạnh tranh không lành mạnh vi phạm đạo đức trong kinh doanh.

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Kiểm tra bài cũ (5p)

* *Câu hỏi:* Khi hiểu biết về các nội dung cơ bản của quy luật giá trị, mỗi công dân cần vận dụng như thế nào?

* *Trả lời:* 3 nội dung cơ bản: hạ thấp chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá; chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh; cải tiến công cụ, áp dụng kĩ thuật, công nghệ tiên tiến…

2. Giảng bài mới (33p)

Giới thiệu bài (1p)

GV đưa ra 2 trang (hoặc đoạn phim) quảng cáo về bột giặt, hoặc sữa, hoặc dịch vụ viễn thông. HS quan sát và phát biểu suy nghĩ: tại sao các nhà sản xuất phải chú ý đến quảng cáo nhiều như vậy? Một nguyên nhân cơ bản là cạnh tranh.

Hoạt động của GV và HS	**Nội dung kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: *Tìm hiểu về cạnh tranh (7p)* Kết hợp PP đàm thoại với PP thuyết trình	
- GV hỏi: Hoạt động quảng cáo hàng hoá trên thị trường thể hiện tính chất gì giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh? Em hiểu như thế nào là cạnh tranh?	**1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh** *a. Khái niệm cạnh tranh* - Cạnh tranh là sự ganh

- HS suy nghĩ và trả lời - GV nhận xét và bổ sung: Các nội dung cần chú ý trong khái niệm cạnh tranh? 1. Tính chất ganh đua về kinh tế; 2. Các chủ thể tham gia cạnh tranh; 3. Mục đích: điều kiện thuận lợi → lợi nhuận - GV lấy ví dụ như: cạnh tranh giữa các công ty, các doanh nghiệp, cạnh tranh giữa các hãng điện thoại, ti vi, xà phòng... - GV yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa - HS suy nghĩ và phát biểu - GV nhận xét và kết kuận	đua, đấu tranh giữa các chủ thể trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.
Hoạt động 2: *Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh (12p)* Kết hợp PP nghiên cứu trường hợp điển hình với PP đàm thoại và PP thuyết trình	
- GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống: *Tình huống 1*: Anh An và anh Bình cùng sản xuất một mặt hàng là vải có chất lượng như nhau. Nhưng do nhu cầu mua vải trên thị trường quá lớn. Vì mục đích lợi nhuận cao và cạnh tranh số lượng vải bán ra thị trường với anh Bình nên anh An đã tìm mua các loại vải khác nhau trên thị trường mà không có nguồn gốc xuất sứ sau đó về thay mác của công ty mình để bán ra thị trường lấy lãi suất cao. *Em nghĩ gì về việc làm của anh An? Có người nói hành vi của anh An vừa mang lại lợi nhuận cao,vừa không gây chết người nên không vi phạm pháp luật. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?* *Tình huống 2*: Nam là một kĩ sư tin học giỏi. Nhận thấy trên thị trường hiện nay nhu cầu về các dòng điện thoại thông	*b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh*

minh rất lớn. Để tăng thêm thu nhập, Nam đã mở một cửa hàng sữa chữa và mua bán điện thoại. Bước đầu, cửa hàng của Nam cũng đã chiếm được cảm tình của khách hàng vì sự nhiệt tình và khôn khéo của Nam. Nhận thấy nếu chỉ sữa chữa, hoặc mua bán thông thường thì không có lợi nhuận cao nên Nam đã tìm cách mua các linh phụ kiện rẻ, không có nguồn gốc xuất sứ về rồi lắp ráp thành những chiếc điện thoại mới với các thương hiệu như : Nokia, Sony, Samsung, Oppo… Nhận thấy hành vi kinh doanh của Nam là sai trái, vi phạm đạo đức kinh doanh nên bạn bè đã khuyên Nam nên dùng lại. Nếu không sẽ bị phát hiện và xử lí theo quy định của Pháp luật. *Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?* - Các nhóm thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. - GV tóm tắt ý kiến của các nhóm và đưa ra nhận xét về cách giải quyết của các tình huống trên. - GV kết luận vấn đề	- Trong nền sản xuất hàng hóa, do tồn tại nhiều chủ sở hữu khác nhau, tồn tại với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập trong quá trình sản xuất kinh doanh nên không thể không cạnh tranh với nhau. - Do điều kiện sản xuất của mỗi chủ thể kinh tế lại khác nhau, nên chất lượng hàng hóa và chi phí sản xuất khác nhau, kết quả sản xuất, kinh doanh giữa họ không giống nhau... Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu

	thông hàng hóa, dịch vụ, tất yếu giữa họ có sự cạnh tranh với nhau.
Hoạt động 3: *Tìm hiểu mục đích của cạnh tranh (8p).* Kết hợp PP đàm thoại và PP thuyết trình	
- GV nêu câu hỏi: Dựa vào khái niệm cạnh tranh đã học, em hiểu mục đích cuối cùng của cạnh tranh là gì? Bằng cách nào để đạt được điều đó? - HS suy nghĩ phát biểu ý kiến: - GV ghi lại các ý kiến không trùng nhau lên bảng phụ - GV sử dụng sơ đồ *Mục đích của cạnh tranh* để nhận xét - GV yêu cầu học sinh lấy ví dụ minh họa cho từng mục đích cụ thể của cạnh tranh . - GV nhận xét và kết luận - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu các loại cạnh tranh và lấy ví dụ minh họa. (Phần này thuộc giảm tải trong chương trình)	**2. Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh** - Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác - Giành ưu thế về khoa học công nghệ - Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng - Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa, kể cả lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, phương thức thanh toán.
Hoạt động 4: *Tìm hiểu tính hai mặt của cạnh tranh (12 p)* Kết hợp PP nêu gương với PP đàm thoại và PP thảo luận, PP thuyết trình	
- GV chuẩn bị video hoặc tranh ảnh, kể chuyện từ sách báo về các tấm gương: 1. Võ Văn Tiếng (Làm lúa sạch ở Đồng Tháp) 2. Phạm Nhật Vượng	**3. Tính hai mặt của cạnh tranh** *a. Mặt tích cực của cạnh tranh* - Là động lực phát triển

.... - GV hỏi: Hãy trình bày những cảm nhận của em về tấm gương điển hình trên? Bài học rút ra đối với bản thân em là gì? - HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét và bổ sung - GV nêu câu hỏi thảo luận lớp: *Vì sao nói cạnh tranh giữ vai trò là động lực của sản xuất và lưu thông hàng hoá?* - HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn cả lớp thảo luận - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung: Đó là cạnh tranh lành mạnh: tuân theo pháp luật và đạo đức xã hội. Phân tích: + Do thi đua hạ chi phí cá biệt. + Sử dụng và khai thác sức người, tài nguyên, vốn, cơ sở hạ tầng…. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng có nhiều tác động tiêu cực (khi xảy ra cạnh tranh không lành mạnh): + Phá rừng, xả nước, rác, hoá chất độc hại ra tự nhiên, khai khoáng bừa bãi (Cty Vê-đan xả nước ra sông Thị Vải); +Dùng hoá chất bảo quản thực phẩm, chất kích thích tăng trưởng, buôn lậu, hàng giả, phẩm màu, …, lối sống thực dụng, vì tiền…;	sản xuất và lưu thông hàng hoá (cơ bản): + Kích thích LLSX và khoa học, công nghệ phát triển, tăng năng suất lao động; + Khai thác tối đa và hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng của đất nướcc để phát triển kinh tế - xã hội. + Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. *b. Mặt hạn chế của canh*

- GV lấy ví dụ về những doanh nghiệp, công ty hay cá nhân kinh doanh thiếu đạo đức, vi phạm pháp luật như: 1. Để tăng trọng lượng cho lợn trước khi xuất chuồng, một cơ sở ở Biên Hòa (Đồng Nai) đã tiêm thuốc ngủ sau đó bơm trực tiếp nước giếng khoan vào bụng.Trước đây, vấn đề tăng trọng lợn bằng hooc môn, thuốc an thần, nước bẩn... cũng được phản ánh nhiều. Người tiêu dùng không chỉ bị "móc túi" vì mua phải thực phẩm gian dối trọng lượng mà còn bị ảnh hưởng sức khỏe khi dùng những sản phẩm tăng trọng kém chất lượng. 2. Sáng 11/3, trên đường đi tuần tra, tổ công tác Đội Cảnh sát kinh tế, Công an quận Hoàng Mai, Hà Nội, phát hiện tại khu vực BT4 bán đảo Linh Đàm có hoạt động tập kết hàng hóa nghi vấn. Sau khi kiểm tra, công an bắt giữ lô thuốc tân dược gồm 60 hộp chứa gần 3.000 viên thuốc do nước ngoài sản xuất. Tại thời điểm kiểm tra, chủ hàng là Võ Đức Dương (41 tuổi, trú quận Hà Đông, Hà Nội) không xuất trình được hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc số hàng. Tổ công tác đã lập biên bản yêu cầu chủ hàng đưa toàn bộ hàng hóa về trụ sở công an quận Hoàng Mai để xác minh. Theo lời khai ban đầu, số thuốc với hàng chục nhãn hàng trên được nhập lậu từ Ấn Độ, trong đó có thuốc trị bệnh ung thư và viêm phổi, giá từ vài triệu đến gần 15 triệu đồng mỗi hộp. Tổng trị giá lô hàng khoảng 90 triệu đồng. - GV hỏi: Quan điểm của em về các hiện tượng trên là gì? Khi thấy các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, em sẽ xử lí như thế nào? - HS suy nghĩ và phát biểu - GV nhận xét và kết luận	*tranh* - Chạy theo lợi nhuận, lợi ích kinh tế trước mắt → tàn phá tự nhiên, môi trường, huỷ hoại tài nguyên. - Chạy theo lợi ích cá nhân →vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. - Đầu cơ lũng đoạn thị trường (độc quyền) → ảnh hưởng xấu đến chất lượng phát triển, tiến bộ và công bằng xã hội.

LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC	
- GV yêu cầu HS trao đổi và phát biểu về nội dung: *Sự khác biệt giữa cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh thể hiện ở các điểm cơ bản nào? Cần có các biện pháp nào để phát huy, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh và hạn chế cạnh tranh không lành mạnh?* - HS phát biểu theo suy nghĩ cá nhân. - GV có thể ghi điểm cho các ý kiến đúng, phù hợp, cụ thể, đặc biệt liên hệ với bản thân. - Căn cứ xác định: + tuân theo pháp luật? + có đạo đức? → cần là người sản xuất kinh doanh có lương tâm, văn hoá; + hoàn thiện hệ thống pháp luật, + xử lý các vi phạm.	- Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức bài học.
- GV hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài + Làm các bài tập cuối bài. + HS quan sát và tìm hiểu thị trường để lấy ví dụ về cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh. Tìm những tấm gương kinh doanh có đạo đức, biết làm giàu chính đáng mà em biết. (Yêu cầu các nhóm nộp sản phẩm là báo cáo, tranh ảnh, ghi âm hoặc video để GV chấm điểm cho từng nhóm). +Đọc trước bài 5. Tìm ví dụ về cung - cầu một số loại hàng hoá của địa phương.	- Giúp HS phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm...

Tiết 10. Bài 4. QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI *(phần 2)*

I. MỤC TIÊU GIỜ HỌC

Học xong tiết này, học sinh cần:

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, nội dung quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực lao động.
- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm cho công dân thực hiện được quyền bình đẳng trong lao động.

2. Kỹ năng

- Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện các quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực lao động.
- Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, học hợp tác, giải quyết vấn đề, xác định giá trị.

3. Thái độ

Có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực lao động.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: tham khảo tài liệu, in phiếu học tập, xây dựng và lựa chọn các tình huống.

2. Học sinh: học bài cũ, đọc bài 4, có bảng nhựa (theo nhóm).

III. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

- Giaó dục chuẩn mực đạo đức kinh doanh là tôn trọng con người như đảm bảo quyền đãi ngộ bình đẳng và xứng đáng cho người lao động, tôn trọng quyền riêng tư cá nhân, đảm bảo điều kiện, môi trường làm việc, trả lương công bằng cho người lao động...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ (5p)

- GV hỏi: Nguyên tắc bình đẳng được thể hiện như thế nào trong quan hệ giữa vợ và chồng? Thực hiện nguyên tắc này có ý nghĩa như thế nào với người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay?

2. Giảng bài mới (39p)

Giới thiệu bài (1p)

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước. Thực hiện quyền bình đẳng trong lao động là bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hoà và ổn định, góp phần phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động trí óc và lao động chân tay, của người quản lý lao động, nhằm đạt năng suất, chất lượng và tiến bộ xã hội trong lao động, sản xuất, dịch vụ, hiệu quả trong sử dụng và quản lý lao động, góp phần công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hoạt động của Giáo viên và Học sinh	**Nội dung kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1. *Tìm hiểu khái niệm bình đẳng trong lao động (7p)* Sử dụng PP đàm thoại với PP thuyết trình	
- GV giới thiệu về vai trò và các hoạt động lao động cơ bản. - GV hỏi: Em hiểu như thế nào là bình đẳng trong lao động? - HS trả lời - GV nhận xét và giải thích, lấy ví dụ cho HS hiểu các khái niệm “việc làm”, “quyền lao động”, “ người lao động”, “người sử dụng lao động”.	**2. Bình đẳng trong lao động** *a. Thế nào là bình đẳng trong lao động?*

- GV kết luận	- Bình đẳng trong lao động là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông quan tìm việc làm. - Bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động. - Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước
***Hoạt động 2**. Tìm hiểu nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động (25p)* Kết hợp PP nêu gương, với PP dạy học tình huống và đóng vai, PP đàm thoại, PP thuyết trình	
- GV hỏi: Là người đã đến tuổi lao động, em có dự định gì về tìm việc làm, cảm thấy có các trở ngại gì? - HS suy nghĩ và trả lời (Trình độ, giới, khó xin trong cơ quan nhà nước, lương hành chính thấp… → quyền lao động) - GV nhận xét, bổ sung và nêu vấn đề: Vậy thực hiện quyền lao động là gì? Và bình đẳng trong lao động có nghĩa là như thế nào? - HS trả lời - GV nhận xét và tổng hợp: Thực hiện quyền lao động (tìm việc làm):→ tự do chọn, làm tất cả những việc đem lại thu nhập hợp pháp (pháp luật không cấm), phù hợp với sức khoẻ,	*b. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động* *<u>* Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động:</u>* có nghĩa là, mọi người đều có quyền làm việc,

khả năng, điều kiện của mình. - GV hỏi: Những ưu đãi của Nhà nước đối với người có chuyên môn, trình độ kĩ thuật cao có bị xem là bất bình đẳng trong lao động xã hội không? - HS trả lời - GV nhận xét và cung cấp thông tin phản hồi (Không vì do đặc điểm (điểm xuất phát) không như nhau và quá trình đóng góp, cống hiến khác nhau). - GV sử dụng máy chiếu hoặc tranh ảnh để nêu gương về doanh nhân thành đạt, tôn trọng người lao động như: **Nguyễn Thành Nhơn (32 tuổi), Tổng giám đốc Công ty cổ phần công nghệ Nhơn Hữu,** quận 10, bước vào thương trường khi mới còn là cậu sinh viên năm thứ nhất bằng việc bán hàng lưu động bút bi Bến Nghé đến từng nhà, từng cửa hàng mà theo anh đây là một cách tiếp thị mới lạ chưa hề có ở thời điểm đó. Mới đầu chỉ là một doanh nghiệp tư nhân tư mãi, đến năm 2002, Công ty cổ phần công nghệ Nhơn Hữu ra đời hoạt động trong 3 lĩnh vực: công nghệ sinh học, thiết bị điện và phần mềm máy móc Hitachi.Trong công ty, anh vừa là người điều phối, hoạch định chiến lược cho các đội ngũ nhân viên triển khai kế hoạch, vừa đầu tư nghiên cứu về thiết bị máy móc và các phần mềm hiện đại, rồi kể cả	tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế. *<u>* Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động</u>*

lĩnh vực chế biến thực phẩm dinh dưỡng. Cuối năm 2003, Nhơn thành lập dự án làng nấm ở huyện Củ Chi, được xếp vào loại đặc biệt ưu đãi của TP HCM và đã tạo nghề mới cho 1.000 lao động ở địa phương. Với Thành Nhơn, bí quyết dẫn đến thành công là người lãnh đạo doanh nghiệp phải biết coi trọng lao động, gần gũi với họ để nhận biết năng lực của mỗi người. Anh từng mua bảo hiểm nhân thọ Prudential cho những người gắn bó với công ty lâu năm để khi về già họ có mức thu nhập ổn định như lúc còn đi làm. - GV hỏi: Em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động qua câu chuyện trên? - HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho cả lớp trao đổi, bổ sung, sau đó nhận xét và cung cấp thông tin phản hồi. - GV yêu cầu các nhóm kể thêm những tấm gương tôn trọng người lao động và những hiện tượng vi phạm hợp đồng lao động trong thực tế. - HS thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá - GV hỏi: Hợp đồng lao động là gì? Nguyên tắc giao kết và các nội dung cơ bản của hợp đồng lao động? Việc giao kết HĐLĐ có ý nghĩa gì? - HS trả lời - GV nhận xét và kết luận	*<u>*Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ</u>*

- GV phân công các nhóm sử dụng PP đóng vai theo tình huống sau: Chị Hoài đang làm trong 1 công ty với hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng , chị có cam kết với công ty trong vòng 5 năm đầu sẽ không sinh con. Nhưng đến nay mới được 3 năm, chị lấy chồng và sắp sinh con. Căn cứ vào HĐ đã kí kết, Giám đốc ra quyết định đơn phương chấm dứt HD với chị. *Việc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Giám đốc với chị Hoài có là vi phạm pháp luật không? Vì sao? Nếu em là chị Hoài, em sẽ làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích của mình?* - HS viết lời thoại, phân vai - Các nhóm thảo luận - HS cử đại diện nhóm trình bày - GV phân loại ý kiến, nhận xét tiểu phẩm và cung cấp thông tin phản hồi: Có vi phạm, vì khoản 3 - Điều 111 - Bộ luật lao động quy định: *Người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động nữ vì lý do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động*. Việc kí hợp đồng cam kết không sinh con là có nội dung trái quy định của pháp luật, nội dung đó phải được sửa đổi, bổ sung. - Chị Hoài có thể đề xuất với công đoàn hoặc đề nghị Hội đồng hoà giải lao động cấp cơ sở giải quyết. Nếu	

hoà giải không thành, chị có quyền yêu cầu Toà án nhân dân giải quyết tranh chấp. - GV hỏi: Quyền lao động không phân biệt về giới, biểu hiện như thế nào? - HS trả lời - GV nhận xét và bổ sung: Ngang nhau trong cơ hội tiếp cận việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng, tiền lương, thưởng, các điều kiện lao động… - GV hỏi: Nhưng tại sao với lao động nữ lại có những quy định riêng? Như thế có là bất bình đẳng? Em biết một số quy định riêng đó là gì? - HS suy ngĩ và phát biểu - GV nhận xét và cung cấp thông tin phản hồi	
Hoạt động 3: *Tìm hiểu về trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động (5p)* Kết hợp PP đàm thoại với PP thuyết trình	
- GV hỏi: Để bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động, Nhà nước cần có trách nhiệm như thế nào? - HS suy nghĩ và trả lời - GV nhận xét và bổ sung - GV hỏi: Là HS, em cần phải làm gì để bảo vệ quyền bình đẳng của bản thân trong lao động? - HS trả lời - GV nhận xét và tổng kết	*c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động*
LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC	
- GV yêu cầu HS nghiên cứu và trả lời câu hỏi 4, 5 trong SGK – trang 42.	

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá - GV yêu cầu HS về nhà: + Làm bài tập 8.3 trong SGK + Đọc, tìm hiểu trước và chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến phần 3. Bình đẳng trong kinh doanh (SGK tr.37,38,39 để trao đổi với các bạn và GV trong giờ học sau.	- Giúp HS củng cố kiến thức và phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện kỹ năng.

PHỤ LỤC 4

BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRƯỚC THỰC NGHIỆM

Môn: Giáo dục công dân

Thời gian.....phút

Họ và tên HS:.....Lớp.....

A. Đề bài dành cho HS lớp 10

Câu 1(6 điểm):Vì sao nói con người là mục tiêu phát triển của xã hội? Em hãy cho biết con người luôn hướng tới các mục tiêu nào? Bằng cách nào con người đạt được các mục tiêu đó?

Câu 2 (4 điểm): Một công trình ở Hà Nội (công viên Hoà Bình) được khánh thành, đưa vào sử dụng đợt kỉ niệm 1000 năm, sau 10 ngày đã có dấu hiệu xuống cấp. Một số nắp cống hỏng trở thành hố tử thần vào buổi tối, mưa lũ; một chiếc máy ATM hở điện giật chết em bé. Một chuyến xe khách chở nhiều người vượt qua nước chảy xiết và bị cuốn trôi; những dòng sông bị ô nhiễm, thực phẩm trông ngon nhưng lại tẩm hoá chất vào… Em có suy nghĩ gì về những thông tin này?

B. Đề bài dành cho HS lớp 11

I. Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào một chữ cái(A, B, C, D) thể hiện phương án đúng nhất trong các câu hỏi sau đây:

Câu 1. Hàng hoá là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua:

A.Sản xuất, tiêu dùng. C.Phân phối, sử dụng.

B. Trao đổi mua – bán. D. Qúa trình lưu thông.

Câu 2. Chính công dụng của sản phẩm làm cho hàng hoá có:

A. Giá trị. C. Giá trị trao đổi.

B. Giá trị sử dụng. D. Giá trị trên thị trường.

Câu 3. Hàng hoá có những thuộc tính nào?

A.Giá trị và giá trị trao đổi. C. Giá trị và giá trị sử dụng.

B. Giá trị trao đổi và giá trị cá biệt. D. Giá trị sử dụng và giá trị cá biệt.

Câu 4. Giá trị của hàng hoá được biểu hiện thông qua:

A. Giá trị sử dụng của nó. C. Giá trị cá biệt của nó.

B. Công dụng của nó. D. Giá trị trao đổi của nó.

Câu 5. Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hoá có giá trị sử dụng:

A.Khác nhau. B. Giống nhau. C. Ngang nhau. D. Bằng nhau

Câu 6. Giá trị tư liệu sản xuất đã hao phí gộp với giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hoá gọi là:

A. Lao động hao phí. C. Chi phí sản xuất.

B. Giá trị xã hội của hàng hoá. D. Lượng giá trị hàng hoá.

Câu 7. Tiền tệ có mấy chức năng

A. Ba chức năng. C. Năm chức năng

B. Bốn chức năng. D. Sáu chức năng

Câu 8. Quy luật giá trị phát huy tác dụng của nó thông qua yếu tố nào?

A. Quan hệ cung – cầu. C. Giá cả thị trường.

B. Giá trị thặng dư. D. Giá trị sử dụng.

Câu 9. Quy luật nào sau đây giữ vai trò là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và lưu thông hàng hoá?

A. Quy luật tiết kiệm thời gia lao động.

B. Quy luật tăng năng suất lao động.

C. Quy luật giá trị thặng dư.

D. Quy luật giá trị.

Câu 10. Việc thực hiện cơ chế một giá thống nhất trong cả nước là sự vận dụng quy luật giá trị của:

A.Nhà nước. C. Người sản xuất.

B. Doanh nghiệp. D. Đại lí phân phối sản phẩm.

II. Phần tự luận (6 điểm)

Nước ta có nhiều sản phẩm nông nghiệp như ngô, mận, xoài, nhãn... nhưng cứ đến mùa thì giá rất thấp. Vận dụng quy luật giá trị, nhóm em hãy tìm các lời giải cho bài toán này để chấm dứt hiện tượng được mùa – mất giá?

C. Đề bài dành cho HS lớp 12

Câu 1(4 điểm): Pháp luật là gì? Tại sao lại cần phải có pháp luật?

Câu 2(6 điểm): Em hãy lấy ví dụ về việc vi phạm pháp luật đồng thời cũng là vi phạm chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực kinh doanh?

PHỤ LỤC 5

BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ SAU THỰC NGHIỆM LẦN 1

Môn: Giáo dục công dân

Thời gian.....phút

Họ và tên HS:.....Lớp.....

A. Đề bài dành cho HS lớp 11

I. Phần trắc nghiệm (2 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào một chữ cái(A, B, C, D) thể hiện phương án đúng nhất trong các câu hỏi sau đây:

Câu 1. Cạnh tranh kinh tế ra đời trong:

A.Nền sản xuất tự cấp, tự túc.

C. Nền sản xuất tự nhiên

B. Nền sản xuất hàng hoá.

D. Mọi nền sản xuất vật chất.

Câu 2. Nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh:

A.Sự hấp dẫn của lợi nhuận.

B. Sự khác nhau về tiền vốn ban đầu

C. Chi phí sản xuất khác nhau.

D. Điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

Câu 3. Nội dung nào sau đây được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh:

A.Làm cho môi trường bị suy thoái.

B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

D. Kích thích sức sản xuất.

Câu 4. Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy:

A.Thị trường tiêu thụ.

B. Ưu thế về khoa học và công nghệ.

C. Thị trường tiêu thụ.

D. Lợi nhuận.

Câu 5. Trong các việc làm sau đây, việc làm nào được pháp luật cho phép trong cạnh tranh:

A.Bỏ nhiều vốn vào để đầu tư sản xuất.

B. Đầu cơ tích trữ để nâng cao giá thành sản phẩm.

C. Khai báo không đúng mặt hàng kinh doanh.

D. Bỏ qua yếu tố môi trường trong kinh doanh.

II. Phần tự luận (8 điểm)

Câu 1(4 điểm): Nếu em là người chủ sản xuất và kinh doanh mặt hàng điện thoại đang bán rất chạy trên thị trường, trong xã hội lại có rất nhiều người cùng tham gia kinh doanh ngành đó. Em hãy vận dụng các kiến thức đã học để tìm cách chiến thắng trong cạnh tranh mà không vi phạm đạo đức kinh doanh?

Câu 2 (4 điểm): Nếu em biết một cơ sở sản xuất bánh trung thu không đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, em sẽ làm gì? Vì sao và dựa vào đâu để em có thể làm như vậy?

B. Đề bài dành cho HS lớp 12

Câu 1 (5 điểm): Pháp luật thừa nhận bình đẳng trong lao động và bình đẳng trong kinh doanh có vai trò quan trọng như thế nào đối với người lao động, người kinh doanh và xã hội?

Câu 2 (5 điểm): Em hãy kể về tấm gương những doanh nhân thành đạt mà em biết? Theo em, sự tuân thủ pháp luật hay tuân theo những chuẩn mực đạo đức kinh doanh là nguyên nhân dẫn đến sự thành công của doanh nhân đó?

PHỤ LỤC 6

BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ SAU THỰC NGHIỆM LẦN 2

Môn: Giáo dục công dân

Thời gian.....phút

Họ và tên HS:.....Lớp.....

Câu 1 (5 điểm): Em hãy phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục, tập quán trong sự điều chỉnh hành vi của con người.

Câu 2 (5 điểm): Hãy lấy một vài ví dụ về hành vi có đạo đức trong kinh doanh. Qua những ví dụ này, em có thể rút ra được điều gì?

PHỤ LỤC 7
PHIẾU HỎI Ý KIẾN GIÁO VIÊN SAU THỰC NGHIỆM

Thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của bản thân khi tham gia dạy học thực nghiệm tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD bằng việc đánh dấu (x) vào mỗi câu trả lời sau đây:

TT	Nội dung	Đánh giá	
		Đồng ý	Không đồng ý
1	HS lớp TN nhận thức được sự cần thiết của giáo dục đạo đức kinh doanh		
2	Ở lớp TN, HS hiểu được các giá trị của chuẩn mực đạo đức kinh doanh sâu sắc hơn so với lớp ĐC		
3	HS lớp TN có khả năng vận dụng, liên hệ kiến thức bài học vào thực tiễn tốt hơn lớp ĐC		
4	HS lớp TN hứng thú, tích cực, chủ động hơn trong thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp		
5	Khả năng phát hiện và GQVĐ của HS nhóm lớp TN có sự tiến bộ hơn so với HS nhóm lớp ĐC		
6	Giáo án phù hợp với yêu cầu của DH tích hợp		
7	Nội dung tích hợp phù hợp với thời lượng chương trình môn học		
8	Trong chương trình môn GDCD nên có nội dung tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh		

PHỤ LỤC 8

PHIẾU HỎI Ý KIẾN HỌC SINH SAU THỰC NGHIỆM

Em hãy cho biết ý kiến của bản thân khi tham gia học tập trong tiết thực nghiệm tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD bằng việc đánh dấu (x) vào mỗi câu trả lời sau đây:

TT	Nội dung	Đánh giá	
		Đồng ý	Không đồng ý
1	Em cảm thấy hứng thú và tích cực hơn trong thực hiện các nhiệm vụ học tập		
2	Nội dung tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong giờ dạy TN thiết thực, gần gũi với em		
3	Bài học có tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD khiến em tiếp thu nhẹ nhàng và sâu sắc hơn		
4	Qua nội dung bài học giúp em có khả năng liên hệ và vận dụng vào thực tiễn tốt hơn		
5	Bài học giúp em nhận thức rõ hơn về các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện nay		
6	Em nhận thấy phải có trách nhiệm hơn đối với xã hội khi tham gia vào các ngành nghề sau này		
7	Bài giảng giúp các em nâng cao nhận thức về sự cần thiết tuân theo các chuẩn mực ĐĐKD		